

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**VŨ THỊ DIỆU**

**BIẾN ĐỔI NHÀ CỬA CỦA NGƯỜI THÁI ĐEN  
Ở XÃ BÌNH SƠN TỪ KHI ĐỔI MỚI ĐẾN NAY**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ  
Chuyên ngành: Nhân học**

**Hà Nội-**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

---

**VŨ THỊ DIỆU**

**BIẾN ĐỔI NHÀ CỬA CỦA NGƯỜI THÁI ĐEN  
Ở XÃ BÌNH SƠN TỪ KHI ĐỔI MỚI ĐẾN NAY**

Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành: Nhân học

Mã số: 60 31 03 02

Người hướng dẫn khoa học: TS. Vi Văn An

**Hà Nội-**

## **LỜI CẢM ƠN**

Để hoàn thành luận văn Thạc sĩ “*Biến đổi nhà cửa của người Thái Đen ở xã Bình Sơn từ khi đổi mới đến nay*”, tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn.

T.S. Vi Văn An, Bảo tàng Dân tộc Việt Nam - Ngôi nhà thầy đã tận tình giúp đỡ và hướng dẫn tôi trong quá trình thực hiện đề tài này. PGS.TS. Lê Sỹ Giáo, thầy đã định hướng cho tôi nghiên cứu về ngôi nhà Thái ở Thanh Hóa và đã tận tình giúp đỡ về mặt chuyên môn cả trong học tập và nghiên cứu.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến tập thể thầy/ cô trong Khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã giúp đỡ tôi trong suốt quá học tập và nghiên cứu tại đây

***Xin trân trọng cảm ơn !***

***Hà Nội, ngày***

**Vũ Thị Diệu**

## MỤC LỤC

### MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4. Tổng quan tài liệu nghiên cứu	4
5. Nguồn tài liệu	7
6. Khái niệm và lý thuyết tiếp cận	7
6.1 Một số khái niệm	7
6.2. Lý thuyết tiếp cận	11
7. Phương pháp nghiên cứu	14
8. Đóng góp của luận văn	17
9. Bố cục luận văn	18

### CHƯƠNG 1

#### KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA BÀN VÀ TỘC NGƯỜI NGHIÊN CỨU

1.1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu	19
1.1.1. Vị trí địa lý	19
1.1.2. Điều kiện tự nhiên	21
1.2. Khái quát về tộc người nghiên cứu	25
1.2.1. Dân số và phân bố dân cư	25
1.2.2. Tên gọi và lịch sử cư trú	31
1.2.3. Các hoạt động kinh tế	33
1.2.4. Các dạng thức văn hóa	40
<b>Tiểu kết chương 1</b> .....	<b>48</b>

### CHƯƠNG 2

#### NHỮNG ĐẶC TRƯNG CỦA NHÀ CỬA TRUYỀN THỐNG

2.1. Những vấn đề chung	49
-------------------------	----

2.2. Quan niệm và phân loại nhà cửa của người Thái Đen ở xã Bình Sơn ..	51
2.3. Quy trình làm nhà	53
2.3.1. Chuẩn bị vật liệu	53
2.3.2. Kỹ thuật dựng nhà	55

2.3.3. Quy trình dựng nhà	57
2.3. 4. Bố trí mặt bằng sinh hoạt	61
<u>2.4. Các nghi lễ trong quá trình dựng nhà</u>	64
<u>2.4.1. Chọn đất và hướng nhà</u>	64
2.4.2. Chọn ngày, giờ và các nghi lễ trong quá trình dựng nhà	66
2.5. Các điều kiêng kỵ trong ngôi nhà	68
<b>Tiểu kết chương 2</b> .....	70
<b>CHƯƠNG 3</b>	
<b>BIẾN ĐỔI NHÀ CỬA VÀ CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG DẪN ĐẾN SỰ BIẾN ĐỔI</b>	
3.1. Tiền đề và quá trình biến đổi nhà cửa	71
3.2. Các yếu tố biến đổi	72
3.2.1. Biến đổi về loại hình nhà cửa	73
3.2.2. Thay đổi về vật liệu xây dựng	74
3.2.3. Thay đổi thợ, công cụ, đơn vị đo lường	75
3.2.4. Thay đổi về kĩ thuật và quy trình dựng nhà	79
3.2.5. Thay đổi mặt bằng sinh hoạt trong ngôi nhà	80
3.2.6. Thay đổi phong tục, tập quán liên quan đến ngôi nhà	82
3.3. Các yếu tố tác động dẫn đến sự biến đổi nhà cửa	85
3.3.1. Chính sách và thể chế	86
3.3.2. Yếu tố môi trường	89
3.3.3. Yếu tố kinh tế	90
3.3.4. Sự giao lưu văn hóa giữa các dân tộc	92
3.3.5. Sự thay đổi nhận thức của người dân	93
<b>Tiểu kết chương 3</b> .....	94
<b>KẾT LUẬN</b>	95

TÀI LIỆU THAM KHẢO  
PHỤ LỤC

98  
103

**Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: [luanvantot.com](http://luanvantot.com) Zalo/tele  
0934573149**

**Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại [luanvantot.com](http://luanvantot.com)**

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Nhà cửa là một trong những thành tố của văn hóa vật chất, biểu hiện đặc trưng của văn hóa tộc người. Thông qua nhà cửa có thể nhận biết tộc người này với tộc người khác. Nghiên cứu về nhà cửa và các yếu tố liên quan đến ngôi nhà để thấy được đặc trưng giao lưu văn hóa và quá trình phát triển, tiếp biến của văn hóa tộc người.

Nhà sàn là loại hình cư trú truyền thống của người Thái. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, nhà sàn đang được thay thế bằng loại hình nhà theo kiểu kiến trúc của người Việt và đi liền với nó là sự biến đổi về cách thức sử dụng không gian sinh hoạt, phong tục tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng liên quan đến ngôi nhà. *Vậy quá trình biến đổi kiến trúc nhà cửa của người Thái Đen ở xã Bình Sơn diễn ra như thế nào? Đây là nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi về loại hình nhà ở này? Vấn đề phát triển kinh tế xã hội sau đổi mới đã tác động và ảnh hưởng như thế nào đối với sự biến đổi văn hóa vật chất của người Thái nói chung và nhà cửa nói riêng.* Đây là những câu hỏi chính đặt ra của đề tài và cũng là lí do khiến tôi lựa chọn nhà ở làm đối tượng nghiên cứu cho luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Nhân học của mình.

Để thực hiện đề tài này, tôi đã chọn xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa làm địa bàn nghiên cứu. Tôi lựa chọn địa bàn này vì 3 lí do chính:

*Thứ nhất*, Bình Sơn vốn là một xã miền núi của huyện Triệu Sơn, chiếm  $\frac{3}{4}$  diện tích là đồi núi. Dân cư trong xã trước đây chủ yếu là người Thái Đen, số ít người Mường nhập cư từ khi có dự án 327 chuyên người Kinh ở một số xã trong huyện có mật độ dân số cư trú đông đúc di cư lên xây dựng kinh tế mới

ở vùng miền núi Tây Triệu Sơn. Người Kinh di cư lên khu vực này, họ tạo lập những bản làng sống cư trú đan xen với người Thái. Quá trình cư trú đan

xen dẫn đến việc giao thoa và tiếp nhận văn hóa của tộc người đa số, từ đó hình thành nên những nét văn hóa mới của tộc người này.

*Thứ hai*, từ năm 1990 trở lại đây, nhà sàn – loại hình nhà ở truyền thống của người Thái Đen ở xã Bình Sơn đã có sự biến đổi nhanh chóng, mạnh mẽ. Hiện nay, trong các thôn/ bản của người Thái không còn một ngôi nhà sàn nào được sử dụng với toạ cách là nhà ở. Nghiên cứu về: “*Biến đổi nhà sàn của người Thái Đen ở xã Bình Sơn từ sau đổi mới*” để thấy được các xu hướng biến đổi trong loại hình nhà ở của người Thái và những nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi này.

*Thứ ba*, lý do khiến tôi lựa chọn xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn làm địa bàn nghiên cứu mà không phải một địa phương khác vì: nếu như ngoài Tây Bắc, các nhà Dân tộc học thường quan tâm đến các địa phương có người Thái cư trú tập trung tại hai tỉnh Thanh Hóa (Quan Hóa, Bá Thước, Thọ Sơn, Xuân) và Nghệ An (Quỳ Hợp, Quế Phong, Quỳ Châu, Con Cuông, Thọ Sơn). Trong khi đó, có thể khẳng định, cho đến nay, chưa có bất kỳ một nghiên cứu nào hay bài viết về bộ phận người Thái ở xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Do vậy, đây là địa bàn nghiên cứu không trùng lặp với các công trình nghiên cứu của những người đi trước.

Hơn nữa, Bình Sơn là xã gần nơi tác giả sinh sống và tôi đã dành thời gian tìm hiểu nhất định về lĩnh vực này ngay từ những năm khi đang còn học đại học. Do vậy, lựa chọn đề tài này giúp tôi có điều kiện thuận tiện hơn trong quá trình thâm nhập địa bàn và sẽ khai thác được nhiều toạ liệu tốt, vì có nhiều người thân quen với gia đình và bạn bè học thời phổ thông trung học hiện đang sinh sống tại xã Bình Sơn. Đây là lợi thế để tôi tiến hành điền dã tại cộng đồng để phỏng vấn lấy thông tin được tốt hơn. Từ ba lý do đã trình bày ở trên nên tôi lựa chọn xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn làm địa bàn nghiên cứu của mình.

Qua nghiên cứu các đặc trưng nhà ở truyền thống và sự biến đổi nhà ở của người Thái Đen ở xã Bình Sơn, góp phần giúp chính quyền địa phương có cơ sở khoa học trong việc định ra giải pháp bảo lưu, bảo tồn, phát huy các giá trị nhà ở trong quá trình nông thôn mới hiện nay.



## 2. Mục tiêu nghiên cứu

- Tìm hiểu các đặc trưng về nhà cửa truyền thống của người Thái Đen ở xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Tìm hiểu những biến đổi về nhà cửa trên nhiều khía cạnh: biến đổi về loại hình, vật liệu, kỹ thuật xây dựng, mặt bằng sinh hoạt, phong tục tập quán và mối quan hệ xã hội của các thành viên trong gia đình.

- Tìm hiểu các yếu tố tác động: môi trường, xã hội, thể chế và chính sách dẫn đến sự biến đổi về nhà cửa của người Thái Đen ở xã Bình Sơn.

## 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

+ *Đối tượng nghiên cứu:*

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là “*Biến đổi nhà cửa của người Thái Đen xã Bình Sơn từ khi đổi mới đến nay*”. Nhà cửa gồm có: nhà ở, kiến trúc dân gian, khu dân dụng....Tuy nhiên, với đề tài này tác giả tập trung nghiên cứu về nhà ở của người Thái với hai loại hình nhà: nhà ở truyền thống và nhà ở từ khi đổi mới đến nay.

+ *Đối tượng khảo sát:*

Đối tượng phỏng vấn bao gồm: các bậc cao niên, trung niên, thanh niên người Thái Đen cư trú ở xã Bình Sơn. Để tìm hiểu những thôn tin liên quan đến loại hình nhà ở truyền thống, tác giả phỏng vấn các bậc cao niên, trung niên trong làng. Bên cạnh đó, tác giả tiến hành phỏng vấn đối tượng thanh thiếu niên để tìm hiểu biến đổi nhà ở của người Thái Đen ở xã Bình Sơn trong giai đoạn hiện nay.

+ *Phạm vi nghiên cứu:*

Phạm vi không gian nghiên cứu của đề tài được xác định ở 3 thôn có người Thái Đen cư trú, đó là: Thôn Thoi, Bồn Dòn và Cây Xe.

Phạm vi thời gian, luận văn tập trung nghiên cứu những biến đổi nhà ở của người Thái Đen ở xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa từ khi đổi mới đến nay.

#### 4. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Nghiên cứu về tộc người Thái ở Việt Nam hiện đã có nhiều công trình nghiên cứu, có thể quy nạp thành 3 vấn đề lớn nhỏ sau:

(1) *Nghiên cứu tổng quan về tộc người Thái ở Việt Nam.*

Các nhà nghiên cứu thường đi sâu nghiên cứu tổng quan về người Thái ở Việt Nam dưới góc độ lịch sử tộc người, hệ thống thân tộc, các hoạt động kinh tế mưu sinh cho đến phong tục tập quán, tín ngưỡng trong việc dựng nhà, ăn, mặc, nghi lễ vòng đời, lễ hội, vui chơi...

Tiêu biểu phải kể đến các tác giả Chăm Trọng, Đặng Nghiên Vạn, Hoàng Lojong...; trong đó có một số công trình nghiên cứu tiêu biểu về người Thái nhỏ: *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam (1978)*; *Những hiểu biết về người Thái ở Việt Nam (2005)*; *Người Thái (2005)*; *Mấy vấn đề cơ bản về lịch sử, kinh tế, xã hội cổ đại của người Thái Tây Bắc Việt Nam (1978)*, *Sơ lược về sự thiên di của các bộ tộc Thái vào Tây Bắc Việt Nam (1965)*; *Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái (1977)*... Các tác giả nêu trên chủ yếu tập trung nghiên cứu người Thái ở khu vực Tây Bắc và Đông Bắc Việt Nam.

Nghiên cứu về tộc người Thái ở Việt Nam cũng được nhóm tác giả Nguyễn Văn Huy, Chăm Trọng, Vi Văn An, Võ Thị Thờng ở Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam quan tâm nghiên cứu dưới góc độ nhân học bảo tàng, với đề tài: *Người Thái ở Việt Nam (2005)*. Nhóm tác giả ngoài tìm hiểu tổng quan người Thái ở khu vực Tây Bắc, Thanh Hóa, Nghệ An về nguồn gốc lịch sử tộc người, quá trình chuyển cư, phân bố các nhóm địa phương... còn tìm hiểu cả về sinh hoạt văn hóa vật chất và tinh thần của người Thái ở Việt Nam.

(2) *Nghiên cứu các giá trị văn hóa vật chất của người Thái nói chung và người Thái ở Thanh hóa – Nghệ An nói riêng.*

Tiêu biểu là công trình nghiên cứu của tác giả Vi Văn Biên (2006), *Văn hóa vật chất của người Thái ở Thanh Hóa và Nghệ An*. Tác giả cho rằng,

người Thái ở Thanh Hóa, Nghệ An có quan hệ nguồn gốc với người Thái ở Tây Bắc nhờ do quá trình chuyển cư, sinh sống cư trú đan xen với các cư

dân Việt – Mơông, Môn – Khơ Me nên người Thái ở Thanh Hóa, Nghệ An đã hình thành nên bản sắc riêng mang tính địa phương, vùng miền. Tuy nhiên, họ vẫn có những nét sinh hoạt văn hóa giống với người Thái ở Tây Bắc. Những giá trị văn hóa của người Thái hiện được lưu giữ ở các nhóm Thái ở Thanh Hóa, Nghệ An về ăn, mặc, ở, phương tiện đi lại, vận chuyển khá đa dạng và phong phú.

*Các giá trị văn hóa vật chất của người Thái ở miền núi Nghệ An* cũng được Artha Nantachukra (1998) chọn làm đề tài luận án Tiến sĩ sử học tại trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn. Luận án đi sâu tìm hiểu về các giá trị văn hóa vật chất của người Thái ở Nghệ An thông qua hệ thống công cụ sản xuất, hệ thống thủy lợi; về ăn, mặc, ở và các phương tiện vận chuyển đi lại. Ngoài ra, tác giả luận án cũng so sánh sự giống và khác nhau giữa nhóm Thái ở Nghệ An với một số bộ phận người Thái ở Thái Lan. Từ đó, người đọc thấy được sự khác biệt về điều kiện tự nhiên, lịch sử, chính trị, xã hội của từng nhóm Thái ở mỗi quốc gia, vùng miền sẽ có sự khác nhau về mặt văn hóa.

### (3) Nghiên cứu về nhà ở

Nghiên cứu về nhà ở đã có một số công trình nghiên cứu mang tính chuyên sâu, tiêu biểu là tác giả Nguyễn Khắc Tụng, Hoàng Nam. Nhà nghiên cứu kiến trúc dân gian Nguyễn Khắc Tụng với công trình: *Nhà ở cổ truyền các dân tộc ở Việt Nam*. Tác phẩm đã trình bày một cách khái quát về loại hình nhà ở truyền thống và kiến trúc dân gian của các dân tộc ở Việt Nam phân theo nhóm ngôn ngữ. Bên cạnh đó, còn có công trình nghiên cứu của Võng Trung (1997), *Nhà sàn cổ người Thái Việt Nam*. Tác giả đi sâu tìm hiểu kiến trúc ngôi nhà sàn truyền thống của người Thái với những nghi lễ trong quá trình dựng nhà, sinh hoạt dưới nếp nhà, cách giáo dục trong gia đình... Đặc biệt, tác giả đã nghiên cứu ngôi nhà sàn của người Thái từ hai góc độ: (1) Ngôi nhà sàn là sản phẩm văn hóa không chỉ thể hiện kỹ năng, kỹ thuật làm nhà mà còn thể hiện cả trình độ hiểu biết về tự nhiên, môi trường sống.



(2) Nhà sàn của người Thái là nơi hội tụ những sinh hoạt văn hóa dân tộc, nó là nơi chứng kiến những mốc quan trọng của đời người như: sinh đẻ, cưới xin, lên lão, tang lễ; đồng thời, nó cũng có chức năng bảo tồn, kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc Thái. Công trình nghiên cứu của các tác giả Hoàng Nam, Lê Ngọc Thắng (1984), *Nhà sàn Thái*, tác phẩm đã đi sâu nghiên cứu kiến trúc nhà sàn truyền thống của người Thái, những sinh hoạt văn hóa mang tính vật chất và tinh thần, qua đó góp phần lý giải quá trình hình thành và phát triển đời sống văn hóa truyền thống của người Thái.

Ngoài ra, còn một số luận văn, luận án nghiên cứu về nhà ở. Tiêu biểu có một số công trình: Phạm Lợi (2005), *Nhà ở của người Triêng ở Việt Nam*, luận án Tiến sĩ lịch sử chuyên ngành Dân tộc học; Phạm Minh Phúc (2012), *Nhà ở của người Dao áo dài ở tỉnh Hà Giang*, luận án Tiến sĩ Nhân học; Nguyễn Thị Hòa (1996), *Nhà ở và sinh hoạt nhà ở của người Êđê ở Việt Nam*, luận án Phó Tiến sĩ Khoa học lịch sử. Luận văn Thạc sĩ của Nguyễn Tiên Dũng (2006) về *Các giá trị văn hóa nhà cửa của người Thái ở Quế Phong, Nghệ An*, trường Đại học văn hóa Hà Nội. Các nhà nghiên cứu đã tiếp cận nhà ở dưới góc độ Dân tộc học/ Nhân học, đã mô tả chi tiết về nguyên liệu, kỹ thuật làm nhà, các nghi lễ, phong tục tập quán, nếp sống, sinh hoạt của tộc người dưới mái nhà. Bên cạnh đó, còn có một số bài viết trong kỷ yếu chọong trình Thái học năm 2013 ở Thanh Hóa.

Các công trình nghiên cứu nêu trên đã cho chúng ta cái nhìn tổng quan về người Thái và những đặc trưng văn hóa của tộc người thông qua các thành tố của văn hóa vật chất (nhà ở, trang phục, ăn uống) và văn hóa tinh thần (phong tục tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng, lễ tết,...). Tuy nhiên, nghiên cứu về biến đổi về nhà ở của người Thái Đen trong giai đoạn hiện nay một cách có hệ thống ở một địa điểm, cùng với mốc thời gian cụ thể thì chưa có nhiều công trình nghiên cứu. Bởi vậy, ngoài việc kế thừa các nguồn tài liệu thứ cấp (sách, báo, tạp chí, các công trình nghiên cứu, các bài hội thảo...) tác giả tập



trung khai thác toạ liệu điền dã tại địa bàn để hoàn thiện luận văn với những vấn đề mà mục đích nghiên cứu đã đề ra.

## **5. Nguồn toạ liệu**

Luận văn được hình thành trên cơ sở kế thừa sau: (1) Tài liệu của các nhà nghiên cứu qua các bài viết, công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn. (2) Toạ liệu thu thập trong quá trình nghiên cứu điền dã Dân tộc học tại địa bàn.

## **6. Khái niệm và lý thuyết tiếp**

### **cận 6.1 Một số khái niệm**

#### **+ Văn hóa**

Có rất nhiều quan niệm và cách định nghĩa khác nhau về văn hóa, mỗi học giả đều xuất phát từ những cứ liệu riêng, góc độ riêng, mục đích riêng, phù hợp với vấn đề mình nghiên cứu để đưa ra định nghĩa về văn hóa.

Tác giả Trần Ngọc Thêm trong cuốn *Cơ sở văn hóa Việt Nam* đã định nghĩa: “*Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội*” [50, tr.1]. Như vậy với cách định nghĩa này thì nội hàm của khái niệm văn hóa bao gồm: (1) Những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra nhằm thỏa mãn các nhu cầu của con người và vì con người. (2) Những giá trị mà con người sáng tạo ra đó phải mang tính nhân tính nghĩa là nó phải mang tính người.

Theo nghĩa rộng, văn hoá được xem là bao gồm tất cả những gì do con người sáng tạo ra. Năm 1940, Hồ Chí Minh đã viết: “*Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người*



*đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn” [32, tr. 431]*

Tuy khác nhau, nhưng các định nghĩa đó đều thống nhất ở một điểm, coi văn hóa là cái do con người sáng tạo ra, cái đặc hữu của con người. Mọi thứ văn hóa đều là văn hóa thuộc về con người, các thứ tự nhiên không thuộc về khái niệm văn hóa. Văn hóa là đặc trưng căn bản, phân biệt con người với động vật, cũng là tiêu chí căn bản để phân biệt sản phẩm nhân tạo và sản phẩm tự nhiên.

Về phân loại văn hóa: Có quan điểm phân chia văn hóa thành 3 dạng thức: văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần và văn hóa xã hội. Các nhà dân tộc học Xô Viết chia văn hóa thành 2 phần: Văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Tsêbôcxarôpva cho rằng: *“Văn hóa vật chất gồm các vật tồn tại thực tế trong không gian ở một khoảng thời gian nào đó, gồm có phương tiện đi lại, nhà ở, thức ăn đồ uống, trang phục và đồ trang sức. Văn hóa tinh thần là một dạng thông tin tồn tại trong kí ức sinh động tập thể của bất cứ quần thể người nào và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng con đường kể chuyện hoặc phô diễn dưới những dạng thức hành vi. Nó bao gồm: các phong tục tập quán liên quan đến đời sống gia đình, xã hội, kinh tế, các tiêu chuẩn pháp lý, các loại hình nghệ thuật, các tín ngưỡng tôn giáo và thờ cúng” [3, tr.41]*. Các nhà nhân học ở Âu – Mỹ, đặc biệt là trường phái Pháp đã phân chia khái niệm văn hóa của từng tộc người theo các nội dung: phương thức kiếm sống, cơ cấu xã hội, các hình thức tôn giáo.

#### **+ *Biến đổi văn hóa***

Trong ngành khoa học xã hội, không có một khung lý thuyết nào giải quyết được mọi tình huống, mọi hiện tượng của đời sống xã hội. Mỗi lý thuyết hay một mô hình lý luận chỉ làm sáng tỏ một khía cạnh nhất định trong đời sống xã hội.

Có rất nhiều quan niệm về sự biến đổi văn hóa. *Thuyết truyền bá văn hóa* (F.Graebner – Đức, W.Schmidr – Áo, G.E.Smith – Anh) nhấn mạnh sự

vay mượn văn hóa của xã hội này với xã hội khác. *Thuyết Vùng văn hóa* của Franz Boas, C.L.Wissler, A.L.Kroeber, *thuyết trung tâm và ngoại vi* của các nhà nhân học Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam, tập trung loạ ý sự lan truyền văn hóa từ vùng trung tâm ra khu vực ngoại vi và ngược lại; trong đó nhấn mạnh vai trò lan tỏa, thu hút của vùng trung tâm. *Thuyết tiếp biến văn hóa* của các nhà nhân học Mỹ (Redfield, Broom) phân tích những biến đổi của nền văn hóa khác khi tiếp xúc với nền văn hóa phương Tây, chịu sự tác động rõ rệt của nền văn hóa quốc gia thống trị [14, tr.15]. Các nhà nhân học hậu hiện đại tán thành quan điểm kinh tế phát triển thúc đẩy sự biến đổi về xã hội, văn hóa. Nhà nghiên cứu Ronald Inglehart và Wayne Baker trong công trình *Hiện đại hóa, biến đổi văn hóa và sự duy trì những giá trị văn hóa truyền thống* đã chỉ rõ mối quan hệ biện chứng giữa chính trị, kinh tế, văn hóa; trong đó văn hóa đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, xã hội.

Biến đổi văn hóa được hiểu theo nghĩa rộng, là quá trình vận động của tất cả các xã hội [5, tr.9]. Dù ở quan niệm hay lý thuyết nào thì biến đổi văn hóa cũng phải đặt trong mối quan hệ tương tác với sự phát triển kinh tế, xã hội và bối cảnh chung của đất nước.

Biến đổi văn hóa, khái niệm tôi sử dụng trong công trình nghiên cứu này được hiểu là: *Sự cải biến thói quen, nề nếp truyền thống nhằm thích ứng với hoàn cảnh mới, điều kiện mới. Việc mất đi các giá trị, nề nếp thói quen cũ, sự hình thành các nếp sống, giá trị mới. Đó là quá trình “đồng hóa” và tiếp nhận của dân bản địa đối với những thành phần cư dân mới ở địa phương* [15, tr.16].

Biến đổi văn hóa là một quá trình tiếp biến phức tạp, sinh động, bao gồm: ý thức và tự nhiên, điều mong muốn và điều không mong muốn (phải chấp nhận) trong đó có cái mai một, phai mờ dần; thậm chí là mất đi để thích ứng và hình thành nên cái mới.

Có rất nhiều quan điểm về sự biến đổi văn hóa, nhưng dù ở những quan điểm hay quan niệm lý thuyết nào thì biến đổi văn hóa luôn được xem xét trong mối quan hệ chặt chẽ với sự hiện đại hóa xã hội, trong đó vấn đề cốt lõi



là sự phát triển kinh tế. Biến đổi văn hóa là một quá trình tiếp biến phức tạp và sinh động. Mức độ, tốc độ biến đổi của văn hóa có mối quan hệ mật thiết với sự phát triển kinh tế, xã hội.

Vận dụng cách tiếp cận biến đổi văn hóa vào nghiên cứu *Biến đổi nhà cửa của người Thái Đen từ khi đổi mới đến nay* nhằm giải quyết 2 vấn đề chính: (1) Các xu hướng biến đổi văn hóa liên quan đến nhà ở của người Thái Đen ở xã Bình Sơn hiện nay. (2) Những thay đổi trong nhà ở của người Thái Đen hiện nay là do bản thân nội tại họ muốn thay đổi hay là điều buộc họ phải chấp nhận thay đổi để thích ứng.

#### + Nhà cửa

Nhà cửa bao gồm: nhà ở, kiến trúc dân gian, khu dân dụng. Tuy nhiên, với đề tài này, tôi tập chung nghiên cứu về vấn đề nhà ở của người Thái và những biến đổi về nhà ở trong giai đoạn hiện nay. Vậy nhà ở được hiểu như thế nào?

Theo Bách khoa toàn thư, nhà ở là công trình xây dựng có mái, toàng bao quanh, cửa ra vào để ở, sinh hoạt văn hoá, xã hội hoặc cất giữ vật chất, phục vụ cho các hoạt động cá nhân và tập thể của con người, và có tác dụng bảo vệ cho các hoạt động đó. Nhà cũng có thể là một nơi cư trú hay trú ẩn. [28, tr.1].

Theo luật nhà ở ban hành năm 2005 và Điều 3 nghị định số 71/2010/NĐ/CP ngày 23/6/2010 của chính phủ để giải thích các khái niệm liên quan đến nhà ở như sau: “Nhà ở là công trình xây dựng với mục đích để ở và phục vụ các nhu cầu sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân” (Điều 1 của Luật nhà ở).

Hiện nay, có nhiều khái niệm về nhà ở tùy vào góc độ nghiên cứu. Dưới góc độ xây dựng, nhà ở là sản phẩm của hoạt động xây dựng và không gian bên trong được ngăn cách với môi trường bên ngoài nhà ở. Trên góc độ kinh

tế, nhà ở là tài sản có giá trị đặc biệt đối với đời sống con người và là một bộ phận quan trọng bảo vệ con người trước các hoạt động tự nhiên.

Với đề tài nghiên cứu này tôi sử dụng khái niệm nhà ở của Bách khoa toàn thư định nghĩa.

## 6.2. Lý thuyết tiếp cận

Đối với đề tài, nghiên cứu *Biến đổi nhà ở của người Thái Đen ở xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn từ khi đổi mới đến nay*, tôi vận dụng lý thuyết Sinh thái học văn hóa và thuyết phát triển bền vững làm căn cứ cơ sở lý luận để tiếp cận vấn đề.

### + *Thuyết sinh thái học văn hóa*

Năm 1995, học giả người Mỹ J.H.Stewart là người đầu tiên đưa ra khái niệm về sinh thái học văn hóa. Ông cho rằng: Sinh thái học văn hóa là một loại học thuyết nghiên cứu quy luật phát sinh, phát triển và biến đổi của văn hóa từ sự tương tác giữa các nhân tố về môi trường tự nhiên và môi trường xã hội mà con người tồn tại[59, tr.5]. Sinh thái học văn hóa chủ trọng nghiên cứu quy luật ra đời và phát triển của văn hóa từ sự tương tác của sự thay đổi về lượng giữa con người, tự nhiên, xã hội, văn hóa, dùng nó để tìm hiểu về diện mạo đặc thù và mô thức về sự phát triển của các nền văn hóa khác nhau.

Học thuyết sinh thái học văn hóa cho rằng: “*Môi trường địa lí tự nhiên và văn hóa có mối quan hệ mật thiết với nhau. Môi trường địa lí khác nhau sẽ sản sinh ra những mô thức văn hóa khác nhau. Sự thay đổi của môi trường sinh thái kéo theo sự thay đổi của văn hóa*” [60, tr.2]. Sinh thái học văn hóa là môn khoa học liên ngành vận dụng những phương pháp nghiên cứu của sinh thái học vào nghiên cứu văn hóa học, nghiên cứu tài nguyên, môi trường, trạng thái và quy luật của sự tồn tại và phát triển của văn hóa. Sinh thái học chủ trọng nghiên cứu quy luật ra đời và phát triển của văn hóa từ sự tương tác của sự thay đổi về lượng giữa con người, tự nhiên, xã hội, văn hóa dùng nó để tìm hiểu diện mạo, đặc thù và mô thức về sự phát triển của các nền văn hóa khác nhau.



Áp dụng lý thuyết sinh thái học văn hóa vào vấn đề nghiên cứu để giải quyết câu hỏi: *Nhà ở và môi trường sinh thái (điều kiện tự nhiên) nơi con người sinh sống có mối quan hệ với nhau như thế nào?*

#### + **Thuyết phát triển bền vững văn hóa**

Theo Harry Spaling trung tâm khái niệm bền vững về văn hóa là việc hiểu biết quá trình thay đổi. Văn hóa là sự cởi mở và thay đổi vốn là thuộc tính của đời sống. Việc thay đổi văn hóa thường là kết quả của việc truyền bá những toạ toạ mới, kỹ thuật mới, hoặc là từ sự thay đổi về kinh tế, sinh thái [9]. Dennis o'Neil trong công trình nghiên cứu về "Quá trình biến đổi của văn hóa" cho rằng: tất cả các nền văn hóa đều phải thay đổi, đồng thời xuất hiện xu hướng chống lại sự thay đổi [34, tr.40].

Văn hóa là một thể phức tạp, có sự tương tác giữa con người và môi trường. Nó còn là kết quả bền vững của kinh tế và môi trường. Tất cả các mô hình phát triển đều là kết quả của quá trình thay đổi về văn hóa. Harry Spaling cũng cảnh báo những áp lực hay nghịch lý trong các nguyên tắc của phát triển bền vững về văn hóa. Làm thế nào để vừa đảm bảo các giá trị văn hóa vừa để gìn giữ các giá trị văn hóa? Liệu có thể một mặt tôn trọng chủ quyền văn hóa, mặt khác lại cam kết sự bình đẳng và công bằng. Chắc chắn sẽ có thách thức trong quyết định thay đổi những giá trị văn hóa cụ thể để đạt đến mục đích phát triển. Quá trình đó phải có sự tham gia của chủ thể văn hóa và tất nhiên quyết định cuối cùng phải là chính chủ thể văn hóa ấy.

Phát triển là một trong những quy luật tất yếu của nhân loại, là quá trình tăng trưởng bao gồm nhiều yếu tố khác nhau: kinh tế, chính trị, văn hóa, kỹ thuật. Mục đích của phát triển là nâng cao điều kiện và chất lượng của cuộc sống cho con người, tạo lập nên cuộc sống bình đẳng giữa các thành viên. Tuy nhiên, trong thời kì dài người ta thường đề cao mục tiêu phát triển kinh tế, xem sự phát triển về kinh tế là thước đo duy nhất của sự phát triển. Hệ quả là tài nguyên thiên nhiên bị khai thác để phục vụ cho các nhu cầu phát triển



kinh tế, các hệ sinh thái bị phá hủy, môi trường bị xuống cấp. Một mối quan tâm đặt ra là cần phải phát triển bền vững. Vậy phát triển bền vững là gì?

Phát triển bền vững là sự phát triển nhằm đáp ứng những nhu cầu hiện tại nhưng không làm hại tới khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Trong đó, văn hóa cũng được thừa nhận là nhân tố quan trọng của phát triển bền vững. Các yếu tố của văn hóa được cho là tác động tới phát triển bao gồm: các di sản văn hóa, sự đa dạng văn hóa, du lịch bền vững và nghề thủ công truyền thống. Di sản văn hóa bao gồm cả giá trị vật thể và phi vật thể. Sự tác động của văn hóa đến phát triển bền vững thể hiện ở nhiều chiều cạnh: bản thân các di sản văn hóa không chỉ có ý nghĩa văn hóa mà còn mang giá trị kinh tế, nhất là tạo nên sự phát triển du lịch văn hóa; ngoài ra kinh tế phát triển phụ thuộc vào cả các yếu tố năng lực cá nhân, thể chế và các hình thức của vốn xã hội [34, tr. 19].

Trong nghiên cứu biến đổi văn hóa có rất nhiều quan điểm và cách tiếp cận lý thuyết khác nhau. Nhưng dù ở những quan niệm, lý thuyết nào thì sự biến đổi văn hóa luôn được xem xét trong mối quan hệ chặt chẽ với sự hiện đại hóa xã hội, trong đó vấn đề cốt lõi là sự phát triển kinh tế. Biến đổi văn hóa là một quá trình tiếp biến phức tạp, sinh động bao gồm: ý thức và tự nhiên, điều mong muốn và điều không mong muốn (phải chấp nhận), có cái phai nhạt, thậm chí mất đi, có cái thay đổi để thích ứng, có cái mới được hình thành. Mức độ, tốc độ biến đổi văn hóa có mối quan hệ mật thiết với sự phát triển kinh tế, xã hội [14, tr.16].

Vận dụng cách tiếp cận biến đổi văn hóa vào nghiên cứu “Biến đổi nhà cửa của người Thái đen từ khi đổi mới đến nay” mục đích tìm hiểu: *mối quan hệ giữa kinh tế, chính trị đối với những biến đổi trong nhà ở của người Thái đen ở xã Bình Sơn hiện nay?*



## **7. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện đề tài tác giả chủ yếu sử dụng các phương pháp nghiên cứu trong Nhân học/ Dân tộc học. Quá trình thực hiện đề tài trải qua các bước nghiên cứu sau:

Xác định vấn đề nghiên cứu, lựa chọn tên đề tài, đặt ra các câu hỏi nghiên cứu. Xây dựng các giả thiết nghiên cứu và tìm hiểu nội dung các khái niệm (văn hóa, biến đổi văn hóa, nhà cửa), xem nó như là công cụ để tiếp cận vấn đề nghiên cứu. Xác định kế hoạch nghiên cứu, các phương pháp dự kiến thu thập tài liệu. Nghiên cứu điền dã, thu thập tài liệu trên địa bàn nghiên cứu. Phân tích tài liệu nghiên cứu, từ đó rút ra nhận xét, kết luận sơ lược ban đầu. Viết báo cáo trình bày kết quả nghiên cứu.

Phương pháp nghiên cứu sử dụng trong đề tài là sự kết hợp thu thập tài liệu định tính và thu thập tài liệu định lượng. Tiếng nói của chủ thể văn hóa, những người trong cuộc luôn được chú trọng quan tâm.

### **+ *Thu thập thông tin định tính***

Quá trình nghiên cứu thực địa, tôi đã sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau trong nhân học (quan sát trực tiếp, phỏng vấn sâu, phỏng vấn cấu trúc, phỏng vấn bán cấu trúc, ...).

Để tiếp cận địa bàn nghiên cứu, tạo sự tin tưởng và thiết lập mối quan hệ với chính quyền địa phương, tôi đã xin giấy giới thiệu của cơ quan Bảo tàng DTHVN nơi tôi công tác. Đây cũng là cơ sở pháp lý chứng minh xác thực nhân thân cũng như công việc tôi đang làm với mục đích nghiên cứu tài liệu phục vụ cho quá trình thực hiện luận văn Sau đại học.

Trước khi xuống địa bàn tôi đã liên hệ trước với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn và trao đổi sơ qua về nội dung, mục đích nghiên cứu, cũng như các vấn đề nghiên cứu. Do có sự liên lạc, trao đổi từ trước, nên khi xuống địa bàn tôi khá thuận lợi và nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của cán bộ

địa phương. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn trao đổi nội dung và giới thiệu để tôi làm việc với cán bộ văn hóa xã và các trưởng thôn (thôn Thoi,

Bồn Dồn và Cây Xe) nơi có người Thái Đen sinh sống. Để thuận lợi cho quá trình nghiên cứu tôi nhờ cán bộ địa phương liên hệ để tôi được ở và sinh hoạt cùng một gia đình người Thái tại thôn Thoi (gần khu vực trung tâm xã). Quá trình chung sống cùng với gia đình họ, sẽ giúp tôi thực hiện phương pháp “ba cùng” một cách không chính thức. Họ là thông tin viên quan trọng để giúp tôi kết nối với các thông tin viên khác trong thôn/ bản.

Trong khoảng thời gian ở địa bàn, tôi đã tiến hành nhiều cuộc phỏng vấn sâu (30 cá nhân). Đối tượng phỏng vấn gồm có: những bậc cao niên trong làng, người trung niên, lứa tuổi thanh- thiếu niên. Chọn mẫu theo phương pháp “dắt dây”, dựa vào mối quan hệ và những thông tin của thông tin viên cung cấp để lựa chọn đối tượng phỏng vấn cho phù hợp. Tài liệu liên quan đến loại hình nhà ở truyền thống chủ yếu được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn hồi cố, qua các cuộc trò chuyện với người cao tuổi, già làng, trưởng bản và các thầy mo là những người biết đọc các văn bản bằng tiếng Thái cổ. Bên cạnh đó, tôi tiến hành phỏng vấn các đối tượng trung- thanh-thiếu niên để tìm hiểu những biến đổi về nhà ở của người Thái đen trong giai đoạn hiện nay diễn ra như thế nào? Quan niệm về nhà cửa của họ ra sao? Những tâm nguyện vọng cũng như quan điểm của tộc người về việc bảo lưu các giá trị văn hóa truyền thống?.

Mỗi một cuộc phỏng vấn, tôi thường kéo dài khoảng 1h – 1h30 phút và chủ yếu diễn ra ở nhà riêng của đối tượng nghiên cứu. Có những đối tượng tôi tiến hành nhiều cuộc phỏng vấn đi trở lại nhiều lần. Để đối tượng phỏng vấn được thoải mái nhất, tôi để họ chủ động sắp xếp thời gian rảnh rỗi để tôi đến nói chuyện. Đối với các bậc cao niên, tôi thường tiến hành các cuộc phỏng vấn sâu vào buổi sáng hoặc buổi chiều, vì buổi tối ở bản làng người già thường đi ngủ sớm. Quá trình nghiên cứu thực địa tại địa bàn, tôi cùng với chủ thể văn hóa trò chuyện, tâm sự một cách cởi mở với người thân trong gia đình. Trong những buổi nói chuyện với đối tượng nghiên cứu, tôi đều ghi chép kết hợp với ghi âm, sau đó gõ băng, lập hồ sơ phỏng vấn riêng. Những



lúc rảnh rỗi hay vào ngày thứ bảy, chủ nhật, tôi thường đến thăm hỏi, nói chuyện, làm việc với họ kết hợp với phỏng vấn trò chuyện. Với phương pháp nghiên cứu nhỏ vậy, tôi và đối tượng nghiên cứu trở nên thân thiện hơn, những câu chuyện trước đây họ không muốn trả lời thì nay đã tự nguyện chia sẻ thông tin, dường như khoảng cách giữa tôi - nhà nghiên cứu với những người trong cộng đồng - đối tượng nghiên cứu đã được thu hẹp khoảng cách.

#### **+ *Thu thập thông tin định lượng***

Phương pháp thu thập tài liệu định lượng, tìm kiếm các số lượng thống kê, (báo cáo điều tra về diện tích đất đai, dân cư, dân số, tộc người và sự phân bố dân cư...). Ngoài ra, tác giả còn sử dụng phương pháp liên ngành của xã hội học thông qua điều tra bằng bảng hỏi để khảo sát đặc điểm dân số học cũng như loại hình nhà ở của người Thái đen trên địa bàn xã.

#### **+ *Kế hoạch thực hiện***

Quá trình thực hiện nghiên cứu đề tài được tiến hành trong vòng 12 tháng và chia làm 4 giai đoạn. Kế hoạch thực hiện nghiên cứu của tôi được phác thảo như sau:

##### **+ Tháng 6/2015 đến 10/2015:**

Định hướng đề tài, lên ý tưởng nghiên cứu, khảo sát tài liệu. Tiến hành khảo sát, thu thập tài liệu thứ cấp như: sách, tạp chí, luận văn, luận án, báo cáo hội thảo, các đề tài nghiên cứu liên quan đến người Thái nói chung và nhà

ở của người Thái nói riêng. Mục đích, tìm hiểu xem đã có những công trình nghiên cứu nào về vấn đề này. Cách tiếp cận và phương pháp mà các nhà nghiên cứu trước sử dụng, những vấn đề chưa được đề cập để tìm ra hướng đi riêng không bị trùng lặp với các công trình nghiên cứu trước đó. Lựa chọn địa

bàn nghiên cứu, xác định các nguồn tài liệu cần thu thập. Xây dựng đề cương nghiên cứu...

##### **+ Tháng 10/2015 đến 1/2016:**

Quá trình nghiên cứu thực địa được chia thành 3 đợt: đợt một vào giữa tháng 10/2015, đợt hai vào cuối tháng 12/ 2015 và đợt ba vào tháng 2/2016.

Trong quá trình nghiên cứu tại địa bàn, tác giả sử dụng triệt để các phương pháp trong điền dã dân tộc học như: Quan sát tham gia, phỏng vấn đối tượng nghiên cứu (phỏng vấn hồi cố, phỏng vấn cấu trúc và bán cấu trúc, phỏng vấn sâu...).

Để có cái nhìn tổng quan về địa bàn nghiên cứu và tộc người nghiên cứu, tôi tiến hành phỏng vấn những người quản lý ở địa phương. Tác giả làm việc với lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn xin số liệu thống kê về diện tích đất đai, dân số, thành phần dân tộc, đặc điểm điều kiện tự nhiên, các hoạt động kinh tế, sinh hoạt văn hóa của các cộng đồng tộc người trên địa bàn xã quản lý để có cái nhìn tổng quan sơ bộ về địa bàn và vấn đề nghiên cứu.

Sau khi có thông tin sơ bộ về địa bàn nghiên cứu, tác giả tiến hành khảo sát trường hợp ở 3 thôn (thôn Thoi, Bồn Dòn, Cây Xe) nơi người Thái cư trú để làm quen, phỏng vấn, thực hiện phương pháp *phỏng vấn sâu*, nhằm tìm hiểu về các câu chuyện liên quan đến nguồn gốc thiên di của tộc người, loại hình nhà ở truyền thống, vật liệu, kỹ thuật xây dựng, cách thức sử dụng không gian trong ngôi nhà sàn truyền thống, những kiêng kỵ liên quan đến ngôi nhà và các yếu tố tác động dẫn đến sự biến đổi.

+Tháng 1/2016 đến 4/2016:

Xử lý và phân loại thông tin. Thảo luận, trao đổi, tham khảo ý kiến của giáo viên hướng dẫn và các chuyên gia. Viết báo cáo sơ bộ.

+Tháng 5/2014 đến 6/2016:

Tiếp tục xử lý tài liệu, phát triển ý tưởng nghiên cứu khoa học, viết và chỉnh sửa, hoàn thành luận văn sơ thảo nộp cho thầy hướng dẫn góp ý, chỉnh sửa và hoàn thiện bước cuối cùng của luận văn.

## **8. Đóng góp của luận văn**

Đây là một nghiên cứu mang tính hệ thống chuyên sâu về nhà ở của người Thái Đen ở xã Bình Sơn. Từ đó, giúp người đọc hiểu biết những nét đặc trưng trong nhà ở của người Thái nói chung và người Thái Đen ở xã Bình Sơn nói

riêng. Chỉ ra những yếu tố văn hóa vay mượn của người Thái với các tộc người láng giềng, những yếu tố biến đổi trong ở từ khi đổi mới đến nay.

## 9. Bố cục luận văn

Ngoài lời nói đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn được cấu trúc thành 3 chương lớn.

*Chương 1: Khái quát về địa bàn và tộc người nghiên cứu.* Ở chương này tôi đi vào tìm hiểu về điều kiện tự nhiên (đất đai, khí hậu, sông ngòi, động thực vật), địa bàn nơi người Thái cư trú sinh sống; dân cư và sự phân bố dân cư; các hoạt động kinh tế; các nét đặc trưng văn hóa xã hội của người Thái Đen ở khu vực này.

*Chương 2: Những đặc trưng của nhà cửa truyền thống.* Mục đích của chương này là tìm hiểu quan niệm và cách phân loại nhà ở của người Thái Đen ở xã Bình Sơn; những đặc trưng về loại hình nhà ở, vật liệu làm nhà, kỹ thuật và quy trình dựng nhà, cách phân bố và sử dụng không gian trên ngôi nhà; các nghi lễ và kiêng kỵ liên quan đến ngôi nhà.

*Chương 3: Biến đổi nhà cửa và các yếu tố tác động dẫn đến sự biến đổi*  
Ở chương này, tôi đi tìm hiểu quá trình biến đổi nhà ở của người Thái ở xã Bình Sơn từ khi đổi mới đến nay. Các xu hướng biến đổi của nhà ở trong giai đoạn hiện nay. Các yếu tố tác động dẫn đến sự biến đổi nhà ở của người Thái hiện nay (yếu tố môi trường, kinh tế, thể chế chính sách...).



[25, tr. 436].

## CHƯƠNG 1

### KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA BÀN VÀ TỘC NGƯỜI NGHIÊN CỨU

#### 1.1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

##### 1.1.1. Vị trí địa lý

Triệu Sơn là một trong những huyện đồng bằng và trung du miền núi của tỉnh Thanh Hóa với tổng diện tích là 292,2 km<sup>2</sup>. Trong đó: đất nông nghiệp 14.556, 17 ha; đất lâm nghiệp 3.531,83 ha, đất chuyên dùng 3.925,52 ha, đất ở 1.139, 26 ha, đất ở 1.139,26 ha, đất chưa sử dụng 6.068,99 ha. Phía đông và đông nam giáp với huyện Đông Sơn, Nông Cống; phía nam giáp với huyện Thọ Sơn; phía tây và tây nam giáp huyện Thọ Xuân; phía tây bắc giáp

huyện Thọ Xuân và phía đông bắc giáp huyện Thiệu Hóa. Triệu Sơn là vùng bán sơn địa, ở phía nam của huyện có ngọn núi Nọa cao chừng 250-300m, bao quanh các xã Tân Ninh, Vân Sơn, Thọ Sơn; nhưng diện tích chủ yếu của huyện vẫn là đồng bằng (30/35 xã), địa hình thấp dần về phía bắc với vài con sông nhỏ chảy vào sông Chu ở huyện Thọ Xuân và Thiệu Hóa [25, tr. 436].

Từ thành phố Thanh Hóa theo quốc lộ 47, qua cầu Thiệu tới quán Giắt là thị trấn huyện Triệu Sơn, cách tỉnh lỵ 20km về phía Tây. Triệu Sơn là một huyện tiếp giáp giữa miền núi Thọ Xuân, Thọ Sơn với các huyện miền xuôi, một phần phía tây là vùng bán sơn địa có những dãy đồi đất đỏ kéo dài theo hướng bắc – nam.

Huyện Triệu Sơn có 1 thị trấn và 35 xã (An Nông, Dân Lực, Dân Lý, Dân Quyền, Đồng Lợi, Đồng Thắng, Đồng Tiến, Hợp Lý, Hợp Thắng, Hợp Thành, Hợp Tiến, Khuyến Nông, Minh Châu, Minh Dân, Minh Sơn, Nông Trường, Tân Ninh, Thái Hòa, Thọ Bình, Thọ Cường, Thọ Dân, Thọ Ngọc,

Thọ Phú, Thọ Sơn, Thọ Tân, Thọ Thế, Thọ Tiến, Thọ Vực, Tiến Nông, Văn Sơn, Xuân Lộc, Xuân Thịnh, Xuân Thọ, Triệu Thành và Bình Sơn)

Bình Sơn là một xã miền núi thuộc phía tây nam của huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Trước năm 1990, khu vực xã Bình Sơn (ngày nay) thuộc sự quản lý hành chính của xã Thọ Bình. Thời kì đó, khu vực này mới chỉ có người Thái và người Mường sinh sống, chưa có người Kinh đến cư trú.

Theo Quyết định số 327- CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ký ngày 15 tháng 9 năm 1992 về một số chủ trương, chính sách sử dụng đất trồng, đồi núi trọc, rừng, bãi bồi ven biển và mặt nước. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn xây dựng tờ trình để thành lập một xã mới nhằm thực hiện quyết định 327 của Hội đồng Bộ trưởng. Ngày 25 tháng 1 năm 1994, theo Nghị định số 04- CP của Chính phủ về việc phân định hành chính của một số xã ở tỉnh Thanh Hóa; trong đó có huyện Triệu Sơn đã điều chỉnh tách làng Bồn Dồn và làng Thoi của xã Thọ Bình và làng Bao Lâm của xã Thọ Sơn để thành lập xã Bình Sơn. Ngày 14 tháng 3 năm 1994, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa chính thức công bố quyết định thành lập xã Bình Sơn trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn quản lý. Mục đích của Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập xã Bình Sơn là để thực hiện dự án 327 của tỉnh Thanh Hoá về việc *phủ xanh đất trồng đồi núi trọc, di dân định canh, định cư, phát triển vùng kinh tế mới tây nam – Triệu Sơn*.

Xã Bình Sơn nằm ở phía tây nam của huyện Triệu Sơn, cách trung tâm huyện khoảng 25 km, cách thành phố Thanh Hóa 55 km. Vị trí của xã, phía đông giáp với xã Thọ Bình và xã Thọ Sơn (huyện Triệu Sơn); phía tây giáp xã Luận Thành (huyện Thọ Xuân); phía nam giáp xã Cán Khê (huyện Thọ Xuân); phía bắc giáp với xã Xuân Phú và xã Xuân Thắng (huyện Thọ Xuân).

Hiện nay, xã Bình Sơn có 10 thôn bao gồm: thôn Thoi, thôn Bao Lâm, thôn Nha Lăn, thôn Hom Chũ, thôn Bao Bào, thôn Bóng Xanh, thôn Ngã Ba Sông, thôn Đông Tranh, thôn Cây Xe, thôn Bồn Dồn



### **1.1.2. Điều kiện tự nhiên**

#### **+ Địa hình**

Thanh Hóa có 3 dạng địa hình gồm: đồi núi, trung du và đồng bằng ven biển. Miền núi và đồi trung du chiếm phần lớn diện tích của Thanh Hóa. Đồng bằng Thanh Hóa có đầy đủ tính chất của một đồng bằng châu thổ, do phù sa các sông bồi đắp trên một vịnh biển nông. Giới hạn giữa đồi núi và đồng bằng Thanh Hóa rất quanh co, khúc khuỷu [46, tr.22-31].

Huyện Triệu Sơn thuộc dạng địa hình vừa đồng bằng vừa trung du miền núi. Những xã trong huyện thuộc địa hình đồng bằng, được cấu tạo bởi phù sa mới, trải trên bề mặt rộng, hơi nghiêng về phía biển ở hướng đông nam, rìa bắc và tây bắc là dải đất cao được cấu tạo bởi phù sa cũ của sông Mã, sông Chu, cao từ 2- 15m. Trên đồng bằng, nhô lên một số đồi núi có độ cao trung bình 200-300m được cấu tạo bằng nhiều loại đá khác nhau.

Xã Bình Sơn có độ cao trung bình từ 150- 200 m, địa hình chủ yếu là đồi núi, với những dải đồi thấp, đỉnh bằng, sườn dốc thoải.

#### **+ Đất đai**

Xã Bình Sơn có diện tích đất tự nhiên là 1394,58ha; trong đó, đất nông nghiệp là 44,83 ha, chiếm 3,2%; đất lâm nghiệp và đất rừng là 1063,97 chiếm 76,3%, đất phi nông nghiệp là 100,83ha, chiếm 7,2%; đất choạ sử dụng là 114,24ha, chiếm 8,2%; đất chuyên dùng (xây dựng cơ sở hạ tầng) là 24,98 ha, chiếm 1,8%; đất nuôi trồng thủy sản là 0,52 ha, chiếm 0,04%; đất ở là 44,83 ha, chiếm 3,2%; đất sản xuất kinh doanh là 0,05ha, chiếm 0,003%; đất trụ sở cơ quan là 0,05ha, chiếm 0,003%; đất khe suối là 0,28ha, chiếm 0,02% (xem bảng 1).



Bảng 1: Diện tích đất đai ở xã Bình Sơn

Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Đất nông nghiệp	44,83	3,2
Đất lâm nghiệp & đất rừng	1063,97	76,3
Đất choạ sử dụng	114,24	8,2
Đất chuyên dùng	24,98	1,8
Đất nuôi trồng thủy sản	0,52	0,04
Đất phi nông nghiệp	100,83	7,2
Đất ở	44,83	3,2
Đất sản xuất kinh doanh	0,05	0,003
Đất trụ sở, cơ quan	0,05	0,003
Đất khe suối	0,28	0,02
Tổng số	1394,58	100

Nguồn: Thống kê của Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn, năm 2014

#### + Khí hậu

Thanh Hóa là tỉnh phía bắc của khu vực Bắc Trung Bộ, khí hậu nhiệt đới gió mùa với mùa đông lạnh ít mưa, có sương giá, sương muối; mùa hè nóng mưa nhiều có gió tây khô nóng [46, tr. 98]

Khu vực Thanh Hóa nói chung, huyện Triệu Sơn nói riêng nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng và ẩm. Khí hậu có 2 mùa rõ rệt, mùa nóng trùng với mùa mưa và mùa lạnh trùng với mùa khô. Mùa hè nóng, ẩm mưa nhiều và chịu ảnh hưởng của gió Lào tây nam nên khí hậu thường khô, nóng; nhất là vào khoảng từ tháng 4 đến tháng 7 âm lịch hằng năm. Mùa đông lạnh, ít mưa và có sương mù; thậm chí có năm xuất hiện sương giá, sương muối làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc chăn nuôi gia súc, gia cầm, trồng trọt và cả sức khỏe của con người nữa. Đặc biệt, độ ẩm không khí biến đổi theo mùa tương đối rõ rệt, tuy nhiên sự chênh lệch về độ ẩm giữa các mùa trong năm là không lớn.



Khí hậu ở khu vực này có sự biến động mạnh mẽ. Sự diễn biến của gió mùa đông bắc và gió mùa tây nam làm cho khí hậu ở đây trở nên thất thường, biến động. Hơn nữa, huyện Triệu Sơn tọa độ địa lý nằm trong vùng ảnh hưởng có gió Lào tây nam, mỗi năm có từ 20 đến 25 ngày bị chịu ảnh hưởng của luồng gió khô nóng này. Có năm gió mùa đông bắc thổi mạnh, đem lại một mùa đông lạnh giá kéo dài đến tận tháng Giêng, tháng Hai âm lịch; có năm gió mùa đông bắc lại suy yếu, thời tiết nóng sớm đến bất thường, như năm 2015, nắng nóng gắt đã đến từ giữa tháng Hai âm lịch. Gió mùa tây nam cũng có năm mạnh, gây mưa nhiều và lũ lớn; có năm lại hoạt động yếu gây hạn hán cả trong mùa hè; năm thì bão nhiều năm lại không có bão... Với thời tiết cũng như khí hậu thay đổi bất thường trong những năm gần đây đã ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống của người dân cũng như lịch thời vụ sản xuất nông nghiệp trong toàn tỉnh.

Theo báo cáo của cán bộ phòng nông nghiệp huyện Triệu Sơn, độ ẩm trung bình các tháng trong năm khoảng 80% và nhiệt độ trung bình ở xã Bình Sơn là 22 – 27<sup>0</sup>C. Lượng mưa nhiều nhất là vào khoảng tháng 5 đến tháng 8 dương lịch. Trong các tháng này, thường hay có mưa to kèm theo giông bão nên lượng mưa lớn, gây úng lụt ở một số điểm nhỏ ở các xã trong huyện, làm ngập úng hoa màu, sạt lở đất núi xuống đường gây cản trở giao thông... Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, lượng mưa thường ít hơn cũng ảnh hưởng đến năng suất cây trồng. Đây là những tháng khô hạn, ít mưa nên đồng bào gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất nông nghiệp cũng như trong đời sống sinh hoạt hằng ngày.

#### **+ Động, thực vật**

Bình Sơn là một xã miền núi của huyện Triệu Sơn với nguồn tài nguyên rừng phong phú và đa dạng. Rừng có vị trí và vai trò khá quan trọng, không chỉ chống xói mòn đất và điều tiết nguồn nước. Rừng cung cấp nhiên liệu (củ đụn); thực phẩm (nấm hoang, măng, rau rừng, cá, cua, ốc...) phục vụ đời sống hàng ngày của người dân.



Khoảng những năm 1980 trở về trước, những cánh rừng nguyên sinh ở xã Bình Sơn còn rất nhiều. Trong rừng có nhiều loại gỗ quý hiếm (lim xanh, lát hoa, táu mật, sến, nghiến, trò, dổi, chua khét...) cùng nhiều loại lâm sản phụ (nứa, vầu, song, mây, cỏ tranh, kè rừng...); thuốc nam; các loại rau, củ, quả, gia vị... khai thác từ rừng, phục vụ đời sống của người dân địa phương. Nhiều hộ gia đình người Thái thường vào rừng thu hái lâm sản phụ, khai thác gỗ mang đi bán cho người Kinh ở miền xuôi để tăng thu nhập cho gia đình. Trước đây, những cánh rừng ở xã Bình Sơn có nhiều động vật quý hiếm, như: hổ, nai, khỉ, lợn rừng, sơn dương, nhím... Nam giới người Thái thường đi vào rừng để săn bắt, đánh bẫy thú rừng làm nguồn thực phẩm cải thiện bữa ăn hằng ngày. Người Thái Đen có hai phương thức săn bắt thú: dùng các loại bẫy (bẫy lòn, bẫy kẹp) và dùng súng kíp, cung nỏ kết hợp với chó săn để săn bắt thú. Tùy từng loại thú rừng to hay nhỏ, nhiều hoặc ít mà người dân địa phương có cách thức tổ chức đi săn theo cá nhân hoặc đi săn bắt thú theo tập thể, với những công cụ thích hợp.

Bên cạnh, hoạt động săn bắn của nam giới, phụ nữ Thái cũng thường đi vào các con suối ở trong rừng để xúc tôm tép, bắt cua, ốc hay hái rau rừng (măng, rau rừng, nấm, mộc nhĩ, đào củ mài...) mang về nhà làm các món ăn cho gia đình và lấy củi làm chất đốt. Hiện nay, nguồn tài nguyên rừng đã bị cạn kiệt do nạn phá rừng, đốt rừng làm nương rẫy ngày càng gia tăng. Đốt rừng làm nương rẫy không chỉ dẫn đến diện tích rừng bị thu hẹp mà còn làm ảnh hưởng đến cả môi trường sống của các loại động vật hoang dã, nguồn thực vật và lâm sản phụ bị cạn kiệt, khiến cho cuộc sống của người dân địa phương cũng bị ảnh hưởng ít nhiều. Khi rừng nguyên sinh còn nhiều, đa phần thực phẩm trong bữa ăn của người Thái chủ yếu là tự cung tự cấp thu hái ở trong rừng; hiện nay thì họ phải tự trồng ở vườn nhà, trên nương rẫy và mua ở ngoài chợ.

## + Hệ thống thủy văn

Xã Bình Sơn có hồ Đập Lùng, chứa nước ngọt, cung cấp nước canh tác nông nghiệp cho bốn xã: Bình Sơn, Thọ Bình, Hợp Lý và Thọ Tiến. Tại hồ này, có nhiều nguồn thủy sản cho bà con đánh bắt. Họ có thể dùng vợt để xúc tép hoặc thả lưới, quăng chài, câu cá... cải thiện bữa ăn hằng ngày nhằm giảm bớt các khoản chi tiêu trong gia đình. Những hộ gia đình ở cận các khe suối, Đập Lùng thì thường tận dụng nguồn nước ngọt để đào ao thả cá trong khuôn viên vườn nhà hoặc nuôi thả cá bè bán lấy tiền, tăng thêm thu nhập hoặc dùng cải thiện bữa ăn, lễ tết, cưới xin...

Ngoài ra, ở xã Bình Sơn còn có 3 hồ đập nhỏ, đó là hồ làng Thoi, hồ Ngã Ba Sông và đập Hồng Chũ chứa nước và cung cấp nước tưới tiêu cho các cánh đồng trong xã. Một số hộ gia đình trong xã đã đứng ra đầu thầu, quản lý đập, thả cá, mỗi năm họ nộp khoản kinh phí nhất định cho Hợp tác xã.

**Nhìn chung**, các yếu tố tự nhiên của xã Bình Sơn gắn liền với điều kiện chung của huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đặc điểm địa lý, địa hình, thủy văn và thổ nhưỡng ở xã Bình Sơn đã tạo một diện mạo văn hóa của người Thái nơi đây tương đối khác biệt với người Kinh trong huyện về môi trường sống, điều kiện kinh tế, phương thức canh tác và phong tục, tập quán, nghi lễ...

## 1.2. Khái quát về tộc người nghiên cứu

### 1.2.1. Dân số và phân bố dân cư

Theo số liệu thống kê năm 2014 của Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn cho thấy: Dân số toàn xã là 779 hộ, 3.283 người, bao gồm ba 3 dân tộc là người Thái, Mường, Kinh (Việt); trong đó, người Thái có 255 hộ, với 1092 nhân khẩu, chiếm (33,3%) dân số toàn xã và họ thuộc nhóm Thái Đen (*xem bảng 2*).



Bảng 2: Dân số ở xã Bình Sơn

<b>Dân tộc</b>	<b>Dân số (người)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Kinh	1454	44,3
Thái	1092	33,3
Mơ-ông	737	22,4
<b>Tổng số</b>	<b>3.283</b>	<b>100</b>

**Nguồn:** Thống kê của Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn, năm 2014.

Người Thái Đen ở xã Bình Sơn cư trú chủ yếu ở ba thôn: Thôn Thoi, thôn Cây Xe và thôn Bồn Dồn, cụ thể là:

**+ Thôn Thoi**

Thôn Thoi có tổng diện tích là 220 ha, trong đó diện tích đất rừng, đất lâm nghiệp chiếm hơn (90,9%); diện tích canh tác nông nghiệp lúa nước chiếm tỷ lệ ít, chỉ có 1,8 ha, chiếm (0,8%); diện tích đất sử dụng vào mục đích khác (nghĩa địa, trường học, nhà văn hóa...) chiếm số lượng không đáng kể so với tổng diện tích tự nhiên của toàn thôn (*xem bảng 3*).

Bảng 3: Diện tích đất đai ở thôn Thoi

<b>Diện tích đất đai</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Đất rừng & đất lâm nghiệp	200	90,9
Đất nông nghiệp	1,8	0,8
Đất nhà ở	5	2,3
Đất trụ sở, cơ quan	0,04	0,02
Đất chọạ sử dụng	12	5,45
Đất sử dụng vào mục đích khác	1,16	0,53
<b>Tổng số</b>	<b>220</b>	<b>100</b>

**Nguồn:** Thống kê của Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn, năm 2014.



Về dân tộc, ở thôn Thoi có hai tộc người cùng sinh sống, đó là người Thái và người Kinh. Họ cư trú đan xen với nhau. Toàn thôn Thoi có 127 hộ, với 528 nhân khẩu; trong đó, người Thái đen chiếm số lượng đông nhất với

90 hộ, chiếm 70,9%; người Kinh có 37 hộ, chiếm 29,1% (xem bảng 4). Bảng 4: Dân số ở thôn Thoi

Tộc người	Số hộ	Tỷ lệ
- Kinh	37	29,1
- Thái	90	70,9
<b>Tổng số</b>	<b>127</b>	<b>100</b>

**Nguồn:** Thống kê dân số thôn Thoi, năm 2014.

Theo các bậc cao niên trong thôn cho biết, thôn Thoi vốn là nơi cư trú đầu tiên của người Thái khi đến định cư ở vùng đất này. Trước năm 1994, khu vực thôn Thoi thuộc địa phận làng Thoi là một đơn vị hành chính thuộc sự quản lý của Ủy ban nhân dân xã Thọ Bình. Thời điểm bấy giờ, làng Thoi được xem là vùng sâu, vùng xa của xã Thọ Bình; đường xá đi lại rất khó khăn. Đường đi tới làng Thoi chỉ duy nhất có một con đường mòn độc đạo đi từ Ủy ban nhân dân xã Thọ Bình lên tới làng Thoi, với cung đường khoảng 4 km; nếu đi bộ hết khoảng 3-4 giờ đồng hồ; với địa hình đèo dốc quanh co, một bên là đồi núi cao trập trùng, một bên là vực sâu và khe suối và hai bên đường là những cánh rừng nguyên sinh bạt ngàn màu xanh của lá rừng. Con đường mòn này chỉ rộng chừng hơn 2m, do người Mường ở xã Thọ Bình vốn trước đây thường xuyên vào rừng khai thác gỗ rồi dùng trâu để kéo gỗ về làng làm nhà hoặc bán gỗ cho các chủ buôn ở các xã trong và ngoài huyện dần dần tạo nên con đường mòn bằng đất. Nhờ có con đường mòn này mà trước những năm 1980 đã xuất hiện một số người Kinh ở xã Thọ Tiến (bà Thoa, bà Mùi, bà Quế, bà Tác, bà Thời,...) và xã Thọ Bình (bà Tiến, bà Hào, bà Oanh...) đã mua gạo, muối, mắm, cá khô, dầu hỏa... gánh hàng mang lên làng Thoi rồi đi đến từng nhà để trao đổi, mua bán các sản vật của địa phương

(sắn khô, nấm hơng, mộc nhĩ, măng khô...) sau đó mang về các chợ miền xuôi bán kiếm lời, ngời ta gọi là “đi trại” (đi miền núi). Bà Nguyễn Thị Tác (80 tuổi, thôn Dân Tiến, xã Thọ Tiến) kể lại: “*Lúc bấy giờ ở làng Thoi còn hoang sơ lắm. Mỗi quả đồi chỉ có một hai ngôi nhà ở. Họ đều ở nhà sàn gỗ, mái lợp cỏ tranh hoặc lợp bằng lá cọ. Chúng tôi thường mua gạo, măng, muối, cá khô... ở chợ rồi gánh hàng lên bán và thu mua măng khô, sắn khô của người Thái, người Mường mang về bán kiếm lời. Đường đi lên làng Thoi rất khó đi, do đường dốc và hẹp. Hằng ngày từ sáng tinh mơ đã rời khỏi nhà đến chiều tối mịt mới trở về nhà”.*

Đến năm 1990, trước khi thực hiện chương trình 327, Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn đã huy động nhân lực ở độ tuổi lao động trong toàn huyện tham gia thi công mở rộng lòng đờng, nối liền từ đờng liên huyện (đờng 47 B) chạy qua xã Thọ Bình lên làng Thoi và đi sang các xã thuộc huyện Thọ Thanh, Thọ Xuân, nông trường Sao Vàng (Thọ Xuân), với thời gian khoảng gần 2 năm thì hoàn thành. Vào những năm 1990, con đờng tỉnh lộ 47B từ thị xã Thanh Hóa đi lên các huyện phía tây của tỉnh để đi sang nước Lào đã đợc duy tu, cải tạo, nâng cấp, rải nhựa nên việc giao thông buôn bán, đi lại giữa miền xuôi và miền ngược cũng đợc thuận lợi hơn trước.

Đặc biệt, xã Bình Sơn thuộc diện xã miền núi đặc biệt khó khăn của huyện Triệu Sơn nên đã đợc hưởng lợi từ Chương trình 134 của Chính phủ. Chương trình này nhằm phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam đợc triển khai ở giai đoạn 1 (từ năm 1997 đến năm 2006). Nhờ có chương trình này mà con đờng liên xã của xã Thọ Bình lên xã Bình Sơn đợc mở rộng lòng đờng rộng tới hơn 3m và rải nhựa (đợc làm từ ngã tị chợ Thọ Bình- điểm tiếp nối với đờng tỉnh lộ 47B) để đi lên thị trấn Thọ Thanh và Thọ Xuân rồi nối với đờng mòn Hồ Chí Minh đi vào Nam hoặc ra Bắc. Bởi vậy, tuyến đờng giao thông liên xã từ xã Thọ Bình lên xã Bình Sơn của huyện Triệu Sơn đã có xe ô tô, xe máy đi vào tận tới các thôn bản trong xã;



cùng với điện lưới quốc gia kéo về từng hộ gia đình đã làm thay đổi phần nào diện mạo văn hóa bản làng miền núi, từ nhà ở cho đến việc ăn mặc, sinh hoạt văn hóa đã khác trội rất nhiều.

Kể từ sau ngày 25 tháng 11 năm 1994, Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn ra quyết định thành lập xã Bình Sơn trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và dân số của xã Thọ Bình thì khu vực làng Thoi trước đây được phân chia thành 10 thôn gồm: (thôn Thoi, Bồn Dồn, Bao Lâm, Cây Xe, ngã Ba Sông, Hồng Chũ, Đông Tranh, Bao Bào, Nhà Lấn, Bồng Xanh). Hiện nay, thôn Thoi nằm ở khu vực vị trí trung tâm của xã, trường học, trạm xá xã và cũng là nơi diễn ra tương đối nhộn nhịp các định vụ kinh doanh trao đổi buôn bán hàng hóa nông sản giữa miền xuôi và miền ngược.

Hiện nay, ở thôn Thoi có cả người Thái và người Kinh cùng cư trú đan xen với nhau, trong đó người Thái chiếm số lượng đông hơn cả, chiếm hơn 70% dân số của toàn thôn. Qua kết quả phỏng vấn nghiên cứu cho thấy, hai dân tộc Thái đen và người Kinh sống xen kẽ với nhau từ năm 1994 đến nay không có hai dân tộc này chưa có nảy sinh mâu thuẫn gì trong cuộc sống. Tình làng nghĩa bản Thái- Kinh ngày càng đậm thắm, tương thân tương ái giúp đỡ lẫn nhau không chỉ trong sản xuất làm đổi công cho nhau mà còn cả trong quan hệ xã hội nữa. Khi một gia đình nào đó trong thôn bản có người ốm đau, tang ma, cưới xin, sinh nở,... họ đều đến thăm hỏi, chia sẻ buồn, vui với chủ nhà.

#### **+ Thôn Bồn Dồn**

Thôn Bồn Dồn về phía đông giáp với xã Thọ Bình, phía bắc giáp với xã Thọ Sơn, phía Tây giáp với thôn Thoi, phía nam giáp với xã Cán Khê. Tổng diện tích đất tự nhiên của thôn là 113 ha. Trong đó, đất rừng và đất lâm nghiệp với 76 ha, chiếm (67,3%). So với các thôn trong xã Bình Sơn thì thôn Bồn Dồn có số diện tích đất canh tác nông nghiệp tương đối nhiều với 24 ha, chiếm (21,2%), diện tích đất khác chiếm số lượng ít (*xem bảng 5*).



(xem bảng 7).

**Bảng 5:** Diện tích đất đai ở thôn Bồn Dồn

<b>Đất đai</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Đất rừng và đất lâm nghiệp	76	67,3
Đất nông nghiệp	24	21,2
Đất nhà ở	5	4,4
Đất trụ sở cơ quan	0,2	0,2
Đất choạ sử dụng	6	5,3
Đất sử dụng vào mục đích khác	1,8	1,6
<b>Tổng số</b>	<b>113</b>	<b>100</b>

**Nguồn:** Thống kê diện tích cây trồng ở thôn Bồn Dồn, năm 2014.

Về thành phần dân tộc, ở thôn Bồn Dồn có ba dân tộc là Kinh, Mạ, Thái cùng sinh sống, cư trú đan xen với nhau. Theo số liệu thống kê năm 2014, thôn Bồn Dồn có 113 hộ, với 477 nhân khẩu; trong đó người Thái đen chiếm số hộ đông nhất, với 105 hộ, chiếm 93% dân số của toàn thôn; người Kinh có 5 hộ, chiếm 4,3%, người Mạ có 3 hộ, chiếm 2,7% (xem bảng 6).

**Phụ lục 6:** Dân số ở thôn Thoi

<b>Tộc người</b>	<b>Số hộ</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Kinh	5	4,3
Thái	105	93
Mạ	3	2,7
<b>Tổng số</b>	<b>113</b>	<b>100</b>

**Nguồn:** Thống kê diện tích đất ở thôn Bồn Dồn, năm 2014.

#### **+ Thôn Cây Xe**

Thôn Cây Xe là một thôn mới được thành lập vào năm 1994 cùng với quá trình thành lập xã Bình Sơn. Tổng diện tích tự nhiên của thôn Cây Xe là 315 ha; trong đó, diện tích đất rừng và đất lâm nghiệp là 285 ha, chiếm (90,4%); diện tích đất nông nghiệp là 15 ha, chiếm (4,7%); diện tích đất khác chiếm



Phụ lục 7: Diện tích đất ở thôn Cây Xe

<b>Đất đai</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Đất rừng và đất lâm nghiệp	285	90,4
Đất nông nghiệp	15	4,7
Đất nhà ở	5,5	1,7
Đất trụ sở, cơ quan	0,3	0,1
Đất chợ sử dụng	7	2,2
Đất sử dụng vào mục đích khác	2,2	0,7
<b>Tổng số</b>	<b>315</b>	<b>100%</b>

**Nguồn**: Thống kê diện tích đất ở thôn Cây Xe, năm 2014.

Dân số ở thôn Cây Xe có 91 hộ, trong đó người Thái có 61 hộ chiếm 67%; người Kinh có 27 hộ, chiếm 29,6%; người Mường có 3 hộ, chiếm 3,3% (xem bảng 8).

Bảng 8: Dân số ở thôn Cây Xe

<b>Tộc người</b>	<b>Số hộ</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Kinh	27	29,7
Thái	61	67,0
Mường	3	3,3
<b>Tổng số</b>	<b>91</b>	<b>100</b>

**Nguồn**: Thống kê diện tích cây trồng ở thôn Cây Xe, năm 2014.

### 1.2.2. Tên gọi và lịch sử cư trú

Tộc danh Thái là tên gọi chung cho người Thái ở Việt Nam. Tên gọi này được khẳng định mang tính pháp lý trong bảng danh mục thành phần các dân tộc

ở Việt Nam (năm 1979). Người Thái tự gọi mình là *Phủ Tay* hay *Côn Tay*, đều có nghĩa là người [4, tr.1].

Ở Việt Nam, người Thái có hai ngành là Thái Đen và Thái Trắng. Tại tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An đều có người Thái Đen và Thái Trắng cư trú, cụ thể như sau:



Ngành Thái Trắng, gồm các nhóm: *Tày Dọ*, cư trú ở huyện Thọùng Xuân, Nhọ Xuân, Nhọ Thanh (Thanh Hóa); nhóm *Tay Mưong, Hàng Tổng/Tay Chiêng, Tay Dọ*, cư trú tại các huyện Con Cuông, Thọùng Dọùng, Kỳ Sơn, Quỳ Hợp, Quỳ Châu, Quế Phong (Nghệ An).

Ngành Thái Đen, gồm các nhóm: *Tày Thanh, Man Thanh, Tày Nhái, Tày Mưòi, Tày Đeng/Lanh*), cư trú tập trung ở các huyện: Lang Chánh, Cẩm Thủy, Quan Hóa, Bá Thọức, Quan Sơn, Mọùng Lát (Thanh Hóa); Con Cuông, Anh Sơn, Thọùng Dọùng, Kỳ Sơn, Tân Kỳ, Nghĩa Đàn, Quỳnh Lọu, Quỳ Châu, Quế Phong (Nghệ An). Nhọ vậy, đôi thọùng nghiên cứu của luận văn là *Biến đổi về nhà ở* của nhóm *Tày Nhại* thuộc ngành Thái Đen (*Tày Đăm/Lăm*) ở Thanh Hóa.

Hiện nay, người Thái Đen ở Thanh Hóa có 48.142 người, chiếm 35,6% trong tổng số các dân tộc thiểu số của tỉnh [46]. Theo kết quả công bố của Ban dân tộc tỉnh Thanh Hóa cũng nhọ kết quả nghiên cứu điều tra điền dã tại xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn, người Thái ở đây đều tự nhận mình thuộc ngành Thái Đen và có tên tự gọi là *Tày Đăm*.

Từ “*Tày*” là một khái niệm mang nghĩa rộng dùng để chỉ một dân tộc hay một cộng đồng người cụ thể nhọ *Tày Lào* (người Lào), *Tày Mẹo* (người H’mông) và nghĩa hẹp là dùng để chỉ một nhóm dân tộc cụ thể [3, tr. 22].

Về lịch sử cư trú, theo lời kể của các cụ già trong làng: Người Thái Đen ở khu vực làng Thoi có nguồn gốc di cư từ các bản làng ở huyện Quan Hóa, Bá Thọức (Thanh Hóa). Họ di cư xuống khu vực này từ thời kì pháp thuộc

vào xâm lược nước ta, còn cụ thể vào thời gian nào thì không còn một ai nhớ rõ và cũng không có tài liệu nào ghi chép về vấn đề này. Các bậc cao niên trong làng cho biết: “*Thời kì chiến tranh với thực dân Pháp, người Thái Đen chạy loạn trong chiến tranh, họ chạy dọc theo khe suối từ phố huyện Thường Xuân, Quan Hóa, Bá Thọức đến Bến Nha, sau đó cứ đi theo đường khe suối*

*đến làng Thoi rồi ở khu vực này định cư cho đến tận ngày nay. Khi họ tới đây, vùng đất này chưa có người sinh sống, thấy vùng đất tốt vừa có núi, có sông*

*nên người Thái Đen đã quyết định chọn khu đất bằng phẳng, thấp, có suối chảy qua để dựng bản làng, định cư lâu dài, và lập nên làng Thoi và được xem là bản làng cư trú đầu tiên của người Thái” (ông Hà Văn Lốt, 78 tuổi, thôn Thoi, xã Bình Sơn, pv, ngày 29/10/2015).*

Dòng họ người Thái Đen đầu tiên di cư đến khu vực này là dòng họ Hà và dòng họ Ngân. Bản làng đầu tiên của người Thái đen có 13 hộ cư trú với hai dòng họ khác nhau. Sau khi người Thái di cư về đây, họ đã chọn vùng đất bằng phẳng ở xóm giữa, đất đai màu mỡ, có ruộng xung quanh để dựng bản làng và lấy tên là làng Thoi. Theo các cụ già trong làng cho biết: *“Tên gọi làng Thoi cũng gắn liền với quá trình di cư của người Thái Đen mang ý nghĩa là họ “chạy như con thoi” để tìm đất lập bản, dựng nhà nên đặt tên bản đầu tiên là bản Thoi”* (ông Hà Văn Tấn, 80 tuổi, thôn Thoi, xã Bình Sơn, pv, ngày 29/10/2015).

### **1.2.3. Các hoạt động kinh tế**

Hoạt động kinh tế truyền thống của người Thái nói chung và của người Thái đen ở xã Bình Sơn nói riêng không có gì khác biệt nhiều. Hoạt động kinh tế chính của họ, bao gồm: trồng trọt với hai phương thức chính là canh tác ruộng nước và canh tác ruộng rẫy; chăn nuôi gia súc, gia cầm; nghề thủ công; săn bắn và hái lượm; trao đổi hàng hóa.

#### ***a. Trồng trọt***

Theo tài liệu của các nhà nghiên cứu dân tộc học ở Việt Nam đã công bố, người Thái là một trong những cư dân biết làm ruộng nước sớm nhất trong khu vực Đông Nam Á. Người Thái đã đạt đến trình độ cao trong một số kỹ thuật canh tác ruộng nước như: “dẫn thủy nhập điền” (dẫn nước vào ruộng) ở những vùng có địa hình phức tạp, như: đồi núi dốc có ruộng bậc thang, ruộng đất cao ở ven sông, suối bằng hệ thống “mương, phai, lai, lín” hay bằng cọn nước/guồng nước đưa nước từ dưới suối lên đổ vào máng nước làm bằng cây luồng bỏ đôi rồi dẫn nước vào ruộng. Ngoài ra, người Thái có kinh nghiệm rất



tốt về việc nhận biết chất đất, thời tiết để lựa chọn giống, cây trồng thích hợp cho từng mùa vụ, nhằm đạt được năng suất cao.

Trong hoạt động canh tác ruộng nước, cây lúa là cây trồng chủ đạo (trước kia chủ yếu cây lúa nếp, nay lúa tẻ được cấy nhiều hơn) của đồng bào nên nó cấy hai vụ trong năm. Người Thái Đen ở Bình Sơn đã biết sử dụng sức kéo của trâu để cày- bừa ruộng, làm cho đất tơi nhuyễn để gieo cấy lúa hay mạ, với kỹ thuật làm đất khá cao. Ngoài ra, tập quán dùng trâu quân ruộng (“đao canh thủy nậu”) của người Thái đen hiện vẫn còn duy trì. Đây là một trong những hình thức canh tác cổ xưa nhất với những cày dân du canh du cư có làm ruộng nước.

Trước kia, người Thái ở xã Bình Sơn chỉ dùng phân chuồng (phân trâu, bò, lợn) để bón ruộng, kích thích cây lúa phát triển. Ngày nay, để tăng năng suất cây trồng, người Thái ngoài bón lót phân chuồng trước khi gieo trồng, đến thời điểm cây lúa sinh trưởng, đồng bào còn bón thêm phân hóa học (phân đạm, lân, kali). Sau khi cây lúa được khoảng một tháng tuổi, đồng bào tiến hành làm cỏ ruộng bằng tay hay nạo và phát quang bờ thửa khi lúa chuẩn bị làm đòng để tránh chuột đòng đến trú ẩn và phá hoại cây trồng. Ngày nay, việc sử dụng trâu cày và bừa ruộng không còn phổ biến nữa mà họ thường thuê máy cày, máy bừa của những gia đình trong bản có công cụ sản xuất để vừa giảm sức lao động vừa tiết kiệm được thời gian.

Tuy là cư dân nông nghiệp trồng lúa nước, nhưng diện tích canh tác lúa nước của người Thái Đen ở xã Bình Sơn không nhiều. Sở dĩ như vậy là do cư trú ở địa hình đồi núi, diện tích đất nông nghiệp trồng lúa nước chiếm tỷ lệ ít hơn diện tích đất rừng. Nên bình quân mỗi hộ gia đình chỉ có từ một đến hai sào ruộng, tương đương 560-1200m<sup>2</sup>. Với những hộ gia đình trẻ mới tách hộ ra ở riêng thì thường không có diện tích đất ruộng để canh tác nông nghiệp, nên ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống kinh tế hộ gia đình. Với những gia đình không có ruộng nước để cấy cấy, thì họ trồng hoa màu ở vườn nhà, trên



nojong rẫy, sau đó mang sản phẩm xuống chợ Thọ Bình bán hoặc có người đến thu mua tại nhà, sau đó họ nhận tiền rồi đi mua lojong thực.

Hoạt động sản xuất chính của người Thái Đen ở xã Bình Sơn là canh tác nojong rẫy, trồng cây lâm nghiệp kết hợp cây công nghiệp ngắn ngày. Cây lâm nghiệp chủ yếu là cây keo, tre, luồng. Diện tích trồng cây lâm nghiệp chiếm số lojong lớn, khoảng 70% diện tích cây trồng của toàn xã.

*Cây keo:* Cây keo có ọu điểm ít phải chăm sóc, nojong cho thu nhập và năng suất cao, nên đồng bào thường trồng cây keo nhiều hơn là tre và luồng. Cây keo đọợc trồng ở nhiều nơi, từ những khoảng đất thịt đến đất đỏ bazan trên đồi núi hay phía sau vọờn nhà. Do ọu điểm của cây trồng này là dễ sinh trọợng, ít phải chăm sóc phân bón, làm cỏ, tọợi tẩm và chỉ trong khoảng 5 năm thì cho thu hoạch và cho năng suất gỗ cao, giá mua lại ổn định nên bà con thường lựa chọn trồng keo hơn là trồng các cây khác. Họ bán keo tính theo diện tích (ha) với giá bán thấp nhất từ 70- 80 triệu đồng/1ha; thời điểm cuối năm 2015 là 100 triệu đồng/1ha. Cây keo cung cấp nguyên liệu cho nhà máy giấy Mộc Sơn thuộc huyện Thọ Xuân, nên đầu ra thu mua nguyên liệu của nhà máy giấy với người nông dân cũng tọợng đối ổn định nên đồng bào rất yên tâm để phát triển sản xuất. Công ty nhà máy giấy đến mua keo hoặc các lái buôn đến thu mua, sau đó thuê người chặt hạ, bóc xếp, vận chuyển về bán cho nhà máy giấy để họợng giá hoa hồng.

*Cây luồng, tre:* Cây luồng, tre đọợc trồng trên đất bazan, đất đồi núi có cao từ 100m trở lên và trồng cả hai bên bờ sông suối, vọờn nhà... Do địa hình ở xã Bình Sơn là vùng cao và có hồ nojóc ngọt là Đập Lùng trong khu rừng nguyên sinh, nên thường có độ ẩm cao, đất tốt nên cây luồng, tre trồng xuống khoảng 5 năm là cho thu hoạch măng và cây để sử dụng vào việc làm nhà, giàn giáo xây dựng, đan lát hoặc bán cho nhà máy giấy Mộc Sơn trong huyện Thọ Xuân và nhiều địa phọợng khác ở ngoại tỉnh như Hà Nam, Hà Nội, Nam Định, Thái Bình đến thu mua và vận chuyển bằng ô tô tải. Vào khoảng những năm 1995 trở về trọợc, diện tích trồng luồng, tre ở xã Bình Sơn chiếm khoảng 30% tổng diện tích



cây trồng của toàn xã. Vài năm trở lại đây, do giá thu mua nguồn nguyên liệu này thấp, đầu ra cho sản phẩm không ổn định, nên đồng bào Thái Đen đã chặt phá dần diện tích trồng luồng, tre và chuyển sang trồng keo, trồng mía cho thu nhập cao hơn.

*Cây công nghiệp gần đây:* Cây công nghiệp gần đây được người Thái Đen xã Bình Sơn trồng chủ yếu là cây chè, mía và sắn. Cây chè rất phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương này nên nó phát triển rất tốt; đồng thời cây chè ít phải chăm sóc và chỉ trồng một lần nhưng cho thu hoạch được 4-5 năm mới phải trồng lại. Thời gian từ năm 1990 – 1995, do đồng bào mới đưa cây chè vào trồng ở xã Bình Sơn theo quy mô lớn dưới sự hướng dẫn khoa học của cán bộ phòng kỹ thuật nông nghiệp huyện Triệu Sơn, nhưng do lượng cán bộ kỹ thuật ít mà số hộ dân lại nhiều. Bởi vậy, việc hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc cây chè chưa được đồng bộ và đúng quy trình nên dẫn đến chất lượng chè kém, đầu ra không ổn định. Trước tình trạng này, nhiều hộ gia đình đã tự phát phá bỏ các đồi chè để chuyển sang trồng mía và keo. Bà Sinh cho biết: *“Trước đây, xã Bình Sơn có hợp tác xã sản xuất chè, bà con thu hoạch chè bán cho hợp tác xã để chế biến thành chè khô, nhưng sau đó làm ăn thua lỗ nên hợp tác xã đã giải thể. Những gia đình còn giữ lại diện tích trồng chè, bà con thường tự thu hoạch, sao chế thành chè khô mang xuống chợ Thọ Bình hoặc các thị trấn trong và ngoài huyện bán nhưng thị trường tiêu thụ chậm, giá bán lại bị các tư thương ép giá nên bà con đã phá diện tích chè để chuyển sang trồng mía và sắn ngày càng nhiều”* (Hà Thị Sinh, 58 tuổi, thôn Thoi, pv ngày 25/11/2015).

Khoảng 5- 7 năm trở lại đây, chè xanh được giá, nên đồng bào Thái đen tiếp tục chuyển diện tích từ trồng mía sang trồng chè nên diện tích đất trồng chè nhiều hơn diện tích đất trồng mía. Ông Hà Văn Trung cho biết: *“Trước đây, ở khu vực này, diện tích đất đồi chủ yếu là trồng cây mía cung cấp nguyên liệu cho nhà máy đường Lam Sơn, nhưng khoảng 5-7 năm trở lại đây có xu hướng chuyển đổi giống cây trồng, người dân chuyển từ trồng mía sang*



trồng chè. Diện tích trồng chè ngày càng chiếm ưu thế hơn so với cây mía. Nguyên nhân diện tích mía giảm là do trồng mía mất nhiều công chăm sóc, vốn đầu tư lớn, giá bán không cao, khâu thu mua bị ép giá nhiều, nên người dân có xu hướng chuyển sang trồng chè” (Hà Văn Trung, 52 tuổi, Trại thôn Thoi, pv ngày 3/1/2016). Hiện nay, nhiều lái buôn ở miền xuôi đã đến tận nhà của các hộ trồng chè thu mua chè xanh mang về bán ở các chợ miền xuôi để hưởng giá chênh lệch. Nhờ vậy, cây chè đang được người dân lựa chọn để trồng vừa để sử dụng làm nước uống cho gia đình vừa để bán kiếm thêm thu nhập, trang trải cuộc sống, mua sắm đồ dùng hay lojong thực, thực phẩm...

Ngoài cây chè, cây mía, người Thái đen còn trồng sẵn để phục vụ chăn nuôi gia súc, gia cầm của gia đình hoặc mang bán cho nhà máy chế biến thực phẩm trong và ngoài tỉnh đến thu mua. Tuy nhiên, diện tích trồng sẵn ở xã Bình Sơn không nhiều, bởi giá bán sẵn cho công ty lojong thực thực phẩm thường không ổn định theo hằng năm mà luôn trong tình trạng “sẵn được mùa thì rớt giá”.

### ***b. Chăn nuôi***

Từ trước tới nay, chăn nuôi gia súc, gia cầm ở người Thái đen xã Bình Sơn khá phát triển, nó đóng vai trò quan trọng trong đời sống của mỗi hộ gia đình. Vật nuôi cũng khá đa dạng như trâu, bò, lợn, gà, vịt... Ngoài đáp ứng một phần nhu cầu thực phẩm và sức kéo, phục vụ nông nghiệp, thì lợn, gà, vịt còn dùng làm vật hiến tế trong các dịp lễ tết, cưới xin; nhất là để dùng trong các nghi lễ cúng gắn liền với phong tục, tập quán, tín ngưỡng của đồng bào. Tuy nhiên, với hình thức chăn thả tự nhiên thì việc nuôi gia súc lớn chủ yếu là để lấy sức kéo chứ chưa nhắm mục đích biến sản phẩm chăn nuôi thành hàng hóa giống như người Kinh ở dưới đồng bằng. Mặt khác, khi chăn nuôi gia súc, gia cầm, đồng bào thường chỉ chú trọng về số lượng, chứ chưa coi trọng về chất lượng của sản phẩm nên việc biến sản phẩm chăn nuôi trở thành hàng hóa thì chưa thấy xuất hiện với các hộ gia đình người Thái tại địa phương này. Tóm lại, chăn nuôi vẫn chỉ là hoạt động hỗ trợ cho trồng trọt để



lấy phân bón cho cây trồng và làm sức kéo chứ nó chưa thể trở thành sản phẩm hàng hóa giống như người Kinh ở trong và ngoài tỉnh.

### ***c. Các nghề thủ công***

Nghề thủ công truyền thống của người Thái tuy chưa thực sự trở thành nghề độc lập mà chỉ là một nghề phụ, nhưng nó lại gắn bó mật thiết với đời sống vật chất và tinh thần của họ và được truyền thừa từ thế hệ này đến thế hệ khác.

Trước đây, hầu hết các gia đình người Thái Đen ở xã Bình Sơn đều có trồng bông, dệt vải. Các sản phẩm dệt của họ đã đạt đến trình độ tinh xảo, vừa có tính kỹ thuật vừa mang tính mỹ thuật cao. Sản phẩm dệt của đồng bào chủ yếu là vỏ gói, chăn đắp, khăn piêu, váy..., với những đường nét hoa văn tinh tế, thể hiện sự khéo tay của người phụ nữ Thái. Tuy nhiên, nghề dệt của người Thái đen nơi đây chủ yếu sản xuất ra để dùng trong phạm vi gia đình, chứ nó chưa mang tính chất sản xuất hàng hóa giống như người Thái ở Mai Châu (Hòa Bình), Quý Châu, Quý Phong, Con Công, Tơng Dơng (Nghệ An)... Trong xu thế hội nhập với văn hóa người Kinh diễn ra ngày càng mạnh, hầu hết thanh niên người Thái cả nam và nữ đều thích mặc trang phục may sẵn được bán ở ngoài chợ, cửa hàng... đã tác động không nhỏ đến nghề dệt truyền thống của người Thái và nguy cơ bị mai một của nghề này sẽ đang đến gần.

Đan lát cũng là một trong những nghề được người Thái biết đến từ khá sớm. Hầu hết đàn ông Thái đều biết đan lát các vật dụng dùng trong gia đình. Các sản phẩm đan lát phổ biến trước đây của người Thái ở Bình Sơn là: rổ, rá, thúng, nong, nia, guì, giỏ tuốt lúa... Hiện nay, việc trao đổi sản phẩm dệt cũng như sản phẩm đồ đan lát chủ yếu chỉ diễn ra trong nội bộ người Thái với nhau hoặc với các tộc người khác ở trong phạm vi cấp huyện mà thôi, sản phẩm làm ra chưa trao đổi phổ biến ra thị trường bên ngoài huyện. Trong xu hướng của cuộc sống đương đại, nhiều gia đình người Thái đen ở Bình Sơn thường thích sử dụng các đồ dùng gia dụng bằng chất liệu nhựa, nhôm... và theo quan niệm của đồng bào là nó vừa rẻ, đẹp và tiện dụng.



#### ***d. Săn bắn, hái lượm***

Troյốc kia, săn bắn, hái lượm là hoạt động sinh kế quan trọng của người Thái Đen ở Bình Sơn. Troյốc kia, săn bắn vừa là nhu cầu giải trí vừa kiếm thêm thực phẩm làm thức ăn, phục vụ sinh hoạt hằng ngày trong gia đình. Việc săn bắt thú rừng bằng hai cách: dùng các loại bẫy để đánh bắt thú và dùng súng kíp, cung nỏ kết hợp với chó săn. Họ đi săn theo cá nhân hoặc từng nhóm, từ hai đến 5 người và đi trong ngày. Với những người đi vào rừng đánh bẫy, thì họ cũng đi từng nhóm nhỏ và ăn, ở luôn tại các lán trại trong rừng đến khi nào hết lượm thực, thực phẩm hay bẫy đợc con thú thì họ mới về làng. Ngoài ra, người Thái cũng có nhiều hình thức đánh bắt cá ở khe suối, đầm, hồ, như: câu, ném đá xuống suối cho cá văng óc rồi chui vào các khe đá trú ẩn rồi họ đi mò cá bằng tay, đánh cá bằng cây lá thuốc độc, xúc tôm cá bằng vợt, quăng chài, thả lưới...

Ngợc lại, những sản vật khai thác từ nguồn lâm sản phụ ở trong rừng, như: rau rừng, măng, mộc nhĩ, nấm hợng, rêu đá... do phụ nữ và trẻ em đảm nhiệm. Họ thường đi dọc theo các con suối trong rừng dùng rỏ hay vợt để xúc tôm, tép, bắt cua, mò ốc và hái rau rừng mang về nhà chế biến thành các món ăn khác nhau. Hiện nay, diện tích rừng nguyên sinh đang ngày càng bị thu hẹp do nạn phá rừng, đốt rừng làm nương rẫy để tría lúa, trồng ngô, sắn, mía... đã làm ảnh hợng không nhỏ đến môi trường sống của các loại động vật hoang dã cũng như nguồn lâm thổ sản phụ (song, mây, nấm hợng, mộc nhĩ, măng...) khiến cho người dân mỗi lần vào rừng tìm kiếm mất rất nhiều thời gian và các sản phẩm từ rừng thu về ngày càng khó kiếm. Để chủ động nguồn rau xanh trong bữa ăn, nhiều gia đình đã có mảnh vờn cạnh nhà hay trên nương để trồng bí ngô, mợp, bí xanh, ớt, hành, tỏi, rau thơm, khoai sọ... và đào ao thả cá kết hợp với chăn nuôi gia súc, gia cầm.

#### ***e. Trao đổi hàng hóa***

Như trên đã trình bày, hoạt động trao đổi hàng hóa chủ yếu diễn ra trong nội bộ của người Thái với nhau; một số hộ gia đình trong xã thì có một



ít sản phẩm chủ yếu là đồ đan lát (nong, nia, rổ, rá...), sản phẩm chăn nuôi (gia súc, gia cầm), măng khô, mộc nhĩ, mật ong... mang bán cho người Kinh, Mường trong và ngoài huyện. Tuy nhiên, đồng bào Thái cũng mua những đồ gia dụng, lojong thực, thực phẩm, phân bón, quần áo, chăn, chiếu, màn,... của người Kinh ở miền xuôi mang lên trao đổi bằng nhiều hình thức, như bán hàng rong bằng xe máy, ô tô tải hay ở các quầy buôn bán nhỏ ở trong xã... Trong quan niệm của người Thái Đen xã Bình Sơn trước đây có câu thành ngữ, “Đi buôn ba năm không bằng nuôi ba con bò cái” (*Pay ca xam pi bó tở liệng xam mẹ*), có nghĩa là, việc trao đổi hàng hóa ở người Thái trước đây choạ đợc phổ biến giống như người Kinh ở miền xuôi. Điều này cũng đồng quan điểm với các nhà nghiên cứu Thái học cho rằng, tính tự cung tự cấp của người Thái hiện vẫn còn tương đối phổ biến, nhất là các bản làng ở vùng sâu, vùng xa, biên giới... Hiện tại, trong các thôn của người Thái ở Bình Sơn cũng đã xuất hiện một số ki ốt nhỏ bán hàng tạp hóa, như: mắm, muối, mì tôm, nước ngọt... nhưng chủ yếu là những hộ gia đình người Kinh lên lập nghiệp hoặc chồng Thái vợ Kinh và ngược lại.

Tóm lại, nền kinh tế truyền thống của người Thái Đen ở Bình Sơn vẫn mang nặng tính chất “tự cấp tự túc”, các sản phẩm làm ra chủ yếu phục vụ nhu cầu hàng ngày trong gia đình, cộng đồng và nhất là nghề thủ công (dệt, đan) của đồng bào vẫn choạ trở thành sản phẩm hàng hóa mang đi tiêu thụ rộng rãi ở ngoài thị trường.

#### **1.2.4. Các dạng thức văn hóa**

Các dạng thức văn hóa của người Thái Đen ở xã Bình Sơn vừa hàm chứa những yếu tố đặc trưng mang tính thống nhất của tộc người Thái nói chung, vừa thể hiện những nét văn hóa mang tính đặc thù của địa phương người Thái đen ở xã Bình Sơn nói riêng. Những nét văn hóa đặc thù này đợc thể hiện rất sâu đậm trong văn hóa vật chất, văn hóa xã hội và văn hóa tinh thần của người Thái.



### *a. Văn hóa vật chất*

Văn hóa vật chất là một trong những lĩnh vực khá quan trọng trong văn hóa truyền thống của người Thái. Các giá trị của văn hóa vật chất ấy được thể hiện thông qua các yếu tố: nhà cửa, trang phục và ẩm thực. Đây là những yếu tố thể hiện các giá trị mang bản sắc văn hóa của tộc người. Người Thái Đen ở xã Bình Sơn sống quy tụ ở khu vực trong các thung lũng, sườn đồi thấp và cả những khu đất bằng phẳng ở hai bên đèo. Bản/làng của người Thái Đen là nơi cư trú của nhiều gia đình, thuộc nhiều dòng họ khác nhau. Những bản lớn thường có khoảng hơn 100 nóc nhà, bản nhỏ thường có 50- 70 hộ. Theo truyền thống trước đây, trong bản làng của người Thái Đen chỉ có đồng bào Thái cư trú, nhưng kể từ sau năm 1990 đến nay, trong bản của người Thái Đen ở xã Bình Sơn đã xuất hiện thêm người Kinh và người Mường đến cư trú xen kẽ. Nguyên nhân là do Ủy ban nhân dân tỉnh có chủ trương thực hiện dự án 327 về việc di dân từ các xã ở miền xuôi trong huyện Triệu Sơn lên làng Thoi để thành lập xã Bình Sơn như đã trình bày ở trên. Tuy nhiên, số hộ gia đình người Thái đen ở xã Bình Sơn vẫn chiếm số đông hơn cả.

*Trang phục:* Trang phục của người Thái ở Thanh Hóa có những nét tương đồng với trang phục của người Thái ở Tây Bắc, nhưng cũng mang những nét đặc trưng mang tính chất địa phương từng vùng miền. Áo của người Thái Đen ở Bình Sơn là dạng áo ngắn (*xỉa cóm*), vải đen, cổ áo hình tròn cài cúc ở phía sau gáy hoặc ở bên vai trái, ống tay dài, áo mặc chui đầu không có hàng cúc bấm trước ngực như áo của phụ nữ Thái vùng Tây Bắc. Váy của người Thái Đen cũng có những khác biệt so với các nhóm địa phương khác. Người Thái Trắng ở Thanh Hóa thường thêu hoa văn trang trí ở phần chân váy, còn người Thái Đen thì thêu hoa văn ở gấu váy (giống kiểu váy của phụ nữ Mường), nhưng vẫn giữ được yếu tố váy truyền thống của người Thái (hoa văn ngang thân váy). Họ tiết trang trí hoa văn của người Thái đen thường là mô-típ hoa văn hình động vật (rồng, ngựa, cua, cá, hổ, nai,...), hình thực vật (quả trám, đọt cau, đọt dừa, rau dớn...), hình kỷ hà/hình

học (vuông, bình hành, tam giác), cỏ cây hóa lá, thể hiện theo lối toạ duy mỹ thuật gắn liền với cuộc sống thường nhật họ nhìn thấy, như: hoa rừng, ngọn núi, con suối...

*Ẩm thực* (ăn uống): Người Thái Đen trước đây có thói quen ăn cơm nếp và sử dụng phổ biến các món ăn chế biến từ gạo nếp. Việc ăn cơm tẻ mới chỉ phổ biến từ sau năm 1954. Xôi nếp đồ không chỉ là món ăn được dùng phổ biến trong các bữa ăn hằng ngày mà còn là vật phẩm không thể thiếu để cúng tổ tiên trong các dịp lễ tết (đồ xôi, gói bánh chưng và các loại bánh làm từ gạo nếp...). Các giá trị văn hóa trong ẩm thực của người Thái Đen được thể hiện thông qua nguyên liệu và cách thức chế biến món ăn và cả tập quán liên quan đến ăn uống nữa.

Các món ăn của người Thái Đen ở xã Bình Sơn khá đa dạng và nó được chế biến từ các loại lương thực, thực phẩm khác nhau. Các món ăn được chế biến từ lương thực như: xôi nếp, nếp đồ trộn với sắn, ngô và các loại bánh trong ngày lễ, tết, đám hỏi hay trong những dịp thăm hỏi. Các món ăn chế biến từ cá gồm có: cá nướng, cá đồ, cá muối chua, cá nấu canh chua, canh lá đắng, cá kho, cá rán và các loại thủy sản khác cũng được người Thái chế biến thành các món ăn theo khẩu vị của mỗi gia đình và nhất là theo mùa vụ, như mùa đông thường ăn kho và rán; mùa hè hay nấu canh chua và luộc. Các món ăn được chế biến từ thịt, có thịt luộc, thịt kho, thịt muối chua, thịt nấu măng chua. Bên cạnh các món ăn chế biến từ nguồn lương thực, thực phẩm không thể không nhắc đến các loại rau, măng để nấu canh chua, luộc, đồ, xào, nộm...

Người Thái Đen ở Bình Sơn rất thích uống rượu và họ có thói quen dùng rượu để tiếp khách. Ngoài rượu cần (nay hầu như không còn phổ biến nữa), người Thái ở đây chủ yếu uống rượu cất từ gạo tẻ hoặc gạo nếp. Trước kia, sau bữa cơm, người ta chủ yếu uống nước lã. Từ sau 1954 và nhất là từ sau những năm 1960 do phong trào vận động ăn chín, uống sôi của Bộ y tế, nên người dân địa phương đã chuyển sang uống nước đun sôi, nước lá cây mồng 5 tháng 5 hoặc uống nước chè xanh. Ngoài ra, người Thái ở Bình Sơn, các bà,



các mẹ rất thích nhai trầu; nam giới trung niên hay hút thuốc lào và thanh niên thì hút thuốc lá.

Ngoài ra, trong văn hóa vật chất của người Thái nói chung và người Thái Đen nói riêng còn có yếu tố nhà cửa. Để tránh nội dung bị trùng lặp nên ở chương 1 của luận văn, chúng tôi không trình bày nhà cửa mà sẽ trình bày riêng ở chương 2.

### ***b. Văn hóa xã hội***

Trước đây, cơ cấu tổ chức xã hội cổ truyền của người Thái ở vùng Thanh Hóa và Nghệ An cũng theo mô hình thiết chế bản - mường. Tuy nhiên, do hoàn cảnh lịch sử riêng và địa bàn cư trú tiếp giáp với người Mường, Kinh nên phần nào thiết chế bản - mường truyền thống của họ đã chịu ảnh hưởng cơ cấu tổ chức xã hội của hai dân tộc nêu trên. Nét đặc thù về tổ chức xã hội của người Thái ở vùng Thanh Hóa nói chung và nhóm Thái Đen ở xã Bình Sơn nói riêng là chế độ Tạo Mường còn ở người Thái Nghệ An là chế độ Chủ Đất (*Chầu đin*).

Bản/làng là đơn vị tự trị của cư dân miền núi. Trước kia, mỗi bản thường do Tạo bản đứng đầu và một chức vụ nhỏ phụ trách nghi lễ tôn giáo, gọi là thầy mo hay mo then. Những người định cư cùng trong một bản thường sử dụng chung nguồn nước, bãi chăn thả trâu bò và cùng có chung khu nghĩa địa. Hằng năm, người Thái đều có tổ chức cúng bản vào dịp tháng Hai âm lịch. Lễ cúng diễn ra tại bản đền, do một ông mo đứng ra thay mặt dân làng chủ trì buổi lễ. Lễ vật dâng cúng, gồm: thịt lợn, gà, rượu, xôi... do dân bản đóng góp. Nội dung bài cúng là cầu xin thánh thần ban phước lành cho người dân trong bản được bình yên, vạn vật sinh sôi phát triển, mùa màng bội thu. Sau khi cúng, mọi người ở lại cùng ăn cơm, uống rượu, ăn trầu, thụ lộc tại bản đền. Hiện nay, việc cúng bản không còn được duy trì nữa, bởi do thời kỳ cải cách văn hóa vào năm 1955, nhà nước quy lễ cúng bản là mê tín dị đoan nên dân làng phải chấp hành bỏ lễ cúng bản cho đến tận ngày nay.



Hiện nay, trong các thôn/bản đều có Ban quản lý thôn bản, gồm: Chi bộ Đảng, Bí thư chi bộ, phó bí thư, trưởng- phó bản, công an viên, kiểm soát viên; các đoàn thể xã hội (Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ, chi đoàn thanh niên...; trong đó, người có uy tín và trưởng họ là những người có vai trò nhất định trong cộng đồng. Họ là những người giàu kinh nghiệm trong sản xuất và nhất là, có nhiều kinh nghiệm ứng xử trong xã hội. Tiếng nói của họ rất có trọng lượng trong cộng đồng hay trong dòng họ; họ nói gì mọi người đều nghe theo. Xét dưới một khía cạnh nào đó, tổ chức dòng họ chính là nơi giữ gìn và phát huy những yếu tố tốt đẹp trong luật tục, tập quán truyền thống của dân tộc Thái đen.

*Gia đình:* Người Thái Đen sống theo chế độ phụ hệ, mỗi gia đình thường có 5 người trở lên. Trong gia đình, các thành viên bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau. Người nam giới là người làm chủ trong gia đình. Họ có quyền quyết định mọi công việc đại sự trong gia đình, từ việc dựng nhà, cưới hỏi đến tang ma và cả các công việc liên quan đến dòng họ, cộng đồng... Người vợ lại, người phụ nữ thường chăm lo những công việc trong phạm vi gia đình. Họ có vai trò quan trọng đối với việc nuôi dạy con cái, chăm lo cuộc sống gia đình, chăn nuôi, trồng trọt...

*Dòng họ:* Dòng họ của người Thái Đen tuân thủ tương đối chặt chẽ giữa các thành viên trong dòng họ với nhau. Mỗi dòng họ đều có một trưởng họ hay chi họ trưởng đứng đầu để quản lý, điều hành các công việc liên quan đến phong tục, tập quán, luật tục riêng của dòng họ mình. Mọi việc bất hòa giữa một gia đình, cá nhân nào đó trong hay ngoài dòng họ, người ta đều đến nhà trưởng họ, chi họ trưởng để báo cáo sự việc và xin ý kiến dạy bảo cho con cháu cách đối nhân xử thế nhẹ nhàng thế nào cho phải đạo với những người lớn tuổi, trẻ nhỏ hay những việc ứng xử quan hệ xã hội trong cộng đồng. Có thể nhìn thấy vai trò cũng như uy tín của ông trưởng họ, chi trưởng luôn được các thành viên trong dòng họ, chi họ tôn kính. Bởi vậy, ông và vợ, con của ông lúc nào cũng luôn tâm niệm phải trở thành tấm gương sáng để con cháu trong



dòng họ noi theo. Từ lời ăn tiếng nói đến việc sản xuất kinh tế, quan hệ xã hội, gia đình của ông trưởng họ, chi họ trưởng đều phải nhất nhất làm đúng theo nề nếp gia tộc mà những bậc cao niên dày công vun đắp, lo giữ và truyền dạy cho thế hệ mai sau.

### **c. Văn hóa tinh thần**

Ngoài thờ tổ tiên (ma nhà), người Thái Đen ở Bình Sơn không theo tôn giáo nào. Hiện nay, bà con vẫn duy trì niềm tin “vạn vật hữu linh” nên thường tổ chức làm lễ cúng vào dịp đầu năm, Noel lễ cầu an, giải hạn, tục gọi là lễ “khao đất”. Thông thường, sau lễ cúng, thầy mo hay bà mo sẽ làm phép vào các sợi chỉ rồi thực hiện nghi lễ “buộc chỉ cổ tay” cho mọi người trong gia đình, với ý nghĩa cầu mong sức khỏe tốt, hồn vía của con người luôn tồn tại ở trong cơ thể

Các làn điệu dân ca truyền thống, nhạc hát nhuân (hát dân ca) chỉ còn những người ở lứa tuổi trung niên, người già mới biết hát vào những dịp khi trong bản có đám cưới, lễ mừng nhà mới hay nhà có khách quý... Các nhạc cụ truyền thống như: kèn (*pi khui*), nhị, sáo còn rất ít người biết sử dụng. Trước những thách thức nêu trên, khoảng 10 năm trở lại đây, chính quyền xã Bình Sơn đã khuyến khích, động viên và hỗ trợ một phần kinh phí để mua bộ công cụ, trống cái để cho cộng đồng sử dụng vào dịp tết, lễ lên nhà mới, cúng bản, cúng mường, cưới xin, tang ma...

Cũng như người Thái ở các địa phương khác, người Thái Đen ở xã Bình Sơn, trong một năm có nhiều ngày lễ tết khác nhau, như: tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đoàn Ngọ, “Xóa tội vong nhân” (Rằm tháng Bảy), Trung thu, Độc lập (mùng 2/9) và tết cơm mới. Người Thái đen ăn tết Nguyên Đán theo âm lịch giống như người Kinh, nhưng thời gian chơi tết thì kéo dài đến tận ngày Rằm tháng Giêng và có một số tập tục liên quan đến tết khác với người Kinh, Mường ở trong và ngoài bản. Sự tương đồng trong văn hóa tết của người Thái là bên cạnh hay trước ban thờ thường cắm cành hoa đào, chậu quất cảnh; hai bên bàn thờ đặt hai cây mía để nguyên cả lá và rễ gốc cây; trên



mỗi cây mía buộc một nhánh cau và tập tiền vàng; trên ban thờ bày mâm ngũ quả, bánh chưng, xôi, giò, nộm... Sự khác biệt lớn nhất trong văn hóa tết của người Thái đen, người Mường ở xã Bình Sơn với người Kinh là đêm 30 tết (gần đến lúc giao thừa), người ta lấy quần áo mới, đồ trang sức của bố mẹ mang ra đặt trên chiếc bàn cạnh ban thờ tổ tiên và có một đĩa trầu cau (9 miếng), 9 bát nước chè xanh, 9 chén xôi trắng) với ý nghĩa dâng cúng cho các hồn ma của tổ tiên đang coi ngục trên 9 tầng trời. Ngoài ra, trong lễ tết của người Thái đen ở xã Bình Sơn, ngoài thịt lợn, gà còn phải có món cá nướng, cá muối thể hiện sự sung túc, ấm no, hạnh phúc của con cháu dâng cúng cho tổ tiên. Trong thời gian ăn tết, người Thái đen thường đi chơi xuân, thăm hỏi họ hàng, người thân trong và ngoài bản. Tuy nhiên, trong thời gian vui chơi xuân, họ vẫn chú ý đến công việc sản xuất, đồng áng, vật nuôi của gia đình.

Trong tháng 2 và tháng 3 âm lịch, người Thái đen có lễ tục đi viếng thăm mồ mả đối với những người đã khuất. Người ta đến thắp hương và sửa sang lại mộ phần. Tết mùng 5 tháng 5, còn gọi là tết Đoan Ngọ (*kin tôn ú*), đồng bào cũng tổ chức cúng lễ cho ma nhà. Vào buổi trưa của ngày tết Đoan Ngọ, người Thái có tập tục đi lấy các cây lá rừng vào lúc 12 giờ trưa để làm thuốc và nước uống. Trong bếp đun của các gia đình người Thái ở xã Bình Sơn thường có ấm nước sôi đặt ở bên cạnh bếp để sau khi ăn cơm, đi làm về thì mọi người uống có tác dụng giải nhiệt và kích thích tiêu hóa, ăn khỏe, ngủ ngon...

Tết rằm tháng 7 âm lịch, còn có tên gọi khác là tết “Xóa tội vong nhân” mà người Thái đen gọi là tết *Xíp xí*. Người Thái đen vốn không đi theo đạo Phật nên không chịu ảnh hưởng của toạ tượng giáo lý nhà Phật vào trong lễ tết này mà chịu ảnh hưởng của tín ngưỡng dân gian là thờ đa thần nên trong ngày tết này, đồng bào thường chỉ thắp hương khấn cầu thần linh thổ địa, thần bản, thần Mường phù hộ cho ma tổ tiên ở trên tầng trời được siêu thoát và thường xuyên phù hộ cho con cháu khỏe mạnh, bình an.

Người Thái Đen ở xã Bình Sơn cũng ăn tết Độc lập mừng 2 tháng 9 dương lịch khá to so với người Kinh. Đây không phải là tết truyền thống của



ngọ̀ời Thái mà tết Độc lập mới chỉ du nhập vào ngọ̀ời Thái ở địa phoịng này vào khoảng vài chục năm gần đây. Theo một số ngọ̀ời già trong bản cho biết, tết Độc lập du nhập vào ngọ̀ời Thái ở xã Bình Sơn sau năm 1954. Bởi vậy, tết này thường mang ý nghĩa là tết kỷ niệm mừng độc lập, nhớ ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh có công khai sáng ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Với lòng kính yêu Bác, lâu dần tết kỷ niệm đã ăn sâu vào trong tâm trí của ngọ̀ời Thái, còn với ngọ̀ời Kinh và ngọ̀ời Mọ̀ng ở trong xã thì nó tương đối mờ nhạt.

Vào ngày 18 tháng 11 âm lịch hằng năm, ngọ̀ời Thái Đen ở Bình Sơn có tổ chức ngày hội “Đại đoàn kết dân tộc” do Ban dân tộc tỉnh phát động. Trong ngày hội, đồng bào có tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, nhọ: nhọ nhảy sạp, đánh trống–chiêng, hát dân ca/hát nhuân, thi bắn cung nỏ... Việc tổ chức xây dựng đời sống văn hóa mới ở các bản làng ngọ̀ời dân tộc thiểu số đang đọ̀c Đảng và nhà nước quan tâm. Bởi vậy, trong khoảng 5 năm trở lại đây, để bảo loạ các giá trị văn hóa truyền thống của ngọ̀ời Thái Đen, chính quyền xã Bình Sơn kêu gọi chị em phụ nữ Thái mặc các bộ trang phục truyền thống; kêu gọi các gia đình cố gắng giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; kêu gọi các cụ già trong bản khôi phục đội văn nghệ công chiêng, trống và hát dân gian... nhằm bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của ngọ̀ời Thái Đen tại địa phoịng nhằm giáo dục cho con cháu mai sau biết về nguồn gốc của dân tộc Thái.

Với tết com mới, ngọ̀ời Thái Đen ở xã Bình Sơn còn rất ít gia đình ăn tết, bởi sau năm 1990, ngọ̀ời Kinh đã đến đây định cọ và trong mối quan hệ giao loạ văn hóa Thái- Kinh- Mọ̀ng có ảnh họ̀ng lẫn nhau. Hơn nữa, diện tích canh tác nông nghiệp lúa nước cũng nhọ lúa rẫy đang ngày càng thu hẹp diện tích là do diện tích rừng nguyên sinh đã chia cho các hộ quản lý; các hộ phân đất rừng sử dụng vào trồng cây công nghiệp nên cây loịng thực chỉ đóng vai trò thứ yếu. Từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan nêu trên đã tác động đến nếp sinh hoạt trong văn hóa của ngọ̀ời Thái, từ đó tết com mới đang bị mai một và có nguy cơ bị mất hẳn trong vài năm tới.



## **TIÊU KẾT CHƯƠNG 1**

Trước năm 1963, làng Thoi địa phận quản lý hành chính của xã Thọ Bình. Đến tháng 3 năm 1994 thì xã Bình Sơn được thành lập trên cơ sở tách một phần đất ở xã Thọ Bình và xã Thọ Sơn. Kể từ khi thành lập bản Thoi cho đến nay đã có 3 lần sát nhập về địa vực hành chính và cũng có sự sáo trộn ít nhiều về mặt địa giới hành chính cũng như tâm lý tộc người. Đặc biệt, kể từ khi thực hiện Chương trình dự án 327 của Chính phủ và sau này có thêm chương trình 135 đã tác động không nhỏ đến đời sống, kinh tế, văn hóa, xã hội, tín ngưỡng... của người Thái Đen ở xã Bình Sơn

Sau đổi mới cùng với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước, đời sống nhân dân được nâng cao, cơ sở hạ tầng được đầu tư, phát triển, giao thông giữa miền xuôi và miền ngược được thuận lợi hơn. Từ đó kinh tế phát triển, trình độ dân trí được nâng cao; phương thức canh tác nông nghiệp cổ truyền được thay đổi... Tuy nhiên, các chính sách phát triển kinh tế, xã hội cũng tác động không nhỏ làm biến đổi văn hóa của người Thái một cách nhanh chóng theo xu hướng “Kinh hóa”; thậm chí có nhiều lễ tục mang tính mỹ tục (tết cơm mới) hay các làn điệu dân ca (hát nhuần), các tri thức bản địa liên quan đến canh tác nông nghiệp lúa nước, kỹ thuật làm nhà... đang có nguy cơ bị mai một.

Đặc biệt, về quan hệ dân tộc, kể từ sau khi người Kinh lên định cư cùng với người Thái Đen thì trong bản đã có nhiều cặp thanh niên Thái- Kinh kết hôn với nhau, từ đó nếp sinh hoạt của người phụ nữ Thái lấy chồng Kinh đang dần dần thay đổi một cách rõ nét: từ việc ăn mặc, phương thức canh tác nông nghiệp, cách thức sống, đồ dùng gia dụng đến cả đời sống tâm linh (thờ cúng tổ tiên, tang ma) đều theo văn hóa của người Kinh.



## CHƯƠNG 2

### NHỮNG ĐẶC TRƯNG CỦA NHÀ CỬA TRUYỀN THỐNG

#### 2.1. Những vấn đề chung

Nhà ở có chức năng đầu tiên là bảo vệ con người trước môi trường tự nhiên và tránh các loài thú dữ. Nơi cư trú đầu tiên của con người là trong hang động hay mái chắn gió, nhà hầm... Theo tài liệu khảo cổ học, Việt Nam là một trong những “cái nôi” của loại người. Các nhà khảo cổ học đã tìm thấy những di chỉ khảo cổ học có dấu tích người vượn cách ngày nay hàng mấy chục vạn năm thuộc sơ kì đồ đá cũ và vào thời kì lúc bấy giờ, con người nguyên thủy sống theo dạng bầy đàn ở trong các hang động. Có thể nói hang đá, gốc cây là nơi cư trú đầu tiên của loài người và đây cũng là hình thức cư trú tạm thời, chứ chưa phải là nơi cư trú có tính chất lâu dài hay ổn định. Trải qua thời gian, cùng với việc đáp ứng nhu cầu đời sống, con người đã biết dựng những cái giậu để che mưa, che nắng. Những chiếc giậu này, chủ yếu được làm bằng mấy cành cây hay mấy tàu lá rừng to bản (lá chuối, lá rong, lá cọ) cắm vào một hướng nào đó để che nắng, che mưa, cái giậu này có tính cơ động cao, người ta có thể chuyển hướng không khó khăn. Cái giậu là tiền thân của lều sau này [58, tr. 130 - 132].

Trải qua quá trình phát triển, khi loài người đã có ý thức về không gian cư trú họ đã biết dựng những ngôi nhà đơn sơ để cư trú, sinh sống. Đến giai đoạn đồ đá giữa, loài người đã biết dựng những chiếc lều hay chòi dùng cư trú tạm trong thời gian gieo trồng để tránh mưa, nắng và nghỉ ngơi. Hơn nữa, sống ở trên chòi không khí thoáng mát, khô ráo, con người cảm thấy dễ chịu, ít bị bệnh tật, bởi do thời tiết khi hậu nóng ẩm gây ra. Với những ưu điểm của loại hình cư trú mới này, dần dần về sau, con người đã biết sáng tạo ra loại hình nhà sàn to và rộng hơn; đáp ứng được không gian cư trú của nhiều thành viên trong gia đình. Loại hình nhà ở này, không chỉ phù hợp với điều kiện khí hậu nóng ẩm mà còn phù hợp cả với những địa hình phức tạp, khí hậu khác

nghiệt; đó là vùng trung du, đồi núi cao.

Điều kiện tự nhiên - môi trường sinh thái nơi con người sinh sống, có tác động và ảnh hưởng không nhỏ đến việc lựa chọn loại hình nhà ở của mỗi tộc người. Điều kiện tự nhiên bao gồm: vị trí địa lý, đất đai, khí hậu, sông ngòi, độ ẩm, nhiệt độ... là những yếu tố thường xuyên tác động đến nhà ở. Tuy nhiên, không phải do điều kiện tự nhiên mà con người buộc phải làm theo kiểu loại hình nhà ở nhất định nào đó, con người vẫn có thể lựa chọn loại hình nhà ở riêng theo ý muốn của con người. Trong quá trình xây dựng, sinh sống, con người đã biết lợi dụng, thích ứng, cải tạo tự nhiên, lựa chọn loại hình nhà ở phù hợp để phục vụ cho mục đích sinh tồn.

Đối với những tộc người xây dựng ở khu vực địa hình núi cao, mùa đông khí hậu lạnh và giá buốt. Để thích ứng với điều kiện khắc nghiệt của thiên nhiên, con người đã biết sáng tạo ra loại hình nhà ở trình tường bằng đất, nó vừa ấm áp về mùa đông vừa mát mẻ về mùa hè và hơn nữa nó lại chống được thú dữ, không gây nguy hại đến con người.

Ngược lại, với các vùng có khí hậu nóng ẩm thì phải xây dựng loại nhà thông thoáng, mát mẻ. Những khu vực có địa hình đồi núi dốc và khí hậu ẩm thấp thì không thuận lợi cho việc dựng nhà trệt (nhà nền đất). Để thích ứng với điều kiện tự nhiên và môi trường sinh sống xung quanh, người xưa đã biết dựng nhà sàn để ở. Nhà sàn có độ cao vừa cao ráo, thoáng mát, vừa tránh được ẩm thấp do khí hậu nóng ẩm tạo nên. Nhà cửa thích ứng với điều kiện địa lý – khí hậu là một yếu tố có tính phổ quát chứ không phải yếu tố mang tính tộc người hay dân tộc [20. Tr. 1].

Nhà ở không chỉ có mối quan hệ với điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái nơi con người sinh sống mà qua loại hình nhà ở chúng ta sẽ thấy được lối sống, nét sinh hoạt văn hóa đặc trưng của từng cộng đồng, tộc người. Trong tác phẩm *Nhập môn nghiên cứu cư trú nhà sàn ở Đông Nam Á*, tác giả Nguyễn Văn Huyền có lí giải nguyên nhân tồn tại nhà sàn trong mối quan hệ với lối sống của dân cư: “*Những cư dân sống ở trong rừng họ thường xuyên*



trong tư thế phòng vệ, chống các thú dữ, hoang thú và chống cả với con người – những người láng giềng của họ. Họ thường ở những ngôi nhà sàn rất cao, cao đến 5 thậm chí đến 10 m. Ở độ cao như vậy, họ có thể chống thú dữ, canh chừng, ngăn chặn kẻ thù tấn công, để bảo toàn cho phụ nữ và trẻ con lánh nạn” [12. Tr.414]. Chủ nhân của ngôi nhà sàn là những cọt dân di cọt hoặc bán di cọt nên họ làm nhà sàn để không mất nhiều thời gian cho việc khai thác đất hoang làm nhà để rồi sau vài 3 năm họ lại bỏ đất mà dời đi nơi khác ở. Ở nhà sàn vừa tiết kiệm được đất đai và không sợ mưa lũ chảy, ngấm vào nhà vừa tận dụng được không gian bên dưới gầm sàn để nuôi nhốt trâu, bò, lợn gà và cất giữ các dụng cụ nông nghiệp.

## 2.2. Quan niệm và phân loại nhà ở của người Thái đen ở xã Bình Sơn

Trong cuốn *Nhà ở cổ truyền các dân tộc ở Việt Nam*, tác giả Nguyễn Khắc Tụng đã phân loại nhà ở của các dân tộc ở Việt Nam gồm có 3 loại hình phổ biến: nhà sàn, nhà nửa sàn nửa đất và nhà đất hay còn gọi là nhà trệt [40, tr. 15]. Nhà sàn là loại hình cọt trú khá phổ biến của các tộc người Tày, Thái, Nùng, Mông và các dân tộc ở khu vực Trường Sơn- Tây nguyên. Nhà nửa sàn nửa đất là loại hình cọt trú điển hình của các nhóm Dao (Dao Hợ, Dao Đỏ, Dao Tuyển). Nhà trệt là loại hình nhà ở nền nhà đất, xung quanh tường chất vách bùn hoặc xây bằng gạch và nó tương đối phổ biến với người Việt ở miền Bắc, miền Trung và một số tộc người thiểu số khác (người H’mông, Hà Nhì, Ngái...).

Trong các loại hình nhà ở thì nhà sàn là loại hình nhà ở phổ biến không chỉ ở Việt Nam mà còn là hình thức phổ biến ở khu vực Đông Nam Á. Đối với người Thái nói chung và người Thái Đen ở Thanh Hóa nói riêng, loại hình nhà ở truyền thống của họ là nhà sàn. *Vậy người Thái ở xã Bình Sơn quan niệm thế nào về nhà ở? Và nhà sàn ở đây có những loại hình phổ biến nào?*

Với người Thái Đen ở xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn, ngôi nhà không chỉ là nơi che nắng, che mưa mà nó còn là nơi sinh hoạt của các thành viên trong gia đình; nơi diễn ra các nghi lễ quan trọng gắn với cuộc đời con người: sinh đẻ, tang ma, cọt hỏi. Bà Lò Thị Mẫn chia sẻ: “Với tôi ngôi nhà không



*chỉ là nơi để ở, tránh nắng, che mưa mà nó gắn với những kỉ niệm của tôi và các thành viên trong gia đình. Đối với tộc người Thái, ngôi nhà có vị trí, vai trò rất quan trọng. Nơi đây có “ma nhà” luôn luôn phù hộ độ trì che chở cho các thành viên trong gia đình được khỏe mạnh. Do vậy, ngôi nhà không chỉ là nơi để ở mà còn gắn liền đến đời sống tinh thần, tín ngưỡng, phong tục tập quán của gia đình” (Lò Thị Mẫn, 64 tuổi, thôn Bồn Dồn, pv, 15/10/2015).*

Cùng với những suy nghĩ nhợt thê, ông Hà Văn Trung tâm sự: “Ngôi nhà vốn là vật vô tri vô giác, nhưng trong quá trình sinh sống, người Thái đã gắn ngôi nhà với các nghi lễ, tín ngưỡng, tôn giáo và từ đó đề ra những quy tắc ứng xử, sinh hoạt kiêng kị trong quá trình sinh sống dưới mái nhà. Đặc biệt, là những kiêng kị gắn với cột “ma nhà” với thần bếp. Những kiêng kị trong mối quan hệ ứng xử của các thành viên trong gia đình, giữa bố chồng và nàng dâu, giữa em chồng và chị dâu. Ngôi nhà không chỉ có vai trò khá quan trọng trong đời sống văn hóa của tộc người mà còn diễn ra các nghi lễ gắn liền với quy luật: sinh, lão bệnh, tử của con người” (Hà Văn Trung, 62 tuổi, thôn Cây Xe, pv ngày 20/10/2015).

Ở làng Thoi, Bồn Dồn, Cây Xe trước đây, nhà sàn là loại hình nhà ở truyền thống của người Thái đen. Về phân loại, người Thái Đen ở xã Bình Sơn có 2 loại hình là nhà sàn cột chôn và nhà sàn cột kê. Loại hình nhà sàn đầu tiên của người Thái là nhà sàn cột chôn, với lối kiến trúc 3 hoặc 5 gian, có

2 cầu thang lên xuống; trong đó, cầu thang chính đặt ở phía đầu hồi phía trước và cầu thang phụ đặt ở phía hồi sau. Cầu thang chính đặt ở phía trước dùng làm cầu thang lên của các thành viên trong gia đình và khách. Bậc cầu thang chính hay phụ đều luôn làm theo số lẻ: 5, 7, 9, 10 hoặc 11 bậc. Cầu thang chính được làm bằng loại gỗ tốt (táu, lát hoa, chua khét), thòong dài và rộng hơn cầu thang phụ. Cầu thang chính làm bằng gỗ với 2 thanh đà dài chừng 1,8m- 2,5m, sau đó đục lỗ để lắp ghép các tấm gỗ làm thanh ngang, mỗi thanh cách nhau chừng 20cm. Trái lại, với cầu thang phụ thòong được làm bằng tre, đặt ở phía đầu hồi phía sau nhà và liền kề với bếp đun để tiện cho việc lên



xuống lấy củi đun, nước sinh hoạt ở dưới gầm sàn mang lên trên sàn nhà ở gian bếp đun.

Nhà sàn của người Thái được chia làm 2 không gian chính: trên sàn và dưới gầm sàn nhà. Không gian dưới gầm sàn trước đây thường dùng để nhốt trâu bò, lợn, gà, vịt hoặc để chất đốt hay các dụng cụ nông nghiệp (cày, bừa, cuốc, xẻng...). Không gian trên sàn nhà là nơi sinh hoạt của các thành viên trong gia đình. Phía trên mặt sàn được chia thành các gian khác nhau, mỗi một gian có tên gọi, mục đích và chức năng sử dụng khác nhau, ví dụ gian khách là gian tiếp giáp với cầu thang chính làm nơi tiếp đón khách và nơi ngủ của con trai trong gia đình hay khách đến chơi nhà và cũng là nơi thờ ma tổ tiên; gian bên trong là nơi ngủ của con trai hoặc con gái; gian phía trong cùng là gian ngủ của vợ chồng chủ nhà và cũng là nơi cất giữ tài sản quý và phần trái phía cuối đầu hồi của ngôi nhà nơi có cầu thang phụ lên xuống là nơi đặt bếp đun nấu của gia đình.

Vào khoảng năm 1986 trở đi, khu vực xã Bình Sơn xuất hiện loại hình nhà sàn cột kê. Về mặt kiến trúc, thì nhà sàn cột chôn và nhà sàn cột kê khác nhau nhiều. Nhà sàn cột chôn, thì các cây cột được chôn sâu dưới đất, từ khoảng 0,8m -1m, gỗ làm nhà thường làm bằng gỗ tròn, vách thông bằng phen nửa . Khác với nhà sàn cột chôn, nhà sàn cột kê các cây cột nhà được đặt trên các tảng đá hoặc bê xi măng cao chừng 20-25cm, gỗ thông sử dụng gỗ thành khí, vách thông được thông bằng ván gỗ.

## **2.3. Quy trình làm nhà**

### **2.3.1. Chuẩn bị vật liệu**

Công việc trước tiên của việc làm nhà là chuẩn bị vật liệu. Vật liệu để dựng nhà sàn gồm có: gỗ, tre, nứa, song mây, lá cọ. Dựng nhà sàn phải chuẩn bị rất nhiều gỗ cho toàn bộ khung của ngôi nhà. Để có một ngôi nhà khang trang, to đẹp, người ta phải chuẩn bị gỗ từ 2 đến 3 năm trước. Xưa, người Thái Đen cư trú ở gần khu vực rừng nguyên sinh, nên việc vào rừng khai thác gỗ làm nhà rất thuận lợi. Một bậc cao niên trong làng cho biết: “*Vào khoảng*



*những năm 1990 trở về trước, ở làng Thoi, khu vực người Thái cư trú rừng còn rậm rạp, trong rừng có rất nhiều loại gỗ to, quý hiếm, vào rừng là có thể dễ dàng tìm được gỗ và các vật liệu phụ để cất một ngôi nhà” (Hà Văn Lốt, 78 tuổi, thôn Thoi, pv ngày 31/10/2015).*

Trong quá trình khai thác gỗ làm nhà, người Thái Đen kiêng chặt những cây gỗ sau: cây cụt ngọn, cây bị sét đánh, cây dây leo, cay hai chạc... Họ quan niệm: *“Những cây bị sét đánh, cụt ngọn là những cây thiên đình đã chọn và ông trời sẽ dùng nên người dân không được chặt những cây gỗ này dù nó có đẹp, thẳng, tốt... đến mấy cũng không được hạ đốn. Nếu hạ đốn những cây gỗ này về dựng nhà thì sẽ gặp nhiều điều không hay, con cái hay ốm đau bệnh tật, thậm chí là chết đột tử; chăn nuôi không phát triển...”* (Hà Văn Lốt, 78 tuổi, thôn Thoi, pv ngày 31/10/2015).

Người Thái thường làm nhà bằng gỗ lim, đôi, nghiến, chua khét..., vì những loại gỗ này thường cứng, ít bị nứt và không bị mối mọt. Gỗ làm nhà phải chọn cây gỗ thẳng, thân gỗ cứng, có độ tuổi vài chục năm, lá xanh tốt. Gỗ chọn làm nhà quan trọng nhất là cây cột cái (cột trụ). Cây cột cái phải chọn những cây gỗ to, thẳng, cứng, cành lá xum xê; không chặt cây cụt ngọn, cây có dây leo quấn, cây có tổ kiến đen, chim quạ làm tổ... Chọn gỗ làm nhà là công việc mất khá nhiều thời gian, đôi khi phải vào rừng sâu mới chọn được những cây gỗ ưng ý. Người Thái có câu ví *“Gỗ đầy rừng, nhưng chỉ có ít loại để chọn làm nhà, người đầy Mường, nhưng chỉ ít người mới giỏi giang”* (Hà Văn Tạo, 68 tuổi, thôn Thoi, pv ngày 31/10/2015).

Theo kinh nghiệm của đồng bào, chặt gỗ làm nhà thường chặt vào giữa tháng Giêng đến tháng Sáu âm lịch, vì thời gian này chặt gỗ thường không bị mối mọt. Sau khi chặt hạ, người ta dùng rìu đẽo phần vỏ và giác phía ngoài, chỉ giữ phần lõi bên trong, sau đó kéo gỗ về nhà. Gỗ dùng làm nhà gồm: cột, dầm ngang, dầm dọc, kèo, đòn nóc...; tất cả đều phải chuẩn bị trước, sau đó mới đến các loại vật liệu phụ, nhọ luồng, nứa, dây mây, tranh lợp... Luồng hoặc tre dùng làm đòn tay hoặc bỏ đôi đập dập để dát sàn nhà; nứa dùng để



làm rui, bồ banh, róc mắt dùng thọng phen vách xung quanh nhà... Theo kinh nghiệm dân gian, người Thái Đen kiêng chặt luồng, nứa vào mùa măng mọc, vì chặt vào mùa này sẽ bị mối mọt và độ bền không cao. Để tăng độ bền của vật liệu, họ thọng ngâm luồng, tre, nứa dưới bùn ao hoặc ngâm dưới nước suối khoảng 6 tháng đến 1 năm rồi vót lên lau sạch để làm nhà.

Mái nhà sàn của đồng bào Thái Đen thọng lợp bằng lá cọ hoặc cỏ tranh (gianh) hay lá song mây thu hái trong rừng. Ông Hà Văn Lốt cho biết: *“Lá cây song mây có gai nhỏ. Lá song lấy ở trong rừng, phơi khô rồi dùng hom nứa để đánh thành từng tấm để lợp. Tranh song mây rất dai, nên có độ bền lớn, khoảng 5-7 năm mới phải lợp lại. Nếu lợp nhà bằng lá cọ hay cỏ tranh thường chỉ được 3-4 năm là phải đảo lại mái nhà, nếu không trời mưa sẽ bị dột”* (Hà Văn Tạo, 68 tuổi, thôn Thoi, pv 31/10/2015). Hiện nay, lá cây song, cây mây trong rừng rất khan hiếm, nên người dân chủ yếu chuyển sang sử dụng lá cọ và cỏ tranh để lợp nhà. Trước đây, cỏ tranh mọc hoang rất nhiều, đồng bào lên núi cắt cỏ tranh phơi khô rồi mang về đánh tranh, lợp nhà. Sau này, khi nhà nước có chính sách giao đất, giao rừng, khai hoang phục hóa để phủ xanh đất trống đồi núi trọc, dần dần số diện tích cỏ tranh mọc hoang dại đã bị đốt bỏ để trồng cây lâm nghiệp, cây công nghiệp, nên diện tích cỏ tranh ngày càng thu hẹp theo từng năm. Sau này, người Thái Đen thọng lợp nhà bằng lá cọ, nó có ưu điểm là lợp nhanh, dễ kiếm nhưng độ bền lại không cao, thọng chỉ dùng được từ 3- 5 năm thì đã phải lợp lại mái nhà.

Người Thái Đen thọng dùng lạt mây, tre, giang để buộc rui, mè, đòn tay, tấm tranh. Các loại dây buộc chủ yếu là dây song, dây mây và lạt giang. Khác với gỗ, tre, nứa, lá cọ, song, cỏ tranh, khi làm nhà đều phải chuẩn bị trước, còn dây lạt thì chỉ cần chế trước khi lợp nhà chừng vài ngày là được.

### **2.3.2. Kỹ thuật dựng nhà**

Nhà sàn của người Thái có hai loại hình phổ biến: nhà sàn cột chôn và nhà sàn cột kê. Mỗi một loại hình lại có kỹ thuật cất dựng khác nhau.



- *Đối với nhà sàn cột chôn*: cột nhà chủ yếu sử dụng gỗ tròn, chôn xuống đất khoảng 80cm -1,2m, chủ yếu dùng gỗ tự nhiên và có sử dụng kỹ thuật đục nhộng không phổ biến. Kỹ thuật bào nhẵn cột, xà, kèo choja được sử dụng nhiều với loại hình nhà cột chôn.

Đối với ngôi nhà sàn cột chôn truyền thống, đơn vị đo lường chủ yếu dùng khuỷu tay, hoặc sải tay. Chiều cao của cột nhà, khung nhà thường được tính bằng cánh tay hoặc cùi tay. Việc lấy thẳng bằng, người ta sử dụng một cây nứa bỏ đôi bắc qua hai đầu hàng cột, sau đó đổ nước vào đóng nứa ở giữa để biết bên nào cao, bên nào thấp để chỉnh cột.

Công cụ làm nhà phổ biến là chiếc rìu. Rìu dùng để đốn, đẽo những cây gỗ lớn, nhọc cột nhà, dầm xà... Với loại hình nhà sàn cột chôn người ta thường dùng thuổng để đào hố chôn cột.

Bên cạnh đó, người Thái còn sử dụng dao, liềm những công cụ được sử dụng nhiều trong đời sống hàng ngày vào việc khai thác các vật liệu làm nhà. Người Thái đen thường dùng dao để chặt tre, nứa, luồng, song mây, và dùng dao để trẻ lạt, trẻ nứa đan phên; dùng dao bỏ đôi cây luồng để làm đất sàn nhà...Ngoài ra, người Thái còn dùng liềm vào cắt cỏ tranh, lá cây song, mây và xén chân mái tranh nhà cho bằng.

- *Đối với nhà sàn cột kê*: Cột nhà đã có xu hướng chuyển từ gỗ tròn sang gỗ thành khí (cột vuông). đã có xu hướng chuyển từ gỗ tròn sang gỗ thành khí (cột vuông). Khi chuyển sang loại hình nhà sàn cột kê, một số kỹ thuật đã được áp dụng, các cột, xà, kèo đã được bào nhẵn.

Công cụ sử dụng trong làm nhà cột kê có phần đa dạng và chuyên môn hóa hơn nhà sàn cột chôn. Bên cạnh, chiếc rìu quen thuộc thì những người thợ còn sử dụng thêm nhiều công cụ khác như, cưa, đục, chày, bào với những chức năng và mục đích sử dụng khác nhau.

Cựa: dùng để cắt cây làm cột, làm xà và cắt các khúc gỗ với kích cỡ khác nhau cho độ chính xác và kỹ thuật cao. Cựa có hai loại: cựa xẻ có hai ngọìi kéo dùng để xẻ những khúc gỗ lớn làm cột, làm xà ngang hay ván sàn

nhà, vách tolong, ván cửa; cựa tay một ngọìi kéo dùm cắt đầu gỗ và những khúc gỗ nhỏ, ngắn.

Đục và chàng dùm để đục các ngàm, mộng. Bào dùm để bào trơn phía ngoài của cây gỗ, xà ngang, xà dọc sao cho mặt gỗ phẳng và nhẵn.

Để cuốc đất, đào, san lấp mặt bằng cho việc dựng nhà, trước đây, ngọìi Thái đen ở xã Bình Sơn thường dùng cuốc chim, xẻng, xà peng để đào đất, sau đó dùng tám ván gỗ làm bàn trang hay chiếc vét (lọìi bằng sắt) để san gạt đất cho phẳng rồi dùng đầm sắt hoặc đầm làm từ thân một cây gỗ có đường kính 40-59cm, cao chừng 80cm, rồi dùng đinh khuy mấu vào một đầu gỗ, sau đó dùng đòn luân vào khuy để hai ngọìi cùng nâng khúc gỗ để đầm đất cho nền nhà chắc mịn. Ngày nay, đồng bào thuê máy xúc, máy ủi để san lấp đất, tuy có tốn kém về kinh tế nhưng giảm được sức lao động và thời gian nhanh hơn cho việc hoàn thiện ngôi nhà.

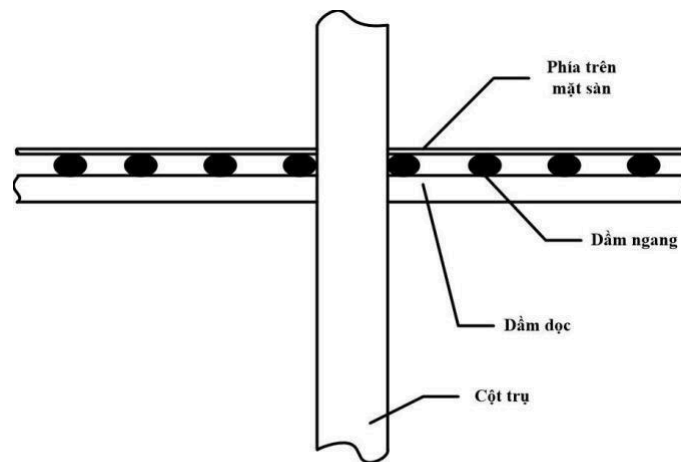
### **2.3.3. Quy trình dựng nhà**

- *Đối với nhà sàn cột chôn*: Ngọìi Thái có tập quán dựng cột “ma nhà” (*xau phi huon*) đầu tiên, tiếp đến là cột hồn (*xau vãn*) và thứ ba là cột bếp (*xau tau phi*). Các cột sau cùng được dựng theo thứ tự từ trái qua phải. Cột “ma nhà” là một trong những cây cột quan trọng nhất trong ngôi nhà của ngọìi Thái. Đồng bào quan niệm: “*Cột ma nhà là cây cột quan trọng của ngôi nhà vì là nơi để đặt thờ tổ tiên, đây là linh hồn, điểm tựa của gia chủ. Những nghi lễ quan trọng liên quan đến những công việc trọng đại của gia đình như: tang ma, cưới xin, sinh nở đều tiến hành làm nghi lễ ở khu vực này*”(bà Lò Thị Sinh, 68 tuổi, thôn Bồn Dồn, Pv 28/10/2015).

Số lượng cột nhiều ít tương ứng với số gian của ngôi nhà. Đối với nhà sàn 3 gian có 6 cột chính và mỗi gian còn có thêm 2 cột phụ. Các hố chôn cột được đào sâu trung bình từ 0,8m đến 1m. Sau khi cố định các vị trí chân cột, ngọìi ta gá các cây dầm dọc và dầm ngang. Tiếp theo, nhóm thợ sẽ gá các cây quá giang lên đỉnh 2 cột theo chiều ngang, rồi bắc các vì kèo vào vị trí các cặp cột. Để điều chỉnh độ cao thấp giữa các cặp cột, ngọìi ta dùng một cây



nửa gác lên đỉnh 2 cột theo chiều ngang, tại vị trí chính giữa của cây nửa đợc bỏ một nửa của gióng phía trên rồi đổ nước vào. Căn cứ vào mực nước bằng hay nghiêng về phái bên nào để làm cơ sở nâng hay hạ bên cột nào cho cân bằng nhau. Cũng có nơi, người ta chôn 4 chiếc cọc cao chừng 2- 3m tại 4 góc của 4 cột, rồi chằng dây để lấy độ thẳng bằng thấp cao của sàn nhà. Cuối cùng là khâu buộc các thanh đòn tay, đòn nóc, trải các cây nửa làm rui và đợc cố định bằng các thanh luồng theo chiều dọc mái, nối ghép các bộ phận lại với nhau tạo thành bộ khung nhà. Sau khi dựng xong khung nhà người ta tiến hành bắc cầu thang và đợa các cây luồng lên trên dầm ngang (mỗi cây cách nhau khoảng 30- 40cm), tạo mặt sàn rồi trải lớp đất sàn bằng luồng bỏ banh, thong vách rồi sau cùng là lợp mái nhà.

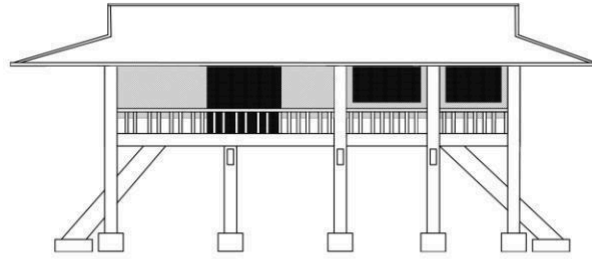


Kết cấu sàn nhà của người Thái ở Thanh Hóa

- *Đối với loại hình cột kê*: người ta dựng nhà theo vì kèo. Đầu tiên, người ta dựng vì có cột “ma nhà”, dựng tiếp theo là vì cột hồn trước, sau đó mới dựng các vì tiếp theo. Giữa các vì cột đợc cố định bằng các xà ngang dưới và xà ngang trên, sau đó lắp các thanh xà dọc, trải lớp đất sàn bằng luồng bỏ banh hay bằng gỗ ván. Tiếp theo, lắp đòn tay, đòn nóc, đóng chốt rui, mè, bắc cầu thang rồi lợp mái nhà. Vách thong có thể bằng phen nửa hoặc thong bằng ván gỗ. Toàn bộ khung nhà của người Thái Đen ở xã Bình Sơn đợc liên kết bởi hệ thống dầm, xà theo chiều dọc và chiều ngang lớp dưới và lớp trên của các vì kèo và hàng cột theo chiều dọc; lớp rui, mè... với kỹ thuật

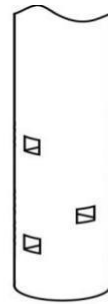


lắp mộng chốt hay mộng thắt của các tốp thợ ngời Việt ở miền xuôi. Nhà ở của ngời Thái đen thường làm từ 3 đến 5 gian. Mỗi vì kèo được lắp cố định vào cột chính và cột phụ (cột hiên).



Nhà sàn cột kê của người Thái ở Thanh Hóa

Cột nhà (*Xấu hươn*) là một thân gỗ tròn, đường kính khoảng từ 30 - 40 cm (hoặc to hơn), dài 4- 6 m. Đầu cột có đẽo một chốt tròn (*Hũa xấu*) để khi lắp với xà và kèo thì khớp vào với lỗ mộng ở đầu xà và ở kèo. Cột nhà được lấy từ lõi gỗ (*Kò mạy*) hoặc lõi các cây gỗ khác mà mỗi một không xông đục phá huỷ được. Mỗi vì kèo có 2 cột chính và khung trụ đỡ. Khung trụ có tác dụng đỡ dầm ngang, cùng với dầm ngang tạo thành giá đỡ mái vững chắc.

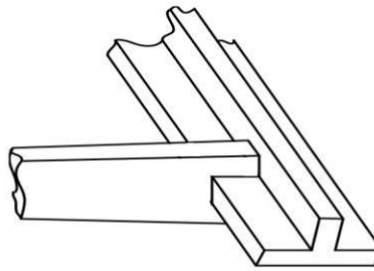


Cột nhà truyền thống (gỗ tròn)

Đối với nhà cột chôn, quá giang (*Kò khừ*) là một cây gỗ tròn dài khoảng 5- 6m, được đẽo bỏ một lớp giác mỏng bên ngoài, hai đầu xà được đục lỗ để lắp vào chốt cột. Kèo nhà (*Kéo hươn*) là hai cây gỗ tròn được bắt chéo nhau theo hình chữ “V” ngược, Phía đuôi mỗi cây được bỏ một lỗ, khi úp kèo lên xà ngang, lỗ ấy khớp với chốt cột còn lại nhô lên qua xà. Dầm ngang đỡ sàn (*nghím*) cũng là cây gỗ tròn, bắc gá vào vị trí 2 hàng cột theo chiều ngang trên 2 thanh xà/dầm dọc, có tác dụng nâng đỡ lớp sàn.



Đối với nhà cột kê, bộ khung nhà ngòi Thái được liên kết với nhau bằng kỹ thuật ghép mộng



Kỹ thuật ghép mộng

Các bộ phận của vì kèo đối xứng nhau qua đường thẳng đi qua giao điểm của kèo (*nóc*) và vuông góc với mặt đất. Sau khi dựng khung nhà, họ làm toòng vách cho ngôi nhà. Toòng vách (*phà hươn*), ngòi Thái Đen thường dùng cây nửa bở đôi, róc mắt, đan lóng đôi rồi thong thành vách. Đối với những gia đình khá giả trong bản, họ thường lát sàn và thong vách bằng ván gỗ.

Ngòi Thái thường lắp các đòn tay theo chiều dọc của mái nhà, sao cho đầu gốc của đòn tay luôn quay về phía đầu hồi trước- nơi có cầu thang lên xuống, ngọn đòn tay thì quay về phía đầu hồi bên trong (cầu thang phụ). Theo quan niệm của ngòi Thái, số lượng đòn tay của mỗi ngôi nhà nhất thiết phải là số lẻ. Ông Hà Văn Long cho biết: “*Trên mái nhà số lượng rui mè khá lớn, nhưng người ta cũng chọn sao cho số lượng rui mè trên mái nhà phải là số lẻ. Thông thường, đối với loại nhà sàn 3 gian thì số lượng rui trên một mái thường lấy là 21, 23, 25, 27; tuyệt đối không làm số chẵn. Đây là những kiêng kỵ có từ lâu đời, ông cha để lại, đến thế hệ của chúng tôi vẫn tiếp tục duy trì nó*” (Hà Văn Long, 55 tuổi, thôn Cây Xe, pv, ngày 24/9/2015).

Nhà của ngòi Thái có 4 mái (2 mái chính, 2 mái phụ ở hai đầu hồi). Mái chính có hình chữ nhật, chạy dọc theo chiều dài của ngôi nhà, 2 mái giao nhau tạo thành đỉnh nóc. Mái phụ có hình thang cân, che giữa hai đầu hồi nhà và hợp với hai mái chính thành toàn bộ mái nhà, có tác dụng che chắn phía đầu hồi khỏi bị mưa nắng hắt vào sàn.



### 2.3. 4. Bố trí mặt bằng sinh hoạt

Ngôi nhà sàn của người Thái gồm 3 không gian chính: gầm sàn, không gian mặt sàn và sàn gác.

*Gầm sàn*: là không gian mặt nền đất ở dưới gầm sàn nhà, cách gầm sàn nhà khoảng từ 1,5 – 2m. Trước đây, người Thái đen ở xã Bình Sơn thường rào kín khu vực xung quanh nền gầm sàn để chăn nuôi gia súc, gia cầm; chất củi đun và để nông cụ (cày, bừa, cuốc, xẻng...). Sau này, do vấn đề vệ sinh, cũng như vấn đề sức khỏe, Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn đã vận động người dân xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc tách ra khỏi không gian nhà ở, nên gầm sàn nhà chủ yếu được sử dụng làm nơi cất trữ củi đốt và để nông cụ của gia đình.

*Không gian mặt sàn*: là khoảng diện tích sinh hoạt của các thành viên trong gia đình. Không gian sàn nhà được phân làm các gian, mỗi gian có chức năng sử dụng khác nhau. Thông thường, nhà sàn của người Thái đen có từ 3 đến 5 gian, những gia đình khá giả thường dựng những ngôi nhà to rộng tới 5 gian, còn đa số người Thái trong thôn/bản chỉ dựng nhà 3 gian. Mỗi gian có tên gọi riêng và có chức năng sử dụng khác nhau.

Nếu hộ gia đình dựng nhà sàn 5 gian thì tính theo chiều ngang của ngôi nhà, gian đầu tiên mặt trước, nơi bắc cầu thang chính gọi là *hoong coi*. Đây là không gian dùng chân cho khách trước khi vào nhà; nơi các thành viên trong nhà ngồi chơi, đan lát vào mùa hè.

Gian thứ hai gọi là *hoong luông* hay *hoong hoóng*. Gian này thường dài hơn và diện tích lớn hơn các gian khác. Đây cũng gian để bố trí nơi thờ hoặc bàn thờ ma nhà. Nơi thờ tổ tiên làm khá đơn giản, chỉ có một quây liếp nửa thành một góc sát chân cột ma nhà, 1 ống nửa buộc hay cắm sát cột, trên miệng ống nửa cắm vài thẻ hơong hoặc làm một cái bàn thờ đan bằng phen nửa rồi dùng dây buộc lên trên các đòn tay của mái nhà và trên tấm phen có đặt bát hơong để thờ ma nhà. Các nghi lễ liên quan đến tang ma, cưới xin hay những nghi lễ tín ngưỡng, tôn giáo đều được tổ chức ở gian này.



Gian thứ 3 gọi là *hoồng văn* vì có cột hồn -*xau văn* hay còn được gọi là *hoồng xuôm* vì phía trên là vị trí các buồng ngủ (*xuôm non*).

Gian thứ 4 gọi là *hoồng tau phi*. Đây là gian đặt bếp nấu và các đồ gia dụng. Gian thứ năm, là gian phụ, gọi là *hoồng mé*, nó được nối liền ra khoảng không của sàn phơi. Đây là gian thuộc phạm vi sinh hoạt của phụ nữ, nơi đặt ống nước và các đồ gia dụng trong nhà và cũng là nơi đặt chạn bếp. Từ gian thứ năm trở lên (nếu có) thì không có tên gọi riêng nữa.

Nếu xem xét dưới góc độ chức năng xã hội, thì không gian sinh hoạt mặt sàn trong nhà của người Thái đen được chia làm 4 phần (trong, ngoài, trên, dưới). Lấy cột “hồn nhà” làm trung tâm, ta có: từ gian thứ 3 trở vào gọi là phía trong (*tang cuông*), từ gian thứ 3 trở ra gọi là phía ngoài (*tang noóc*). Cũng như thế, lấy cây đòn nóc làm tâm, đóng xuống mặt sàn, ta sẽ có từ tâm hất lên phía đầu ngủ gọi là phần phía trên (*tàng nua*); đối diện với phía trên gọi là phần phía dưới (*tang tó*). Việc phân chia không gian như vậy có ý nghĩa xã hội nhất định, gắn với những quy định, quy tắc ứng xử của cộng đồng tộc người đối với không gian sinh hoạt chung của gia đình. Không gian ở phía bên ngoài, không gian phía trên thường là khu vực dành cho nam giới, khách nam (ngồi chơi, ngồi ăn) trong gia đình hay khi có việc hệ trọng: cưới xin, làm vía...; không gian bên trong và phía dưới thường là khu vực dành cho phụ nữ, trẻ em nói chung.

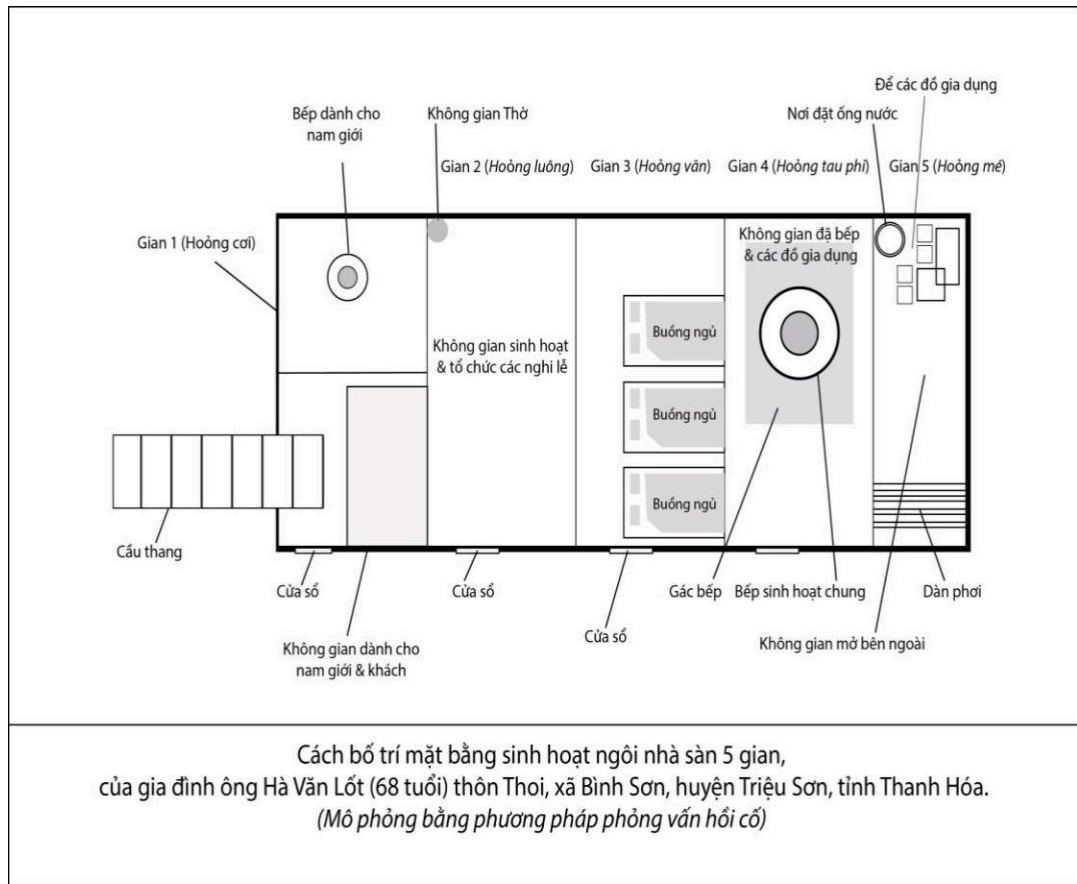
Bếp nấu (*tau phi*) là một bộ phận rất quan trọng trong ngôi nhà ở của người Thái Đen. Bếp không chỉ là nơi nấu ăn và nơi sưởi ấm mà còn gắn liền với vị thần bếp, che chở, phù hộ cho gia đình được quanh năm ấm no, hạnh phúc. Vị trí đặt bếp tùy thuộc vào số gian nhà của chủ nhà. Đối với những gia đình có nhà 5 gian thì người ta thường làm hai bếp đun ở trên sàn nhà, gọi là bếp chính và bếp phụ. Bếp phụ đặt ở gian ngoài, gần cầu thang lên xuống, dùng cho đàn ông trong gia đình nấu nước chè xanh, sưởi ấm hay khách đến nhà ngồi quanh bếp lửa uống nước, hút thuốc lào, nói chuyện... Bếp chính được đặt ở gian giữa làm nơi nấu ăn và sinh hoạt chung của gia đình. Khung



bếp được lát bằng một lớp phen thân cây bọng đập dập hoặc làm bằng cật tre, sau đó đổ đất cho đầy ngang khung gỗ và lèn cho thật chặt rồi đặt kiềng bếp hoặc ba ông đầu rau lên. Sau đó, gia chủ lấy một hòn đá chôn ở ngay cạnh bên đụn, gọi là thần bếp. Trong quá trình nấu nướng, người ta kiêng không di chuyển thần bếp ra khỏi vị trí; không dẫm hay để các vật khác lên bếp kiềng; khi nấu cơm kiêng không được gõ lên kiềng bếp và đặt quai nồi chạy dọc theo hướng đụn tay và tuyệt đối không được đặt quai nồi theo hướng chiều ngang của mái nhà.

Phía trên bếp lửa, người Thái Đen thường làm gác bếp (*xá*). Gác bếp thường để sấy lúa qua đêm trước khi mang xuống đem giã gạo vào buổi sáng sớm. Trên gác bếp này, người ta còn làm thêm một gác bếp phụ nữa treo phía trên gác bếp chính, gọi là *xá hạnh*. Người ta thường để các vật dụng lạt nứa, mây tre hay các loại đồ đan (rổ, rá, dlan, sàng) để chống mối mọt và tăng độ bền cho sản phẩm. Ngoài 2 gác bếp này, trong nhà người Thái còn có 1 sàn gác nữa, nó được gác trên 2 cây quá giang/2 thanh xà ngang gọi là *thán*. Người ta bắc rải các cây xà gỗ bằng gỗ tròn hoặc gỗ xẻ vuông 10cmx10cm, cách nhau 20cm kín hết phần diện tích trên không của gian bếp. Tiếp đó, dùng nứa bẻ banh đan thành phen úp lên trên các cây xà gỗ. Đây là nơi dùng để cất giữ lúa, ngô quanh năm luôn được khô nỏ.





## 2.5. Các nghi lễ trong quá trình dựng nhà

Dựng nhà là một công việc hệ trọng trong 1 đời người của người Thái nói chung và người Thái Đen ở Bình Sơn nói riêng. Vì thế, trong quá trình làm nhà, người ta rất coi trọng việc thực hiện các nghi lễ, từ khâu chọn đất làm nhà, xem thế đất, chọn hướng làm nhà đến việc chọn ngày giờ để đào đất san nền nhà, dựng cột, lợp mái và làm lễ lên nhà mới.

### 2.5.1. Chọn đất và hướng nhà

Chọn đất làm nhà là một trong những khi lễ đầu tiên trong quá trình dựng nhà. Việc chọn đất và hướng nhà, người Thái Đen đều mời thầy mo và người già có uy tín trong làng chọn giúp. Trước khi dựng, gia chủ mời thầy mo đến để cúng chọn đất làm nhà. Lễ vật dâng cúng gồm xôi, gà, trầu cau, rượu và nước chè xanh. Lễ cúng được diễn ra ở ban thờ gia tiên và ban thờ thần thổ địa ở một chiếc chòi khung bằng nứa, mái lợp lá cọ dựng ở ngay gần

cổng bên phải ra vào. Mỗi khi nhà có việc đại sự hay ngày lễ tết thì chủ nhà đều thấp hơng khẩn cầu đến thần linh, thổ địa cho phép gia đình đợc làm

nhà mới để ở và cầu xin thần linh phù hộ cho gia đình làm nhà được thuận lợi. Sau khi thực hiện nghi lễ cúng thần đất xong, họ dùng con dao mũi nhọn cắm xuống đất khoảng 20 cm, nếu đất không bám vào dao là nơi đất khô cần làm nhà ở thì sẽ không được mát mẻ, làm ăn không được thuận lợi. Nếu đất có màu vàng mà bám vào lưỡi dao thì mảnh đất đó thuộc loại đất lạnh, làm nhà ở sẽ tốt, làm ăn thuận lợi, sinh con đẻ cái, chăn nuôi phát đạt.

Ngoài việc chọn đất bằng cách cắm dao nhọn trên, người Thái Đen ở xã Bình Sơn còn có cách bói lạt để tìm được mảnh đất tốt dựng nhà. Cách bói lạt được tiến hành như sau: *“Sau khi thầy cúng thực hiện nghi lễ xong, chủ nhà lấy 12 chiếc lạt, sắp lại cho đều, rồi xoắn lại ở giữa và buộc lại hai đầu. Sau đó, chủ nhà khấn tên tuổi, ý định dựng nhà và cầu mong thần đất mách bảo chọn được chỗ đất tốt để dựng nhà. Khấn xong, chủ nhà tung vòng lạt đó ra một mảnh đất nhất định, nếu gỡ thành 12 vòng riêng rẽ thì đó là mảnh đất đã được ma nhà ưng thuận, dựng nhà tốt. Còn nếu những vòng lạt ấy riu buộc lại với nhau thì mảnh đất ấy không tốt, nếu dựng nhà trên mảnh đất này thì làm ăn sẽ không phát triển, con người thường xuyên bị ốm đau, bệnh tật. Do vậy, họ phải chọn mảnh đất khác”* (Hà Văn Long, 55 tuổi, thôn Cây Xe, pv, ngày 24/9/2015).

Chọn hướng làm nhà: người Thái thường chọn hướng nhà sao cho phù hợp với cung mệnh của gia chủ. Người Thái Đen ở xã Bình Sơn sống trong vùng đệm giữa đồng bằng và miền núi nên hướng nhà thường lấy theo hướng núi, hướng cánh đồng và đường cái làm chuẩn. Tuy nhiên, việc lấy hướng nhà còn tùy thuộc vào thế đất của từng gia đình mà họ sẽ có phương thức lấy hướng nhà khác nhau.

Hướng nhà tốt nhất là hướng nam. Người Thái quan niệm, hướng nam là hướng mát mẻ, vạn vật sinh sôi phát triển. Người Thái Đen cũng có câu thành ngữ: *“Hướng nam không làm cũng có; hướng đông không chồng cũng vợ (vợ hoặc chồng không chung thủy); hướng bắc làm ăn khó khăn; hướng tây nóng làm ăn sinh sống không được mát mẻ”* (Hà Văn Long, 55 tuổi, thôn



Cây Xe, pv, ngày 24/9/2015). Cũng giống như người Việt, đa phần các ngôi nhà của người Thái đen đều làm nhà quay theo hướng nam, với quan niệm hướng nam là hướng tốt lành, làm nhà ở vợ chồng chung thủy, sinh con đẻ cái có cả nam lẫn nữ, làm ăn phát triển, còn người khỏe mạnh, vật nuôi sinh sôi...

Do vị thế địa lý của Việt Nam ở phía Bắc Bán cầu và gần biển, lại nằm trong vành đai khí hậu nhiệt đới gió mùa, nên trong bốn hướng đông-tây-nam-bắc chỉ có duy nhất là hướng chính Nam hoặc Đông Nam mang lại sinh khí vượng cho con người làm nhà ở hướng đó. Nếu mặt tiền của ngôi nhà mà mở về hướng Nam thì toàn bộ phần lưng của ngôi nhà sẽ quay về hướng Bắc. Với vị trí này, cửa trước của ngôi nhà sẽ mở ra để đón được gió mát từ hướng Đông Nam thổi vào mùa hè và lưng nhà sẽ là tấm lá chắn phòng chống gió lạnh Đông Bắc tràn xuống vào mùa đông. Hướng Nam cũng là hướng lý tưởng cho giải pháp chiếu ánh sáng của ngôi nhà. Ngôi nhà quay theo hướng Nam, buổi sáng sẽ tránh được nắng chói phía Đông khi mặt trời mọc, buổi chiều tránh được nắng gắt xiên từ phía Tây khi mặt trời lặn. Với các lợi thế về nhiệt học, quang học và lực học thì hướng chính Nam, Đông Nam và Tây Nam là hướng lý tưởng của ngôi nhà” [14, tr. 129].

Trong quá trình chọn hướng làm nhà, người Thái Đen chọn hướng nhà theo hướng nhà của các gia đình trong thôn bản đã làm trước, gia đình nào làm sau thì cứ theo đó mà chọn hướng. Hướng nhà phổ biến của các gia đình trong bản là hướng nhà ngoảnh ra hướng đường đi. Người Thái Đen kiêng kỵ hướng nhà cũng như cổng nhà của gia đình mình ngoảnh vào chính giữa nhà hay cổng nhà của gia đình hàng xóm. Họ quan niệm, hướng nhà như vậy là không tốt, hai gia đình sẽ bất hòa và thường hay cãi vã lẫn nhau, mất đoàn kết trong xóm làng.

### **2.5.2. Chọn ngày, giờ và các nghi lễ trong quá trình dựng nhà**

Người Thái Đen ở xã Bình Sơn thường dựng nhà vào thời gian sau mùa thu hoạch, đây là thời điểm rảnh rỗi công việc đồng áng, nông rẫy và khí hậu thuộc mùa khô, ít mưa sẽ thuận lợi cho công việc dựng nhà.

Dựng nhà là một công việc quan trọng trong cuộc đời của người Thái nói chung và người Thái Đen ở xã Bình Sơn nói riêng. Vì vậy, trong quá trình



dựng nhà người Thái Đen thường đi xem tuổi dựng nhà. Người Thái cũng có quan niệm giống người Kinh “*lấy vợ xem tuổi đàn bà, dựng nhà xem tuổi đàn ông*”. Do vậy, khi dựng nhà người Thái Đen thường xem tuổi người chồng trong gia đình. Về tuổi, họ kiêng làm nhà vào đúng “năm sinh” và “năm xung”. Người Thái Đen ở xã Bình Sơn quan niệm: “*Một giáp có 12 năm thì năm thứ 6 của giáp ấy được xem là “năm xung” không được làm nhà, các năm còn lại nếu không ứng với năm tuổi 49, 53 (tuổi hạn) thì đều có thể làm nhà được*” (Hà Văn Trung, 55 tuổi, thôn Cây Xe, phỏng vấn 27/12/2015). Ngoài ra, nếu gia đình định dựng nhà mà trong nhà có người chết: bố hay mẹ hoặc vợ hay con..., thì việc làm nhà phải hoãn lại một năm.

Trước khi dựng nhà, người Thái Đen thường mời thầy mo đến nhà làm lễ để chọn ngày, giờ tốt dựng nhà. Theo kinh nghiệm dân gian, các ngày mùng 2, 3, 14, 15, 26, 27 âm lịch trong tháng là những ngày tốt có thể dựng nhà; các ngày còn lại trong tháng là ngày xấu thì không nên làm nhà. Giờ để dựng nhà thường được chọn theo bảng lịch của người Thái gọi là *lai cun* và kết hợp với cách tính theo bảng ngày giờ gọi là *lai nham* (lịch xem ngày giờ bằng bấm đốt ngón tay và lịch bảng gỗ).

Trước khi dựng nhà, chủ nhà phải làm lễ “*khai hươn*” trên mảnh đất định dựng nhà. Lễ “*khai hươn*” gồm có thịt lợn, chai rượu, đĩa xôi, sau đó mời thầy cúng đến khấn, báo thần đất gia chủ chuẩn bị dựng nhà.

Trong các nghi lễ liên quan đến dựng nhà thì nghi lễ dựng đòn nóc được xem là quan trọng nhất. Theo tập quán của người Thái Đen, khi dựng nhà thì dựng cột ma nhà trước, sau mới dựng đến cột hiên và sau cùng là dựng cột bếp. Các cột còn lại dựng bình thường, ngày dựng nhà được bà con, họ hàng trong làng/bản đến làm giúp. Dựng xong, chủ nhà nấu cơm thiết đãi mọi người. Ngày lợp nhà cũng được gia chủ nhờ thầy xem ngày giờ tốt- xấu, để không xung khắc với ngày, tháng, năm sinh của chủ nhà.

Sau khi dựng nhà xong, chủ nhà tiến hành làm lễ lên nhà mới. Đây là một tập tục quen thuộc và không thể thiếu được mỗi khi dựng nhà mới của



ngọì Thái. Trong buổi lễ, thầy mo cùng chủ nhà làm lễ rọi ma nhà, đặt bàn thờ tổ tiên. Lễ vật dâng cúng gồm 3 mâm: một mâm cúng ma nhà, một mâm cúng thổ công, một mâm cúng long mạch- thổ địa với ý nghĩa cầu mong sự bình yên, mạnh khỏe, làm ăn may mắn.

Lễ lên nhà mới thường là ngọì vợ lên xông nhà đầu tiên. Bà vợ đốt lửa đặt cái ninh xôi vào góc bếp, đặt một guì lúa lên sàn, đặt một, hai ống rọi rồi đặt chặn chiếu vào buồng ngủ. Sau đó, chủ nhà mổ lợn, giết gà, nấu rọi mời bà con đến ăn mừng nhà mới. Trong ngày lễ lên nhà mới, khách đến mừng vui cùng gia chủ thường mang theo “quà tặng”. Theo tục lệ cổ truyền “quà tặng” mừng nhà mới thường là một chai rọi, hai ống gạo, có ngọì thì mang con gà. Chủ nhà mổ lợn, làm cơm thiết đãi khách. Cỗ lên nhà mới của ngọì Thái đen thường có đủ các món ăn dân tộc như: cơm nếp, thịt lợn, gà, ngan, vịt...; tất cả chặt thành miếng rồi đặt lên trên tấm lá chuối ở trong chiếc mâm nhôm, mọi ngọì ngồi quây quần bên nhau, họ cùng nhau nâng chén rọi chúc mừng gia chủ với những lời chúc tốt đẹp nhất.

## 2.6. Các điều kiêng kỵ trong ngôi nhà

Trong không gian mặt bằng sinh hoạt của ngôi nhà ngọì Thái Đen ở Bình Sơn có một số kiêng kỵ liên quan, gồm: kiêng ngọì quay lưng vào bàn thờ tổ tiên, kiêng không treo, ngoác quần áo ở gian có bàn thờ ma nhà. Mỗi một buồng ngủ được ngăn cách bằng các bức vách đan bằng nứa để tạo không gian riêng tư cho từng cặp vợ chồng trong gia đình. Khi ngủ hay khi nằm nghỉ, ngọì Thái Đen kiêng duỗi chân lên phía trên, kiêng ngủ dưới cây quá giang; kiêng duỗi chân về phía có nơi thờ ma nhà; nếu mắc những lỗi nêu trên sẽ là bất kính với tổ tiên. Khi ngủ không được mắc màn trắng ở gian có ma nhà. Trong nhà, nơi thờ ma nhà được coi là điểm linh thiêng, phụ nữ thường ngày không được ngọì gần nơi thờ cúng và không được ngọì chơi tại gian nơi thờ ma nhà. Thường ngày, con dâu kiêng mặc áo màu trắng trong nhà, kiêng đội nón, vác dao trong nhà...

Đối với những ngọì trong gia đình, vợ, con dâu, cháu dâu... kiêng



không được mặc áo trắng, không được xõa tóc. Lúc nấu thức ăn trên bếp, người Thái Đen kiêng không để tay nôi song song với cây quá giang, khi nấu kiêng không gõ vào kiềng, nôi và không di chuyển hòn đá (thần bếp). Lí do, tại sao lại kiêng như vậy thì họ đều không lý giải được. Bà Lò Thị Mẫn chia sẻ: *“Đây là những kiêng kỵ có từ lâu đời của tộc người rồi, còn lí do vì sao thì cũng không biết, bố mẹ chỉ bảo rằng ông bà truyền dạy vậy thì làm vậy, có thờ có thiêng, có kiêng có lành”* (Lò Thị Mẫn, 68 tuổi, thôn Bồn Dồn, P.v, 25/11/2015).

Bố chồng, anh chồng không ngồi ăn chung mâm với em dâu, con dâu; không được vào buồng con dâu, em dâu và ngược lại em dâu cũng không được ngồi ăn chung mâm với anh rể, bố chồng, theo quan niệm, nếu ngồi ăn cùng mâm thì dễ xảy ra “mâu thuẫn”, khó tìm chế dục vọng của bản tính con người.

Khi làm bếp, những người phụ nữ đang có thai, có tang không được tham gia; không được lấy que cọc nhọn đóng xuống phần đất nện của bếp lửa; không được đập, gõ vào cột bếp; khi mang củi từ dưới gầm sàn không được đi qua gian trước mà phải đi vòng cầu thang phụ cuối nhà; khách mới đến nhà không được tự do vào bếp của gia đình; không được mang lửa xuống cầu thang, nếu được chủ nhà cho vào bếp thì không được nhổ nước bọt vào bếp...

Đối với những gia đình có người mới sinh, thì gia chủ lấy lá cây núc nác gai ở hai bên tấm phen nhà ở cầu thang lên xuống và treo ở cầu thang chính của ngôi nhà để thông báo cho người trong và ngoài bản biết là gia đình vừa mới có người sinh con không nên đi vào trong nhà. Ngoài ra, lá cây núc nác còn có tác dụng trừ tà ma, kỵ những vía độc và bảo vệ sức khỏe cho cả mẹ và trẻ sơ sinh.



## **TIỂU KẾT CHƯƠNG 2**

Nhà sàn là loại nhà ở truyền thống của người Thái Đen ở xã Bình Sơn. Người Thái phân chia nhà sàn thành 2 loại: nhà sàn cột chôn và nhà sàn cột kê. Quá trình làm nhà trải qua nhiều bước: chuẩn bị vật liệu làm nhà, kỹ thuật đục đẽo, cất dựng, quy trình dựng nhà có sự khác nhau giữa loại hình nhà cột chôn và nhà cột kê.

Ngôi nhà truyền thống của người Thái thường dựng 3- 5 gian, mỗi một gian có tên gọi, chức năng khác nhau. Việc phân chia không gian nhỏ vậy có ý nghĩa xã hội nhất định, gắn với những quy định, quy tắc ứng xử của cộng đồng tộc người đối với không gian sinh hoạt chung của gia đình. Cách bố trí mặt bằng sinh hoạt gắn với tập quán, quan niệm khá độc đáo. Trong ngôi nhà của người Thái có khá nhiều kiêng kỵ vẫn đang tồn tại trong đời sống gia đình, cộng đồng.

Quá trình làm nhà cũng gắn liền với các nghi lễ tín ngưỡng nhỏ: chọn đất, chọn hướng, chọn ngày giờ để dựng nhà và lễ cúng thần đất, lễ dựng đòn nóc, lễ lên nhà mới.



## CHƯƠNG 3

### BIẾN ĐỔI NHÀ CỬA VÀ CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG

#### DẪN ĐẾN SỰ BIẾN ĐỔI

##### 3.1. Tiền đề và quá trình biến đổi nhà ở

Văn hóa luôn vận động và biến đổi, đây là một trong những quá trình tất yếu phù hợp với quy luật của tự nhiên. Tuy nhiên, mỗi một hiện tượng văn hóa lại có xu hướng biến đổi khác nhau tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử, vị trí địa lý, đặc thù văn hóa của mỗi khu vực/địa phương.

Trước đây, khu vực làng Thoi (nay thuộc xã Bình Sơn) chỉ có người Thái cư trú, chưa có người Kinh và Mường sinh sống. Loại hình nhà ở truyền thống của Người Thái là nhà sàn với hai loại hình: nhà sàn cột chôn và nhà sàn cột kê. Nhà sàn cột chôn là loại hình nhà sàn đầu tiên với kiến trúc hình chữ nhật, khum khum hình mái vòm, nhà có hay cầu thang (cầu thang chính và cầu thang phụ). Gầm sàn làm chỗ để dụng cụ nông nghiệp, củ đốt, nuôi nhốt gia súc, gia cầm. Không gian trên sàn nhà là nơi sinh hoạt của gia đình. Mặc dù, trước đây người Thái sống ở khu vực riêng, nhưng phạm vi cư trú của họ gần với khu vực người Mường và người Kinh. Trong quá trình sinh sống có sự giao lưu về kinh tế và văn hóa của các tộc người, tuy nhiên mức độ giao lưu tiếp nhận những yếu tố văn hóa mới của tộc người khác chưa nhiều. Trước những năm 1975 trong các thôn/bản của người Thái nhà sàn vẫn giữ một vị trí độc tôn và họ vẫn giữ được nếp sống sinh hoạt, những nét văn hóa mang tính đặc trưng đặc thù của tộc người.

Sau đổi mới, đặc biệt từ năm 1992 khi có quyết định 327 - 1992/ QĐ – Ttg chủ trương phủ xanh đất trống đồi núi trọc, di dân tái định cư, xây dựng vùng kinh tế mới. Để thực hiện chủ trương của nhà nước, Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn đã vận động người Kinh ở một số xã của huyện Triệu Sơn-nơi có mật độ cư trú dân cư đông đúc di cư lên xây dựng kinh tế mới ở khu vực xã Bình Sơn. Sau khi người Kinh di cư lên khu vực này, họ cộng cư ở



khu vực ngôi Thái sinh sống. Quá trình cộng cư, sinh sống đan xen dẫn đến việc giao lưu và tiếp thu những yếu tố văn hóa mới..

Qua kết quả phỏng vấn Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn cho thấy: *“Quá trình chuyển từ nhà sàn xuống nhà đất (nhà trệt) bắt đầu manh nha từ năm 1995 với những ngôi nhà trệt tường vách làm bằng đất trộn với rơm, mái lợp lá cọ hoặc phen tranh. Từ năm 2004 trở đi, cùng với chủ trương “xóa nhà tranh tre nứa lá, nhà tạm bợ, dột nát”, nhà nước đã hỗ trợ mỗi gia đình 5.000.000đ và ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam cho mỗi hộ gia đình vay 7.000.000đ với lãi suất thấp, người dân đã đồng loạt xây dựng nhà ngói kiên cố. Từ năm 2005 trở đi khu vực cư trú của người Thái Đen ở xã Bình Sơn loại hình nhà xây chiếm tỷ lệ lớn, nhà sàn đã mất dần vị trí độc tôn. Đến nay khu vực xã Bình Sơn đã mất dần hình bóng của ngôi nhà sàn truyền thống”*. (ông Hà Văn Trung, 54 tuổi, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn, phỏng vấn ngày 20/10/2015).

Trước giai đoạn đổi mới, nhà sàn cột chôn là loại hình nhà ở chiếm vị thế độc tôn ở khu vực này, nhưng sau này cùng với những chính sách đầu tư, phát triển khu vực kinh tế mới ở phía Tây Nam huyện Triệu Sơn đã tác động không nhỏ đến biến đổi văn hóa truyền thống của người Thái Đen nói chung và thành tố nhà ở nói riêng. Do vậy, nếu nhìn vào các yếu tố bên ngoài của nhà cửa thì rất khó có thể phân biệt nhà của người Thái với người Kinh, người Mường.

### **3.2. Các yếu tố biến đổi**

Khái niệm biến đổi sử dụng trong đề tài này, được hiểu là: *sự thay đổi thói quen, nếp sống, phong tục tập quán gắn với các giá trị văn hóa truyền thống nhằm thích nghi với điều kiện tự nhiên, môi trường và hoàn cảnh mới*. Quá trình cư trú đan xen với các tộc người khác, đặc biệt là người Kinh, dẫn đến sự giao lưu học hỏi, tiếp nhận văn hóa của tộc người sống bên cạnh nên dần dần đã làm mất đi các giá trị, nề nếp thói quen cũ; đồng thời, hình thành nên các nếp sống, giá trị văn hóa mới phù hợp với nhu cầu, cuộc sống thực tại ở địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh việc tiếp nhận các giá trị văn hóa mới thì



trong mỗi cộng đồng, tộc người vẫn giữ gìn và bao lưu những giá trị văn hóa, phong tục tập quán của ông cha từ bao đời nay.

Nhà ở là một trong những thành tố văn hóa vật chất, ngôi nhà không chỉ có chức năng che mưa, che nắng mà còn là nơi sinh hoạt chung của các thành viên trong gia đình và cũng là nơi tổ chức các nghi lễ gắn với quá trình trưởng thành của từng cá nhân trong gia đình.. Thông qua nhà ở có thể phân biệt tộc người này với tộc người khác.

Trong những năm gần đây, ngôi nhà của người Thái Đen ở xã Bình Sơn đang có xu hướng biến đổi về: loại hình, nguyên vật liệu làm nhà, đội ngũ thợ và công cụ liên quan đến đo lường và xây dựng, kỹ thuật làm nhà; các phong tục tập quán, nghi lễ liên quan đến ngôi nhà. Sự biến đổi trong nhà ở của người Thái Đen hiện nay là do tác động của nhiều yếu tố: sự thay đổi nhận thức, môi trường, yếu tố kinh tế, chính sách & thể chế.

### **3.2.1. Biến đổi về loại hình nhà ở**

Nhà ở của người Thái Đen ở xã Bình Sơn hiện nay đang có xu hướng đa dạng hóa về kiểu kiến trúc. Trước đây, trong các thôn/ bản của người Thái, nhà sàn chiếm vị trí độc tôn trong giai đoạn hiện nay, người Thái đang có xu hướng chuyển từ nhà sàn sang nhà xây với đa dạng kiểu kiến trúc (nhà ngói, nhà xây lợp mái tôn, nhà tầng, biệt thự, nhà mái bằng, nhà tranh tre nứa lá). Xu hướng biến đổi loại hình nhà ở diễn ra với một tốc độ nhanh chóng; nhất là trong khoảng 10 năm trở lại đây. Đến nay, trong các thôn/ bản của người Thái Đen ở xã Bình Sơn không còn một ngôi nhà sàn nào được sử dụng với toạ cách là nhà ở. Ông Lojong Văn Quý cho biết: *“Tại thôn Thoi, Bồn Dồn và Cây Xe, nơi có người Thái Đen cư trú, tính đến thời điểm hiện tại thì không còn một ngôi nhà sàn nào được sử dụng với tư cách là nhà ở nữa. Trên địa bàn toàn xã chỉ còn 3 ngôi nhà sàn nhỏ được sử dụng làm bếp đun nấu và làm nơi cất giữ đồ đạc hoặc làm lán ở tạm trong quá trình xây nhà, đây là dấu hiệu còn sót lại của loại hình nhà ở truyền thống. Hiện nay, hầu hết người Thái Đen đã chuyển hẳn từ nhà sàn sang loại hình nhà trệt (nhà xây) giống*



người Kinh. Một số gia đình có điều kiện kinh tế khá giả, họ xây dựng những ngôi nhà nhà bằng (nhà đổ trần), nhà cao tầng, biệt thự (ông Lượng Văn Quý, 53 tuổi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn, Pv, 15/11/2016).

Theo kết quả điều tra loại hình nhà ở của người Thái Đen ở xã Bình Sơn vào tháng 11/2015 cho thấy: trên địa bàn toàn xã, người Thái có 1092 nhân khẩu, với 256 hộ gia đình cư trú ở ba thôn (thôn Thoi, Bồn Dồn, Cây Xe). Trong đó, có 169 ngôi nhà ngói, chiếm (66%), 57 ngôi nhà xây lợp mái tôn, chiếm (22,2%), 7 ngôi nhà tầng, chiếm (2,7%), 12 ngôi nhà đổ mái bằng, chiếm (4,6%), 11 ngôi nhà tranh tre nửa lá, chiếm (4,2%).

**Bảng:** Loại hình nhà ở của người Thái trong giai đoạn hiện nay

Loại hình nhà ở	Thôn Thoi	Bồn Dồn	Cây Xe	Tổng số	Tỷ lệ (%)
Nhà ngói	60	72	37	169	66
Nhà xây lợp mái tôn	17	22	18	57	22,2
Nhà tầng, biệt thự	4	2	1	7	2.7
Nhà mái bằng	6	3	3	12	4.6
Nhà tranh tre, nửa lá	3	6	2	11	4.2

**Nguồn:** Điều tra thực địa tại xã Bình Sơn, tháng 9/2015.

Qua kết quả khảo sát thực tế cho thấy: từ sau đổi mới, nhà ở của người Thái Đen ở xã Bình Sơn có xu hướng từ nhà sàn sang ở nhà đất (nhà trệt) với đa dạng các kiểu kiến trúc khác nhau: từ nhà cấp bốn mái lợp ngói hoặc mái lợp tôn; nhà đổ trần bằng bê tông cốt thép; nhà xây cao tầng; nhà tranh tre nửa lá... Trong đó, kiểu nhà cấp bốn mái lợp ngói hoặc mái lợp tôn có số lượng nhiều hơn cả. Trong khoảng 5 năm trở lại đây, khi đời sống của người dân được nâng cao thì các hộ gia đình người Thái Đen cũng có xu thế muốn xây dựng những ngôi nhà khang trang to đẹp hơn để cư trú.

### 3.2.2. Thay đổi về vật liệu xây dựng

Vật liệu sử dụng trong quá trình làm nhà của người Thái Đen hiện nay đã có nhiều biến đổi với trước đây. Đối với loại nhà sàn truyền thống, nguyên



vật liệu làm nhà chủ yếu được khai thác từ tự nhiên như: gỗ, tranh, tre, nứa, song mây, lá cọ, cỏ gianh...sẵn có trong rừng ở địa phương. Ngày nay, khi chuyển sang loại hình nhà xây, nguyên vật liệu làm nhà có xu hướng chuyển từ các vật liệu truyền thống sang các vật liệu được sản xuất bằng công nghiệp (gạch, ngói, xi măng, tôn ốp nán, bản lè, đinh sắt, dây thép...)

Vật liệu xây dựng nhà ở hiện nay, thường được mua từ các đại lý của người Kinh ở khu vực Thọ Bình, Thọ Sơn, sau đó vận chuyển về bằng công nông hoặc xe tải. Từ những năm 2000 trở lại đây, nhu cầu xây dựng nhà ở mới của người dân trong xã Bình Sơn nói chung và người Thái Đen nói riêng là rất lớn. Tuy nhiên, dịch vụ kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn xã chưa thực sự phát triển. Hiện tại, xã Bình Sơn mới có một cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng với quy mô nhỏ, chưa đáp ứng đủ nhu cầu xây dựng của bà con trong địa bàn toàn xã, người dân vẫn phải đi mua nguyên liệu ở khu vực ở một số xã lân cận rồi thuê xe vận chuyển về nhà. Ông Nguyễn Văn Hồi (kinh doanh vật liệu xây dựng tại thôn Thoi) cho biết: *“Buôn bán mặt hàng vật liệu xây dựng cũng rất được, vì nhu cầu xây dựng của bà con trên địa bàn xã Bình Sơn trong khoảng vài năm trở lại đây là rất lớn. Kinh doanh mặt hàng này khá chạy, không lo ế hàng. Tuy nhiên, buôn bán vật liệu xây dựng đòi hỏi phải số vốn đầu tư lớn, khả năng thu hồi vốn lâu, bởi vì bà con ở đây thường mua nợ, nhiều khi làm nhà xong rồi mà vẫn chưa trả hết nợ cho chủ hàng. Do vậy, không có vốn quay vòng nên tôi chỉ kinh doanh nhỏ lẻ kết hợp với dịch vụ vận chuyển hàng hóa cho khách hàng. Để có tiền quay vòng kinh doanh, giờ đây ai có tiền mặt đến mua hàng thì tôi mới bán, chứ kiểu bán rồi nợ tôi không bán nữa”* (Nguyễn Văn Hồi, 58 tuổi, thôn Thoi, pv ngày 1/11/2015).

### **2.2.3. Thay đổi thợ, công cụ, đơn vị đo lường**

Không chỉ có xu hướng thay đổi về nguyên vật liệu xây dựng mà đội ngũ thợ cũng như mối quan hệ giữa chủ nhà và thợ cũng có sự thay đổi so với trước. Trước đây, người Thái Đen chưa có đội thợ làm nhà chuyên nghiệp, mọi người trong thôn/ bản thường đến giúp nhau trong quá trình làm nhà. Họ

không chỉ giúp ngày công lao động mà còn giúp cả về nguyên vật liệu, lojong thực, thực phẩm, rượu hoặc tiền mặt. Ông Hà Thọ Hoan chia sẻ: “*Trước đây, khi gia đình nào muốn dựng nhà, họ đến từng nhà thông báo và nhờ bà con hàng xóm, anh em đến phụ giúp gia đình làm nhà. Mỗi người phụ giúp một công việc khác nhau. Phụ nữ thì phụ giúp đi cắt cỏ gianh về đan phen tranh để lợp mái nhà; đàn ông thì giúp chặt gỗ, đẽo cột, dựng nhà. Những người khéo tay, có kinh nghiệm và kỹ thuật dựng nhà thì đến giúp gia chủ đục đẽo. Chủ nhà thường nấu cơm ngày cho những người đến phụ giúp và sau này, gia đình họ làm nhà thì mình lại đi làm trả công lại cho họ*” (ông Hà Thọ Hoan, 65 tuổi, thôn Thon, pv, ngày 20/12/2015).

Trong giai đoạn hiện nay, hầu hết các ngôi nhà xây trong các thôn/ bản của người Thái Đen ở xã Bình Sơn là sản phẩm của 2 đối tượng chính: (1) Nhóm thợ người Kinh, di cư theo chương trình 327 xây dựng và phát triển vùng kinh tế mới phía Tây Triệu Sơn vào những năm 1990 trở đi, họ đã có thời gian dài cư trú ở xã Bình Sơn. (2) Nhóm thợ người Kinh ở một số xã lân cận trong huyện như: Thọ Bình, Thọ Sơn, Thọ Tiến, Thọ Xuân, họ lên khu vực này để làm nhà thuê. Bác Hà Văn Quyên cho biết: “*Bây giờ xây nhà nhanh, đơn giản và đỡ vất vả hơn trước nhiều. Trước đây, dựng nhà phải đi nhờ anh em, hàng xóm đến giúp và phải đi làm trả công. Người ta đến giúp mình dựng nhà thì phải lo cơm ngày ăn 3 bữa, chè nước đầy đủ, nấu nướng phục vụ vất vả lắm. Bây giờ thì đơn giản hơn nhiều, chỉ cần có tiền, nguyên liệu thì trở đến tận nơi. Thợ thì khoán trắng, chỉ có hôm đầu xây nhà (khởi công) và hôm cuối (hồi công thợ), chủ nhà làm một bữa cơm thịnh soạn để mời đội thợ, còn tiền công thì thanh toán theo khoán trọn gói dựa trên tính theo công nhật. Tùy vào mối quan hệ và tiếp đón ăn uống của gia chủ mà đội thợ giúp gia chủ 1-2 ngày công để gia chủ “lấy khước” làm ăn mát mẻ, may mắn*” (ông Hà Văn Quyên, 55 tuổi, phỏng vấn 25/3/2016).

Đội ngũ thợ làm nhà thay đổi nên những công cụ sử dụng trong quá trình xây dựng, đơn vị đo lường, kỹ thuật dựng nhà hiện nay cũng đã có nhiều biến đổi so với trước. Trước đây, người Thái Đen thường dùng đũa, gang tay, sải tay để đo kích thước chiều dài, chiều rộng, chiều cao của cột nhà, vì



kèo... Dựa vào các đơn vị đo lường đó, người thợ có thể tính toán, đo đạc được kích thước của các kiện gỗ nhằm thiết kế được khẩu độ của các vì kèo, cột cái, cột quân.

Vào thời điểm hiện nay, để đo đạc chính xác kích thước, chiều dài, chiều rộng, độ cao của từng bộ phận ngôi nhà, người thợ đã sử dụng thước mét bán sẵn ở ngoài thị trường để đo. Thước đo trong xây dựng tolong đối đa dạng (thước vuông, thước dây, thước mét, thước tầm...), trong đó, thước mét

được sử dụng phổ biến, chiếm vị trí tuyệt đối cùng với những cụ điểm vọt trọi. Thước tầm (sào mực) là một trong những dụng cụ đo lường không thể thiếu của người thợ mộc, thợ xây. Thước tầm được làm bởi nửa thân cây luồng dài, thẳng, không bị cụt ngọn; không bị sâu, sau đó được gọt đẽo cho thẳng và trên thước có những mốc đánh dấu bằng bút chì để xác định chiều dài, chiều rộng của bộ khung nhà và gian nhà. Khi làm nhà xong, ông thợ cả thường giao thước tầm cho chủ nhà và nó được đặt lên trên hai xà ngang của gian giữa ngôi nhà. Bên cạnh thước tầm (sào mực), người thợ còn sử dụng thước dây để đo chiều dài của cột, xà, chiều dài của bức tolong và dùng để lấy độ thẳng trong quá trình xây dựng nhà.

Nhạy vậy, rõ ràng cách đo lường chiều rộng, chiều dài và chiều cao của thước tây sẽ thuận tiện và có độ chính xác cao hơn là cách sử dụng đo lường truyền thống bằng gang tay, cánh tay và khuỷu tay. Điều này cho ta thấy, sự vọt trọi và tính cụ việt của yếu tố văn hóa mới mà chỉ tính riêng trong lĩnh vực đo lường liên quan đến xây dựng của người Thái Đen ở xã Bình Sơn so với trước đây.

Bộ đồ nghề, công cụ làm nhà trong giai đoạn hiện nay tolong đối đa dạng, với tính chuyên môn hóa cao, nó được thay thế cho những công cụ đa năng (riu, dao, cuốc, đục...) trong quá trình tạo dựng nhà sàn truyền thống. Việc xuất hiện nhóm thợ người Kinh di cư từ khu vực miền xuôi lên miền núi xây dựng vùng kinh tế mới và nhóm thợ xây dựng từ một số xã lân cận cũng



lên khu vực xã Bình Sơn để dựng nhà thuê. Những thợ người Kinh lên Bình Sơn cơi trú, sinh sống và làm nhà thuê đã mang theo bộ công cụ làm nhà tổng đối đa dạng và chuyên dụng.

Đối với những người làm nghề thợ mộc, công cụ không thể thiếu đó là các loại cưa, đục, bào, thợc... Với những người thợ xây, họ cũng có các loại thợc đo, chiếc bay, bàn xoa; trong đó chiếc bay dùng để xây những bức tường gạch, còn chiếc bàn xoa để xoa phẳng mịn mặt tường. Để đo chiều cao của bức tường, người thợ xây dùng thợc và con rọi để đóng trong quá trình xây dựng.

### **3.2.4. Thay đổi về kĩ thuật và quy trình dựng nhà**

Việc xuất hiện nhóm thợ người Kinh đến làm nhà cho các gia đình người Thái Đen ở xã Bình Sơn đã làm cho cơ sở vật chất, kĩ thuật và quy trình dựng nhà của tộc người này có nhiều biến đổi. Trước đây, trong quá trình dựng nhà, người Thái Đen thường phải dựng cây cột cái (cột chính) thợc, sau đó mới tiến hành dựng cây quân (cột phụ) rồi đến đặt dầm, xà, quá giang, đòn nóc để tạo nên bộ khung nhà vững chắc. Ngày nay, người Thái Đen xây tường nhà bằng gạch, trát vữa bằng xi măng cát và thường không có hàng cột nhà bằng gỗ mà thay vào đó là đặt quá giang trực tiếp lên trên tường. Với kĩ thuật “giản tiện” này, không gian trong ngôi nhà có ọu điểm thoáng, rộng bởi không có các hàng cột đặt trên nền nhà.

Ngôi nhà xây trong các thôn/ bản của người Thái Đen ở xã Bình Sơn hiện nay là sự kết hợp giữa các cấu kiện thẳng đứng (móng, tường, cột, khung) với các bộ phận nằm ngang (nền, sàn, mái nhà). Tính hiện đại trong các công trình nhà ở của người Thái hiện nay được thể hiện trong xu thế biến đổi vật liệu và kĩ thuật xây dựng.

Xu hướng bê tông sắt thép hóa công trình xây dựng nhà ở được thể hiện rõ nhất là ở bộ phận móng nhà. Móng nhà là trụ cột của ngôi nhà nên người ta thường kê móng nhà kiên cố bằng đá, gạch hoặc đổ khuôn bằng xi măng cốt

thép. Những ngôi nhà cao tầng, biệt thự hay loại nhà đổ mái bằng, người Thái cũng thường sử dụng bê tông, cốt thép để làm móng nhà. Còn đối với những

ngôi nhà xây lợp mái ngói hoặc lợp tôn, trọng lực của bộ mái nhà không lớn nên các hộ gia đình chỉ dùng gạch, đá để xây móng nhà nhằm tiết kiệm chi phí xây dựng cho gia đình.

Xu hướng bê tông sắt thép hóa công trình không chỉ thể hiện ở bộ phận móng nhà mà còn thể hiện rõ nét ở cả khung nhà. Bộ khung nhà đang có những thay đổi căn bản so với bộ khung nhà sàn trước đây. Với loại hình nhà sàn truyền thống, mỗi ngôi nhà thường có 4 đến 6 hàng cột của một gian. Tùy thuộc vào số lượng gian của ngôi nhà mà số lượng cột gỗ nhiều, hay ít. Thông thường, đối với nhà sàn 3 gian thường có 6 cây cột chính và 6 cột phụ. Khung nhà được thiết kế bởi khung gỗ và hệ thống vì kèo được làm bằng gỗ. Ngược lại, với ngôi nhà xây của người Thái Đen hiện nay, bộ khung nhà đã có những thay đổi cơ bản theo kiểu vì kèo của người Việt. Bộ khung nhà thường làm theo kiểu “vì kèo giá chiêng” (hình tam giác), hai đầu quá giang gác được gác lên tong và mái nhà lợp ngói hoặc mái lợp tôn.

Tong nhà và tong ngăn cách các gian trong ngôi nhà cũng được xây kiến cố bằng gạch và xi măng, thay thế cho tong vách làm bằng phen nứa hoặc dát bằng ván gỗ loại nhà sàn truyền thống trước đây. Hiện nay, nền nhà được lát gạch đất nung hay lát bằng xi măng; một số gia đình có kinh tế khá giả thì họ lát gạch hoa để cho sạch sẽ và tăng tính thẩm mỹ của ngôi nhà.

Mái nhà trong giai đoạn hiện nay thường được lợp bằng mái ngói, mái tôn hoặc đổ trần đang thay thế dần cho mái nhà lợp bằng cỏ tranh, lá cọ. Các vật liệu như dây song, dây mây, lạt để buộc rui mè, đòn tay được thay thế bằng sản phẩm của công nghiệp như: đinh, dây thép nhỏ.

Nhờ kết cấu công trình được thi công bằng sắt thép, bê tông nên hầu hết các ngôi nhà xây trong thôn/ bản của người Thái Đen khá kiên cố. Hiện nay, trong làng cũng đã xuất hiện một số nhà cao tầng, khang trang và đẹp đẽ; thậm chí có một vài ngôi nhà xây theo kiểu mô hình biệt thự mi ni cũng được mọc lên

ở thôn Thoi, Bồn Dồn và Cây Xe. Đặc biệt, xu hướng “bê tông sắt thép hóa công trình” đang chiếm ưu thế trong xây dựng nhà ở của người dân ở địa phương hiện nay, trong đó có người Thái và người Mông. Đây là một xu

hướng biến đổi tất yếu về nhà ở với những vùng sống đan xen hoặc cận kề với người Kinh.

### **2.2.5. Thay đổi mặt bằng sinh hoạt trong ngôi nhà**

Mặt bằng sinh hoạt và cách phân bố sử dụng không gian trong ngôi nhà của người Thái Đen hiện nay có nhiều biến đổi. Trước đây, với loại hình nhà sàn truyền thống, không gian sinh hoạt của gia đình đều diễn ra trên mặt sàn nhà. Ngôi nhà được chia thành các gian và ranh giới của mỗi gian được phân định bằng những hàng cột nhà. Với gian buồng ngủ của vợ chồng chủ nhà và của nữ giới sẽ được dựng bởi những tấm phên vách đan bằng nứa hoặc ván gỗ; còn không gian tiếp khách và nơi ngủ của nam giới thường để thông thoáng chứ không ngăn vách giống như gian buồng ngủ của chủ nhà.

Khi chuyển sang loại hình nhà xây (nhà trệt) thì cách phân bố và sử dụng không gian trong ngôi nhà cũng có sự thay đổi. Với loại hình nhà xây, người Thái Đen thường xây dựng nhà ba gian hoặc 5 gian mái lợp ngói hoặc lợp tôn hay đổ trần bằng bê tông, cốt thép. Đối với loại hình nhà xây 3 gian, ngôi nhà được xây dựng thiết kế theo hai kiểu phổ biến: 3 gian thông nhau và kiểu nhà có 2 gian thông nhau với một gian buồng được xây quay kín hoặc một gian lòi ở phía trước hiên nhà. Còn đối với nhà xây 5 gian, họ thường làm 4 gian chính để thông nhau với 1 gian buồng hoặc 3 gian chính để thông nhau với 2 gian buồng.

Cách bố trí mặt bằng sinh hoạt và đồ dùng gia dụng sinh hoạt trong ngôi nhà của người Thái Đen xã Bình Sơn hiện nay cũng có sự khác biệt so với nhà ở truyền thống, đó là: sự xuất hiện của gian làm buồng, có tường ngăn không gian phía bên ngoài với không gian buồng bên trong. Kích thước của gian buồng thường được làm dài, rộng hơn so với hai gian chính khoảng vài chục centimet và chiều dài của gian buồng kéo hết đến tận hiên nhà. Trong buồng kê giường ngủ của vợ chồng chủ nhà và là nơi cất giữ đồ đạc của các nhân. Những gia đình có con trai lớn xây dựng gia đình, người ta thường dành gian buồng làm buồng ngủ cho đôi vợ chồng trẻ.

Gian chính giữa của ngôi nhà thường kê bộ bàn ghế để tiếp khách và kê tủ kính để một số đồ trang trí và đựng một số vật dụng sinh hoạt của gia đình.



Ở gian chính giữa của ngôi nhà người Thái Đen thường được đặt bàn thờ tổ tiên. Bàn thờ tổ tiên của người Thái Đen ở xã Bình Sơn được tạo tác khá đơn

giản, thường làm bằng ván gỗ và đóng gá vào vách tường, phía trên mặt bàn thờ đặt bát hương cùng với chén hoặc bát nước mỗi khi thắp hương cúng tổ tiên. Một số gia đình họ thường tận dụng không gian trên mặt tủ để đặt bát hương lên trên đó để thay cho bàn thờ. Vào dịp lễ tết, giỗ chạp hay có công việc đại sự, chủ nhà, con cháu thường thắp hương cúng tổ tiên.

Gian thứ hai, cạnh với gian chính (giữa) của ngôi nhà. Gian này, người ta kê một cái giường ngủ. Đây là nơi ngủ của các thành viên nam trong gia đình và chỗ ngủ dành cho khách khi đến chơi nhà. Cùng ở trong gian nhà này, người Thái Đen còn để một số vật dụng sinh hoạt khác của gia đình như: tủ đứng/ tủ ly, tủ lạnh, ti vi, đài, xe đạp hoặc xe máy. Trong ngôi nhà của người Thái đã xuất hiện nhiều vật dụng sinh hoạt hiện đại và đắt tiền.

Ngôi nhà sàn truyền thống là nơi diễn ra mọi sinh hoạt của gia đình từ ăn, ngủ nghỉ, nấu nướng đến việc tổ chức các nghi lễ liên quan đến quá trình trưởng thành của con người (sinh đẻ, cưới xin, tang ma). Khi chuyển sang loại hình nhà ở mới, thiết kế kiến trúc của ngôi nhà đã có sự thay đổi.

Xu hướng biến đổi rõ rệt nhất là sự tách không gian bếp ra khỏi ngôi nhà. Bếp trước đây thường để trên nhà sàn và thường đặt ở gian đầu tiên hoặc gian chính giữa của ngôi nhà. Tùy thuộc vào số lượng gian của ngôi nhà mà bố trí số lượng bếp và chỗ đặt bếp lửa cho phù hợp. Bếp đun là nơi nấu ăn, sưởi ấm, quay quần trò chuyện của các thành viên trong gia đình. Ngày nay, khi chuyển sang loại hình nhà xây, không gian bếp được tách khỏi ngôi nhà chính và được xây tách thành một công trình riêng biệt. Bếp không chỉ có chức năng đun nấu mà còn là nơi để các vật dụng gia dụng dùng trong nấu ăn (xoong, nồi, dao,

thớt, trạn bát, củi đốt...). Tuy nhiên, phía trên bếp đun, người Thái Đen vẫn còn duy trì và làm gác bếp bằng khung tre để đặt một số vật dụng, như đan lát, các hạt giống cây trồng, nguyên liệu đan và đồ dùng mây tre đan để tránh bị hư hỏng.



Trogiác đây, bếp đun của ngôiòì Thái Đen thường dùng 3 hòn đá kê hoặc đặt ba ông đầu rau đợc làm bằng đất nung để đun nấu. Trong quan niệm của ngôiòì Thái, bếp đun không chỉ để nấu ăn mà còn là nơi thờ cúng thần bếp. Ngày nay, bếp đun của ngôiòì Thái đã chuyển sang dùng bếp kiềng đun; nhiều gia đình đã sử dụng bếp ga, bếp từ trong đun nấu thay cho bếp đun bằng củi. Tuy nhiên, quan niệm thờ thần bếp và những kiêng kị đối với bếp vẫn đợc ngôiòì Thái bảo lưu, duy trì và truyền lại cho các thế hệ sau này đợc biết, đó là không đợc nhổ nước bọt vào bếp đun, cầm thanh củi gõ lên bếp kiềng...

Cùng với việc tách không gian bếp ra khỏi ngôi nhà chính, thì khu vực chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm cũng đợc tách ra xa khu vực nhà ở. Ngôiòì Thái Đen ở xã Bình Sơn thường làm chuồng gia súc ở phía sau ngôi nhà. Để tránh trâu/ bò đi qua sân hoặc vờn, ngôiòì Thái thường mở một con đờng mòn ở phía đầu hồi nhà để rắc trâu/bò đi ra cổng mỗi lần đi chăn dắt hay đi cày kéo. Tùy thuộc vào địa hình, thế đất, một số gia đình dựng chuồng gia súc ở gần phía cổng chính để tiện cho việc lấy phân chuồng từ chăn nuôi gia súc mang bón ruộng. Trong chuồng có sàn gác dùng để rom rạ dự trữ cho trâu bò ăn vào mùa đông hoặc cất các nông cụ (cuốc, xẻng, quang gánh, cày, bừa).

Trong giai đoạn hiện nay, chăn nuôi gia súc, gia cầm ở các hộ gia đình ngôiòì Thái khá phát triển. Họ thường xây dựng toàng bao xung quanh khu vực vờn nhà để nhốt và chăn thả gia cầm (gà, vịt). Trên một diện tích xác định, trong mỗi khuôn viên, mỗi gia đình đều dựng khuôn viên nhà, bao gồm: cổng, vờn, sân, nhà ở, chuồng chăn nuôi gia súc, gia cầm và bếp đun, giếng khơi, nhà vệ sinh, vờn rau...; một số gia đình còn thêm ao thả cá hay trồng cây ăn quả ở trong vờn nhà.

### **2.2.6. Thay đổi phong tục, tập quán liên quan đến ngôi nhà**

Các nhà Dân tộc học Việt Nam và trên thế giới thường quan niệm: *“Yếu tố thuộc văn hóa vật chất trong đó có nhà cửa thường biến đổi nhanh và mạnh hơn văn hóa tinh thần, trong đó có phong tục tập quán. Tuy nhiên, có rất nhiều yếu tố văn hóa tinh thần ra đời tồn tại và biến đổi hoàn toàn phụ*

*thuộc vào các yếu tố văn hóa vật chất. Đôi khi các yếu tố văn hóa tinh thần cũng có sự thay đổi ngay sau khi các yếu tố văn hóa vật chất là cơ sở cho sự ra đời và tồn tại của nó biến mất”.*

Loại hình nhà ở, các yếu tố vật chất tạo nên sự thay đổi của ngôi nhà cũng như không gian sinh hoạt, phong tục, tập quán và nghi lễ gắn liền với ngôi nhà đang dần biến đổi. Hiện nay, người Thái Đen ở xã Bình Sơn đã bỏ một số tập tục, nghi lễ gắn với ngôi nhà sàn trước đây và họ tiếp thu những yếu tố văn hóa mới của người Kinh để cho phù hợp với loại hình nhà ở và không gian cư trú mới.

Ngày nay, nhà sàn – loại hình nhà ở truyền thống của người Thái Đen ở xã Bình Sơn không còn nữa thay vào đó là loại hình nhà xây kiến trúc giống người Kinh ở miền xuôi. Các nghi lễ liên quan đến việc làm nhà và dựng nhà đang có sự biến đổi do thay đổi về loại hình nhà ở và các cơ sở vật chất bên trong ngôi nhà. Một số nghi lễ không phù hợp đã được bãi bỏ, một số nghi lễ khác liên quan đến quá trình dựng nhà vẫn được người Thái tiếp tục duy trì và bảo lưu. Tuy nhiên, lễ vật cũng như cách hành lễ được rút gọn đi nhiều so với trước.

Trong các nghi lễ liên quan đến làm nhà, thì nghi lễ chọn đất làm nhà không còn được duy trì nữa. Ngày nay, người Thái Đen sống định cư trên một mảnh đất nhất định, tình trạng di canh, di cư, đốt rừng làm nương rẫy không còn nữa; rừng đã được nhà nước phân lô, phân đất cho các hộ gia đình canh tác và quản lý. Cho nên, nghi lễ chọn đất làm nhà, dùng dao cắm xuống đất hoặc dùng cách bói lạt để tìm mảnh đất tốt như trước đây không còn phù hợp với cuộc sống đương đại.

Ngày nay, người Thái Đen thường dựng nhà trên mảnh đất của gia đình đã có sẵn, nhiều nhà xây mới ngay trên nền đất cũ để giảm công san lấp nền nhà. Tuy nhiên, phong tục chọn hướng làm nhà thì vẫn được người Thái Đen duy trì. Hướng nhà vẫn thường được chọn là hướng nam, và cửa nhà quay ra phía đường cái lớn hoặc hướng mặt ra ngoài cánh đồng. Đặc biệt, người Thái xưa cũng như nay, họ đều kiêng kỵ không quay hướng nhà hoặc hướng cổng



vào chính giữa cổng hoặc vào đầu đốc nhà của gia đình hàng xóm, với quan niệm là để tránh xảy ra những mâu thuẫn, xung đột trong quá trình sinh sống giữa các thành viên trong làng với nhau.

Các nghi lễ cũng như các lễ vật dâng cúng liên quan đến quá trình xây nhà trong giai đoạn hiện nay được tối giản hóa cho tiết kiệm kinh tế gia đình. Ngày nay, trước khi dựng nhà, người Thái Đen chuẩn bị đồ lễ gồm có: xôi, gà, chai rượu, trâu cau và mời thầy cúng đến nhà cúng lễ vào dịp đào móng nhà, tục gọi là lễ động thổ. Mục đích của nghi lễ là cầu mong thần thổ công, thổ địa phù hộ đờ tri cho gia chủ trong quá trình xây dựng ngôi nhà được thuận lợi, mọi người sống trong ngôi nhà được bình an, mạnh khỏe; vật nuôi được sinh sôi phát triển... Lễ cúng động thổ xong, chủ nhà đào móng hoặc đặt mấy viên gạch ở bốn góc nhà, sau đó thợ xây tiến hành xây móng, kẻ móng và xây nhà.

Sau khi ngôi nhà xây xong, người Thái Đen tiến hành làm lễ cúng lên nhà mới. Hiện nay, nghi lễ này vẫn được người Thái Đen trong các thôn/ bản duy trì và thực hiện. Tuy nhiên, các nghi lễ vật dâng cúng đã được đơn giản hóa rất nhiều. Ngày nay, lễ lên nhà mới mang nhiều yếu tố của mừng nhà mới. Lúc lên nhà mới, gia chủ chuẩn bị vài mâm cơm mời anh em, bà con láng giềng, bạn bè đến chung vui cùng với gia đình. Đây là buổi lễ ăn liên hoàn để cho người thân của chủ nhà có cơ hội chúc mừng chủ nhà làm được ngôi nhà mới và họ thường mang phong bì thay cho rượu, gạo, gà... như trước đây để chúc mừng cùng với lời chúc tốt đẹp đến gia đình với nội dung “làm ăn phát đạt, lợn đầy chuồng, bò đầy sân”.

Bên cạnh đó, đã xuất hiện một vài phong tục mới liên quan đến ngôi nhà xây hiện nay. Trước hết phải kể đến sự xuất hiện bàn thờ trong hầu hết các ngôi nhà của người Thái Đen ở xã Bình Sơn. Như phần trước đã trình bày, trong ngôi nhà sàn truyền thống của người Thái nơi thờ tổ tiên thường được bố trí ở gian đầu tiên của ngôi nhà. Nơi thờ tổ tiên làm khá đơn giản, chỉ có một quây liếp nửa thành một góc sát chân cột ma nhà, và một ống nứa buộc



hay cắm sát vào chân cột; trên miệng ống nửa cắm vài thẻ hơong hoặc làm một cái bàn thờ đan bằng phen nửa rồi buộc treo lên vách mái nhà và đặt bát hơong lên trên đó. Các nghi lễ liên quan đến tang ma, cưới xin hay những nghi lễ tín ngưỡng, tôn giáo đều được tổ chức ở gian này.

Ngày nay, trong các ngôi nhà đất của người Thái Đen đều làm bàn thờ khá kiên cố, to rộng và được bày đặt tại gian chính giữa của ngôi nhà. Trên bàn thờ đặt bát hơong (tùy thuộc vào số người khuất bóng của gia đình mà số lượng bát hơong nhiều hay ít), lọ hoa, cành vàng bằng vàng mã thường được bày bán tại các ngôi đền, chùa, phủ vào dịp lễ hội đầu năm. Vào những ngày lễ tết, rằm, mùng 1 hàng tháng, người Thái Đen thường mua bánh kẹo, hoa quả hoặc làm cơm canh để dâng cúng ông bà tổ tiên để cầu xin các thần bảo hộ trong gia đình phù hộ cho mọi người được mạnh khỏe bình an, làm ăn thuận lợi, vạn sự tốt lành.

### 3.3. Các yếu tố tác động dẫn đến sự biến đổi nhà cửa

Có rất nhiều yếu tố tác động đến làm biến đổi các giá trị văn hóa truyền thống nói chung và nhà ở nói riêng. Lý giải nguyên nhân biến đổi của loại hình nhà sàn truyền thống, tác giả Nguyễn Khắc Tụng trong cuốn *Nhà ở cổ truyền của các dân tộc ở Việt Nam* cho rằng: “*Quá trình biến đổi loại hình nhà ở có rất nhiều nguyên nhân, sự thay đổi về môi trường sống, sự phát triển kinh tế - xã hội, sự giao lưu văn hóa giữa các dân tộc*”[62, tr.182]. Tuy nhiên, đối với mỗi vùng miền, mỗi địa phương lại có những đặc điểm khác nhau về điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái, sự phát triển kinh tế - xã hội mang tính riêng của địa phương. Do vậy, khi xem xét các yếu tố tác động dẫn đến sự biến đổi các giá trị văn hóa truyền thống ở một địa bàn cụ thể, cần phải đặt nó trong bối cảnh lịch sử, kinh tế và văn hóa của địa phương đó.

Với địa điểm nghiên cứu của luận văn, ngoài các yếu tố về môi trường, điều kiện tự nhiên, kinh tế, sự giao lưu văn hóa giữa các tộc người với nhau thì chính sách và thể chế được xem là yếu tố quan trọng nhất, tác động đầu tiên đến sự biến đổi nhà ở của người Thái Đen ở xã Bình Sơn trong giai đoạn hiện nay.



### 3.3.1. Chính sách và thể chế

Từ khi đổi mới, nhà nước đã đề ra nhiều chính sách phát triển kinh tế - xã hội với mục đích xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân để xóa bỏ khoảng cách giữa thành thị và nông thôn; giữa đồng bằng và miền núi. Các chính sách phát triển kinh tế xã hội đã tác động không nhỏ đến sự biến đổi các giá trị văn hóa truyền thống của tộc người, trong đó có nhà ở.

Bình Sơn là một xã miền núi của huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh Hóa, trước đây khu vực này mới chỉ có người Thái Đen cư trú, chưa có người Kinh đến sinh sống nên khu vực xã Bình Sơn (ngày nay) khá hoang vu, dân cư thưa thớt, mỗi quả đồi chỉ có 1 -2 hộ gia đình người Thái Đen cư trú. Các hoạt động kinh tế của họ chủ yếu là săn bắt hái lượm, khai thác lâm sản, canh tác nương rẫy; lúa nước chiếm diện tích rất ít. Có thể nói, cuộc sống của người Thái Đen ở xã Bình Sơn luôn gắn liền với rừng.

Năm 1992, theo Quyết định số 327-1992/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ về: *Một số chủ trương phủ xanh đất trống đồi núi trọc, bảo vệ rừng và môi trường sinh thái, sử dụng tiềm năng đất trồng ở miền núi, trung du và đồng bằng ven biển, hoàn thiện công tác định canh, định cư với phát triển kinh tế - xã hội*. Để thực hiện chủ trương phủ xanh đất trống đồi núi trọc, định canh, định cư, Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn vận động người Kinh ở một số xã trong huyện có mật độ cư trú đông đúc di dân lên khu vực này để xây dựng, phát triển kinh tế mới. Theo chủ trương, những người Kinh di cư lên khu vực này xây dựng vùng vùng kinh tế mới được nhà nước giao đất, giao rừng, phân lô, phân đất để canh tác và quản lý.

Bên cạnh đó, nhà nước hỗ trợ tiền, giống cây trồng, vật nuôi cho người Kinh di cư để xây dựng và phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống. Ông Hà Minh Tâm cho biết: *“Gia đình tôi di cư lên đây vào năm 1992 theo chủ trương của Đảng và nhà nước. Lúc đó, những hộ gia đình di cư lên đây xây dựng kinh tế mới ở khu vực miền núi phía tây nam huyện Triệu Sơn được hỗ trợ 1 triệu đồng tiền mặt và được hỗ trợ giống cây trồng (cây trè, cây keo),*



*vật nuôi (lợn, vịt, gà) và cán bộ của phòng Khuyến nông, khuyến lâm huyện Triệu Sơn lên phổ biến kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi cho bà con. Thời kì đó, người Kinh di cư lên khu vực này xây dựng vùng kinh tế mới khá đông” (Hà Minh Tâm, Kinh, 62 tuổi, thôn Cây Xe, pv, ngày 28/12/2015).*

Ngọìi Kinh di cư lên khu vực này, họ đã tạo lập những bản làng tái định cư sinh sống đan xen với ngôìi Thái Đen. Ngôìi Kinh di cư lên đây, dần dần đã phá vỡ lối sống sinh hoạt truyền thống của ngôìi Thái. Cùng với chính sách phân lô, phân đất cho ngôìi di cư, ngôìi Kinh đã cộng cư và cư trú đan xen với ngôìi Thái, ngôìi Mơng. Điều này, dẫn đến diện tích cư trú và đất canh tác nông nghiệp, lâm nghiệp của ngôìi Thái trở nên thu hẹp và đồng thời mật độ cư trú trong thôn/bản trong xã Bình Sơn cũng trở nên đông đúc hơn. Trước đây, mỗi một thôn/ bản chỉ có khoảng 10- 15 hộ gia đình; hiện nay, mật độ cư trú mật tập hơn với 50 – 70 hộ gia đình sinh sống. Diện tích đất canh tác thu hẹp dẫn đến hoạt động kinh tế của ngôìi Thái Đen có sự chuyển đổi từ phát, đốt rừng làm nương rẫy, khai thác các lâm- thổ sản trong rừng, chuyển sang định canh định cư, sinh sống và canh tác trên một mảnh đất đã được phân chia quyền sở hữu đất.

Quá trình cư trú đan xen giữa ngôìi Thái, Mơng, Kinh dẫn đến việc các dân tộc học hỏi, tiếp thu văn hóa của nhau là điều tất yếu. Hiện nay, ngôìi Thái Đen ở xã Bình Sơn đã tiếp nhận nhiều yếu tố văn hóa mới từ ăn uống, sinh hoạt, nhà ở cho đến đời sống phong tục, tập quán, tín ngưỡng của ngôìi Kinh. Trong các thôn bản của ngôìi Thái Đen hiện nay đã mất dần bóng dáng của những ngôi nhà sàn truyền thống và thay vào đó là loại hình nhà xây (nhà trệt) giống ngôìi Kinh. Như vậy, có thể nói chính sách chuyển cư lên xây dựng phát triển kinh tế - xã hội ở vùng núi phía tây nam huyện Triệu Sơn đã làm biến đổi những giá trị văn hóa truyền thống không chỉ liên quan đến nhà cửa mà còn thay đổi cả nếp sống, không gian thờ cúng, không gian sinh hoạt bên trong ngôi nhà của ngôìi Thái Đen.



Bên cạnh, chủ trương phủ xanh đất trống đồi núi trọc, định canh, định cư, xây dựng vùng kinh tế mới, nhà nước còn đề ra nhiều chủ trương phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo; đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Ngày 20/7/2004 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 134/ 2004/ QĐ – TTg về “*Một số chính sách hỗ trợ sản xuất, nhà ở và nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, nơi khó khăn nhằm mục đích thực hiện các chương trình phát triển kinh tế xã hội*”. Nhà nước hỗ trợ vốn để đồng bào dân tộc thiểu số nghèo có điều kiện phát triển kinh tế, cải thiện đời sống để sớm thoát nghèo; trong đó, Bình Sơn là một xã miền núi nghèo của huyện Triệu Sơn nơi có người Thái và Mường sinh sống nên được hưởng chương trình 134 của Nhà nước. Chương trình 134 đã đầu tư cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm), hỗ trợ ngân sách, cho vay vốn ngân hàng với lãi suất ưu đãi để phát triển kinh tế và hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi nhằm phát triển kinh tế- xã hội.

*Về nhà ở:* Đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số được xếp vào diện nghèo hiện chưa có nhà ở hoặc nhà ở quá tạm bợ hay nhà ở bị hư hỏng, dột nát..., thì nhà nước sẽ hỗ trợ cho người dân làm nhà để có nhà ở kiên cố. Với chính sách phát triển kinh tế - xã hội, những gia đình người Thái Đen ở xã Bình Sơn thuộc diện hộ nghèo, có điều kiện kinh tế khó khăn, ở nhà tạm, nhà dột nát được nhận sự hỗ trợ vốn từ chương trình 134. Bà Lò Thị Sâm cho biết: “*Được sự hỗ trợ của chương trình 134, năm 2005 gia đình tôi thuộc diện nghèo, được dự án hỗ trợ 5.000.000đ và ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn huyện Triệu Sơn cho mỗi hộ gia đình vay 8.000.000đ với lãi suất thấp để xóa nhà tạm bợ, xây dựng nhà kiên cố. Thời điểm đó, trong địa bàn xã có nhiều hộ gia đình người Thái Đen thuộc diện hộ nghèo cũng được nhà nước hỗ trợ kinh phí để xây dựng nhà kiên cố. Nhờ đó mà có nhiều ngôi nhà xây kiên cố đã mọc lên thay thế cho ngôi nhà sàn truyền thống trước đây*”(Lò Thị Sâm, 65 Tuổi, thôn Bồn Dồn, pv, 25/12/2015).

Như vậy, có thể thấy chương trình 134 đã tác động không nhỏ đến việc thay đổi loại hình nhà ở truyền thống của người Thái Đen ở xã Bình Sơn, chỉ



trong 5 năm thực hiện chương trình này mà bộ mặt nông thôn ở các xã miền núi thuộc diện nghèo, khó khăn đã có những khởi sắc đáng kể. Tình trạng nhà ở tạm bợ, dột nát nhờ trợ cấp đã được thay thế bằng những ngôi nhà trệt khang trang, sạch đẹp.

Đến ngày 12/12/ 2008, với quyết số: 167/2008/QĐ-TTg về: *Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở* nhằm mục đích cùng với việc thực hiện các chính sách thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010, Nhà nước trực tiếp hỗ trợ cho các hộ nghèo để có nhà ở ổn định, an toàn, từng bước nâng cao mức sống, góp phần xoá đói, giảm nghèo bền vững. Nhà nước hỗ trợ, cấp vốn cho những hộ gia đình nghèo xây dựng nhà ở kiên cố. Nhờ có chính sách hỗ trợ vốn và vay vốn ưu đãi mà nhiều hộ gia đình người Thái Đen đã xoá bỏ nhà sàn, nhà ở xập sệ, dột nát sang loại hình nhà xây (nhà đất) kiên cố.

Nhìn chung, các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đã tác động không nhỏ đến người dân, cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm)

được đầu tư phát triển; đời sống nhân dân từng bước được nâng cao; khoảng cách giữa miền xuôi và miền ngược được thu hẹp. Sự giao lưu kinh tế - văn hóa giữa miền xuôi và miền ngược cũng dẫn đến việc nối hẹp khoảng cách giữa hai miền: miền núi và đồng bằng. Bên cạnh đó, dẫn đến sự biến đổi các giá trị văn hóa truyền thống của tộc người Thái Đen chung và loại hình nhà ở nói riêng.

### **3.3.2. Yếu tố môi trường**

Môi trường sinh thái, điều kiện tự nhiên đã tác động thường xuyên đến loại hình nhà ở, bao gồm các yếu tố, như: đất đai, khí hậu, sông ngòi, động-thực vật, nhiệt độ, độ ẩm.... Để thích ứng với điều kiện tự nhiên và môi

trường sinh thái, con người đã lựa chọn loại hình nhà ở phù hợp với mục đích sinh tồn. Nhà sàn là loại hình nhà ở truyền thống của cộng đồng dân sinh sống ở khu vực vùng thung lũng, miền núi và nó được làm chủ yếu bằng các nguyên vật liệu có sẵn trong tự nhiên (gỗ, tre, nứa, song mây, lá cọ...) tại địa phương.

Trojąc đây (1980), người Thái Đen ở xã Bình Sơn cư trú ở trong khu rừng

già nguyên sinh nên người dân thường vào rừng để khai thác gỗ, tre, nứa, song mây, lá cọ... để làm nhà, chứ không phải mua nguyên vật liệu giống như người Kinh ở dưới miền xuôi. Từ năm 1986, Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước; nhà nước có chủ trương giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình, cho các đơn vị sản xuất và quản lý rừng. Chủ trương “giao đất giao rừng” được nhấn mạnh trong Chỉ thị 29-CT/TU, ký ngày 12/11/1983 với nội dung: “*Làm cho mỗi khu đất, mỗi cánh rừng, mỗi quả đồi đều có người làm chủ*”. Kể từ đó, Chính phủ đã thực hiện các cơ chế chính sách nhằm thực hiện hóa nội dung trong Chỉ thị đã đề ra.

Cùng với chính sách “giao đất, giao rừng” cho người dân làm chủ canh tác và quản lý. Rừng từ vô chủ chuyển sang có chủ, người dân không thể vào rừng tự do khai thác lâm sản, nguyên vật liệu (tranh, tre, nứa, lá) để làm nhà như trước đây nữa. Sự thay đổi về điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái là một trong những nguyên nhân khó khăn trong việc tìm kiếm nguyên liệu làm nhà; trong đó có gỗ, tre, nứa, song mây, lá cọ, cỏ tranh để lợp mái nhà.

Ngày nay, do đốt rừng làm nương rẫy, canh tác trồng cây lâm nghiệp, cây công nghiệp ngăn ngày dẫn đến những cánh rừng nguyên sinh không còn nữa, nguồn tài nguyên trong rừng ngày càng cạn kiệt; đặc biệt là gỗ. Với các vật liệu thường sử dụng làm nhà (tre, nứa, song mây, lá cọ...) cũng trở nên khan hiếm. Hiện nay, muốn dựng một ngôi nhà sàn truyền thống thì phải chuẩn bị rất nhiều năm và mất rất nhiều tiền để mua nguyên vật liệu.

Nguyên liệu để dựng ngôi nhà sàn truyền thống như trước đây không còn nữa nên đồng bào đã chuyển sang sử dụng vật liệu bán sẵn ở ngoài thị trường, vừa tiện lợi và giá thành cũng hợp lý. Điều này, dẫn đến xu hướng biến đổi chuyển từ vật liệu truyền thống (gỗ, tre, nứa, lá cọ...) sang các vật liệu được sản xuất công nghiệp (gạch, ngói, xi măng, cốt thép, đinh, bản lè, mái tôn...)

### **3.3.3. Yếu tố kinh tế**

Yếu tố kinh tế cũng là một trong những nhân tố hết sức quan trọng, có tác động đáng kể đối với sự biến đổi văn hóa vật chất nói chung và nhà ở của



người Thái Đen nói riêng. Trong khoảng 20 năm trở lại đây, cùng với chính sách phát triển kinh tế, xã hội của chính phủ đã làm cho đời sống của người dân thay đổi theo chiều hướng ngày càng nâng cao. Cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm) được đầu tư phát triển, giao thông liên thôn, liên xã đi lại khá thuận tiện. Vấn đề giao thương buôn bán giữa miền xuôi và miền ngược trở nên thuận lợi hơn trước đây rất nhiều.

Đặc biệt, trong khoảng 20 năm trở lại đây, cùng với sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, chế độ quan liêu bao cấp và nền kinh tế kế hoạch hóa áp đặt từ trên xuống dưới không còn phù hợp nữa nên các thành phần kinh tế có cơ hội phát triển. Bên cạnh nền kinh tế nông nghiệp truyền thống, người Thái ở xã Bình Sơn đã xuất hiện thêm kinh tế vườn rừng, vườn cây ăn quả. Nhiều yếu tố của kinh tế hàng hóa đã len lỏi đến các thôn/bản của người Thái Đen. Vấn đề buôn bán trao đổi hàng hóa ngày càng được thuận lợi và có nhiều sản phẩm để lựa chọn. Với các sản phẩm nông - lâm sản của người dân đều có thương lái hay công ty, nhà máy đến tận nhà, tận bản thu mua, hàng hóa không bị ngưng đọng, thu nhập của các hộ dân trong bản tương đối ổn định, cuộc sống khởi sắc từng ngày. Và một điều đặc biệt, trong khoảng 5 – 7 năm trở lại đây, đã có nhiều thanh niên nam nữ người Thái Đen di cư ra khu vực đô thị để làm ăn kinh tế. Họ làm công nhân trong các khu công nghiệp ở Thanh Hóa, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai... Thu nhập hàng tháng của những người dân đi làm công nhân tương đối cao so với thu nhập tại địa phương. Những người đi làm ăn xa, họ tiết kiệm được một số vốn nhất định rồi trở về quê lập nghiệp, xây dựng gia đình và phát triển kinh tế tại địa phương. Theo tâm lý và xu thế chung, những hộ gia đình có kinh tế khá giả, họ thường xây dựng nhà cửa to cao, kiên cố hơn.

Một trong những nhân tố tác động trực tiếp đến sự chuyển biến từ nhà sàn sang nhà xây (nhà đất) đó là: xây nhà sàn chi phí cao hơn là xây nhà xây. Bác Hà Văn Trung chia sẻ: *“Hiện nay, muốn dựng một ngôi nhà sàn phải mất*



400 – 500 triệu đồng, chi phí mua nguyên liệu, trả công cho thợ lá rất lớn. Trong khi, dựng nhà xây chỉ cần khoảng 50 – 70 triệu là có thể xây được một ngôi nhà cấp bốn to rộng” (Hà Văn Trung, 55 tuổi, thôn Thoi, PV ngày 28/12/2015). Do vậy, để tiết kiệm chi phí, người dân có xu hướng lựa chọn loại hình nhà xây bở: nguyên vật liệu xây dựng nhà xây rẻ hơn nguyên liệu làm nhà sàn. Thời gian xây dựng ngắn hơn, với khoảng 3-5 tháng từ công chuẩn bị nguyên liệu đến xây dựng hoàn thành và đi liền với việc rút ngắn thời gian xây dựng là tiền công chi trả cho người thợ cũng được giảm bớt so với làm nhà sàn truyền thống. Với những ưu điểm vượt trội về mặt kinh tế nên loại hình nhà xây đã được hầu hết người Thái Đen ở xã Bình Sơn lựa chọn làm nhà ở hiện nay.

#### **3.3.4. Sự giao lưu văn hóa giữa các dân tộc**

Môi trường giao lưu văn hóa giữa các vùng ngày càng được mở rộng. Đây cũng là nhân tố mới tác động đến lối sống, sinh hoạt và văn hóa truyền thống của người Thái Đen ở Thanh Hóa nói chung và người Thái ở xã Bình Sơn nói riêng. Cũng giống như các khu vực lãnh thổ khác ở Việt Nam, vùng miền núi Thanh Hóa không có sự phân chia rõ ràng về không gian cư trú của mỗi dân tộc theo từng bản làng mà thường có từ hai đến ba dân tộc trở lên cư trú đan xen trong cùng một địa vực hành chính.

Từ khi đổi mới đến nay và cùng với chủ trương, chính sách xây dựng vùng kinh tế mới, một bộ phận người Kinh đã có mặt ở xã Bình Sơn. Họ đến khu đến khu vực này lập nghiệp và mang theo các giá trị văn hóa của mình lên vùng đất mới nên đã tác động mạnh vào nhận thức của người Thái Đen ở xã Bình Sơn. Bởi vậy, trong quá trình cư trú đan xen giữa người Kinh với người Thái, cả hai dân tộc này đều có ảnh hưởng lẫn nhau (canh tác trên nương rẫy, lúa nương, chăn nuôi...); trong đó người Thái Đen tiếp thu văn hóa của người Kinh nhiều hơn, nhất là về nhà cửa, trang phục, phong tục, tập quán, hôn nhân, tang lễ... Sự giao lưu văn hóa giữa hai tộc người nêu trên đã tạo nên những tiếp biến trong các giá trị văn hóa truyền thống. Chính quá trình này đã tác động mạnh mẽ tới bản sắc



văn hóa tộc người. Do đặc điểm lịch sử tộc người cũng như môi trường cư trú nên sự ảnh hưởng văn hóa của người Kinh tới văn hóa người Thái Đen khá mạnh mẽ và đa dạng trong bối cảnh hiện nay.

### 3.3.5. Sự thay đổi nhận thức của người dân

Trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay, người dân ở xã Bình Sơn nói chung và người Thái Đen nói riêng ngày càng được tiếp cận với nhiều nguồn thông tin khác nhau. Đặc biệt là giới trẻ đã tiếp cận thông tin truyền thông rất nhanh (ti vi, báo đài, báo điện tử, mạng xã hội zalo, facebook...) đã làm cho tính khép kín của xã hội truyền thống của người Thái Đen ở Bình Sơn dần dần bị phá vỡ. Từ đó, tâm lý và quan niệm về truyền thống của cá nhân, gia đình, cộng đồng cũng đã được thay đổi, các giá trị văn hóa mới được người dân chọn lọc, tiếp nhận; những văn hóa được xem là không phù hợp với giai đoạn hiện nay thì cũng được hủy bỏ, như ốm đau thì đi bệnh viện, trạm xá xã khám và điều trị bệnh chứ không tổ chức mời thầy mo về nhà cúng lễ chữa bệnh.

Sự thay đổi loại hình nhà ở là chuyển từ nhà sàn sang loại hình nhà xây. Loại hình kiến trúc nhà ở điển hình của người Kinh là nhà trệt, cũng đã cho thấy, sự giao lưu và tiếp nhận các yếu tố văn hóa mới của dân tộc chủ thể ngày càng tác động mạnh mẽ đến văn hóa của dân tộc thiểu số, trong đó có người Thái Đen ở Bình Sơn. Tuy nhiên, khi được hỏi mong muốn của người Thái ở xã Bình Sơn họ thích ở nhà sàn hay nhà trệt như hiện nay thì câu trả lời cho thấy sự khác biệt trong suy nghĩ của mỗi thế hệ là khác nhau.

Đối với những bậc cao niên, trung niên đã từng sinh sống và gắn bó với ngôi nhà sàn của mình thì trong thâm tâm của họ vẫn muốn gìn giữ bảo lưu loại hình nhà ở truyền thống của dân tộc mình. Bác Lò Thị Tâm chia sẻ: “*Xem trên ti vi thấy khu vực Sơn La, Lai Châu, người Thái ở đó vẫn sống trong những ngôi nhà sàn, nhìn đẹp lắm. Tự dưng lúc đó lại nhớ về ngôi nhà sàn truyền thống của ông bà trước đây. Trong thâm tâm tôi vẫn muốn ở ngôi nhà sàn vì nó sạch sẽ và thoáng mát. Ở nhà sàn mát và thoáng hơn ở nhà trệt, mỗi*



*một gian có một cửa sổ, gió mát nhiều khi ở trong nhà không cần phải bật quạt. Sinh hoạt trên nhà sàn cũng có nhiều cái thuận tiện. Trước đây, ở nhà gác (nhà sàn) ngoài không gian sinh hoạt, người ta nói thêm một cái sàn ở phía sau để giặt giũ, phơi phóng, đi tiểu tiện... rất thuận lợi, không phải đi xuống gầm sàn nhà. Hơn nữa, đây là nhà truyền thống của người Thái thì mình phải biết quý trọng văn hóa của tổ tiên, ông bà đã làm ra” (Lò Thị Tâm,*

*58 tuổi, . Cũng đồng quan điểm với người dân địa phương, bác Hà Thị Quyên tâm sự: “Thật sự, để mất nhà sàn của ông cha thâm tâm tôi rất tiếc. Trước*

*đây, khi cha mẹ mất có để lại nhà cho con cái, tôi là phận gái đi lấy chồng theo nhà chồng, nên nhà để lại cho cậu em, sau đó người em đem bán nhà sàn cho người Kinh ở miền xuôi. Lúc đó, như trào lưu ấy, trong bản có một vài người bán là một số gia đình khác cũng bán nhà sàn luôn và họ được sự hỗ trợ tiền vốn để xây nhà kiên cố nên người Thái Đen ở xã Bình Sơn đã ô ạt chuyển sang xây dựng nhà xây giống như nhà của người Kinh. Giờ có muốn dựng lại nhà sàn thì cũng không thể nào có đủ kinh phí, vì tiền mua gỗ, tiền công thợ mộc làm nhà sàn hiện nay là rất lớn”. (Hà Thị Quyên, 62 tuổi, thôn Bồn Dôn, pv, ngày 26.3.2016)*

Trái lại, với đôi toạng là thanh thiếu niên, họ thích ở nhà xây (nhà trệt) hơn là ở nhà sàn. Anh Hà Văn Trung tâm sự: “*Dẫu biết nhà sàn là loại hình nhà ở truyền thống của người Thái, nhưng ngày nay, thời đại mới mang tính xu thế hòa nhập với người Kinh, những gì hay, tốt, tiện lợi và mới thì mình nên học hỏi, tiếp nhận. Hiện nay, cả làng chuyển sang ở nhà xây, chẳng nhẽ một mình nhà mình ở nhà sàn. Sống thì phải theo bản làng, theo mọi người chứ. Ngày nay, nguyên liệu gỗ làm nhà lại rất khó khăn. Nếu làm nhà sàn mà không chọn các loại gỗ tốt mà dựng ở dưới chân núi, vào tháng 7, 8 âm lịch, ở địa phương thường có gió bão, lũ lụt, sạt lở đất tràn vào gầm sàn nhà thì rất nguy hiểm. Bởi vậy, người Thái chuyển sang ở nhà xây là hoàn toàn hợp lý, vừa rẻ, vừa tiện, vừa đẹp” (Loọng Văn Trung, 35 tuổi, pv 27.3.2016)*



### **TIỂU KẾT CHƯƠNG 3**

Sự biến đổi đầu tiên và quan trọng nhất trong ngôi nhà của người Thái nói chung và người Thái Đen ở xã Bình Sơn nói riêng là biến đổi về loại hình. Loại hình nhà ở truyền thống của người Thái là nhà sàn nhộng trong những năm trở lại đây, người Thái có xu hướng chuyển sang loại hình nhà xây với đa dạng kiểu kiến trúc (nhà ngói, nhà xây lợp mái tôn, nhà tầng, biệt thự, nhà mái bằng). Ngôi nhà của người Thái hiện nay đã tiếp nhận nhiều yếu tố mới, từ nguyên vật liệu, công cụ đo lường, đội ngũ thợ làm nhà, kỹ thuật dựng nhà, các phong tục, tập quán liên quan đến ngôi nhà, cách thay đổi trong bố trí và sử dụng không gian trong ngôi nhà. Tiêu biểu cho sự biến đổi về mặt bằng sinh hoạt là việc tách bếp ra khỏi không gian sinh hoạt trên ngôi nhà.

Sự biến đổi nhà ở của người Thái Đen ở xã Bình Sơn hiện nay là do tác động và ảnh hưởng của nhiều yếu tố: chính sách & thể chế, môi trường sinh thái, kinh tế, sự thay đổi nhận thức của tộc người. Trong đó, chính sách và thể chế là yếu tố quan trọng, tác động nhiều nhất đến sự thay đổi các giá trị văn hóa truyền thống của người Thái nói chung và thành tố nhà ở nói riêng.



## KẾT LUẬN

1. Người Thái ở xã Bình Sơn thuộc nhóm Thái Đen, có lịch sử di cư từ vùng Quang Sơn, Bá Thước từ thời chạy loạn trong chiến tranh. Trước năm 1975 người Thái ở xã Bình Sơn cư trú ở khu vực riêng. Nhưng từ năm 1990 cùng với chính sách phủ xanh đất trống đồi núi trọc, định canh định cư. Nhà nước đã vận động người Kinh lên xây dựng kinh tế mới ở vùng Tây Nam

Triệu Sơn. Từ đó, người Thái cư trú và sinh sống đan xen với người Kinh và người Mường. Quá trình phát triển kinh tế xã hội cùng với sự giao lưu văn hóa giữa các tộc người dẫn đến sự biến đổi các giá trị văn hóa truyền thống của người Thái Đen và biến đổi nhà ở cũng không nằm ngoài quy luật đó.

2. Nhà sàn là loại nhà ở truyền thống của người Thái đen ở xã Bình Sơn. Người Thái phân chia nhà sàn thành 2 loại: nhà sàn cột chôn và nhà sàn cột kê. Quá trình làm nhà trải qua nhiều bước: chuẩn bị vật liệu làm nhà, kỹ thuật đục

đẽo, cất dựng và quy trình dựng nhà. Ngôi nhà truyền thống của người Thái được chia làm các gian khác nhau, mỗi một gian có tên gọi, chức năng khác nhau. Việc phân chia không gian như vậy có ý nghĩa xã hội nhất định, gắn với những quy định, quy tắc ứng xử của cộng đồng tộc người đối với không gian sinh hoạt chung của gia đình. Quá trình làm nhà cũng gắn liền với các nghi lễ tín ngưỡng như: chọn đất, chọn hướng, chọn ngày giờ để dựng nhà và lễ cúng thần đất, lễ dựng đòn nóc, lễ lên nhà mới.

3. Trong giai đoạn hiện nay, ngôi nhà của người Thái ở xã Bình Sơn đang có xu hướng biến đổi, chuyển từ nhà sàn sang nhà xây (nhà trệt) giống

người Kinh với đa dạng các kiểu kiến trúc (nhà ngói, nhà xây lợp mái tôn, nhà tầng, biệt thự, nhà mái bằng). Ngôi nhà của người Thái hiện nay đã tiếp nhận nhiều yếu tố mới, từ nguyên vật liệu, công cụ đo lường, đội ngũ thợ làm nhà, kỹ thuật dựng nhà, các phong tục, tập quán liên quan đến ngôi nhà, cách

thay đổi trong bố trí và sử dụng không gian trong ngôi nhà. Tiêu biểu cho sự biến đổi về mặt bằng sinh hoạt là việc tách bếp ra khỏi không gian sinh hoạt trên ngôi nhà.

4. Sự biến đổi nhà ở của người Thái Đen ở xã Bình Sơn hiện nay là do tác động và ảnh hưởng của nhiều yếu tố: chính sách & thể chế, môi trường sinh thái, kinh tế, sự thay đổi nhận thức của tộc người. Trong đó, chính sách và thể chế là yếu tố quan trọng, tác động nhiều nhất đến sự thay đổi các giá trị văn hóa truyền thống của người Thái nói chung và thành tố nhà ở nói riêng.



## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Vi Văn An (1988), *Đôi nét về dòng họ của người Thái ở vùng đường 7 tỉnh Nghệ Tĩnh*, Tạp chí Dân tộc học, số 3.
2. Vi Văn An (1993), *Góp thêm tư liệu về tên gọi và lịch sử của các nhóm Thái vùng đường 7 tỉnh Nghệ An*, Tạp chí Dân tộc học số 2.
3. Artha Nantachukra (1998), *Các giá văn hóa vật chất của người Thái ở miền núi Nghệ An*, Luận án tiến sĩ Sử học, Đại học khoa học xã hội và nhân văn.
4. Vi Văn Biên (2006), *Văn hóa vật chất của người Thái ở Thanh Hóa và Nghệ An*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Phượng Châm (2009): *Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay*, Nxb Văn hóa – Thông tin.
6. Bé Viết Đăng (1988), *Một số vấn đề về lịch sử văn hóa tộc người và những đặc điểm chủ yếu của văn hóa các dân tộc Tày – Thái*, Tạp chí Dân tộc học, số 4
7. Mạc Đương (1964), *Các dân tộc ở miền núi Bắc Trung bộ*, Nxb Sử
8. Nguyễn Thị Hòa (1996), *Nhà ở và sinh hoạt nhà ở của người Êđê ở Việt Nam*, luận án Phó Tiến sĩ Khoa học lịch sử, Viện Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh.
9. Nguyễn Văn Huy (1997), *Bức tranh văn hóa các dân tộc Việt Nam* ,
10. Nguyễn Văn Huy, Cẩm Trọng, Vi Văn An, Võ Thị Thọ (2005), *Người Thái ở Việt Nam*, tài liệu Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.
11. Nguyễn Văn Huyền (1995), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, tập 1, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Nguyễn Văn Huyền (2003), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*,

trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia.

13. Đặng Thái Hoàng, Cẩm trọng (1980), *Kiến trúc nhà sàn Thái*, Nxb Văn hóa Dân tộc , Hà Nội.

14. Lê Quang Họng (chủ biên), Nguyễn Văn Thắng, Mai Thị Hạnh (2015), *Sự biến đổi văn hóa truyền thống vùng ven đô Hà Nội trong bối cảnh đô thị hóa*, Nxb thế giới.

15. Nguyễn Thị Hằng (2015), *Những biến đổi văn hóa và tính cấu kết cộng đồng Mường hiện nay* (Nghiên cứu trường hợp dân tộc Mường, tỉnh Hòa Bình), luận án TS. Xã hội học, Trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn.

16. Lê Sỹ Giáo (1979), *Vài nét về quan hệ của người Thái ở Mường Ca*

17. Lê Sỹ Giáo (1998), *Về bản chất và ý nghĩa tên gọi Thái Trắng, Thái Đen ở Việt Nam*, Tạp chí Dân tộc học số 2.

18. Lê Sỹ Giáo (1991), *Đặc điểm phân bố các tộc người ở miền núi Thanh Hóa*, Tạp chí Dân tộc học số 2.

19. Lê Sỹ giáo (1995), *Lần tìm cội nguồn lịch sử của người Thái ở Thanh Hóa*, Tạp chí Dân tộc học, số 3.

20. PGS.TS. Lê Sỹ Giáo - Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQGHN (18/3/2013), *Biến đổi văn hóa của cư dân Tày – Thái Việt Nam ven sông Hồng trong bối cảnh toàn cầu hóa*, theo <http://laocai.gov.vn/sites/sovhttdl/thongtinphattriennganh/hoithaokhoahoc/Trang/20130318162030.aspx>

21. Nguyễn Quỳnh Giang (2002), *Văn hóa dân tộc Thái – một tiềm năng phát triển du lịch từ thị xã Sơn La*, luận văn tốt nghiệp (chuyên ngành du lịch),

Đại học Văn hóa

22. Hoàng Lợiong (2001), *Về người Thái Đen ở Việt Nam*, Tạp chí Dân tộc học, số 1

23. Phạm Văn Lợi (2005), *Nhà ở của người Triêng ở Việt Nam*, luận án Tiến sĩ lịch sử chuyên ngành Dân tộc học, Học Viện Khoa học Xã hội

24. Đinh Văn Lành (2000), *Bước đầu tìm hiểu thân thoại Tây Bắc*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội

25. Vi Trọng Liên (1998), *50 món ăn thông thường của người Thái văn hóa và lịch sử người Thái ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
26. Vi Trọng Liên (2002), *Vài nét về người Thái ở Sơn La*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
27. Chu Thái Sơn, Cẩm Trọng (2005), *Người Thái*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
28. Nhà, theo <https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0>
29. Hoàng Nam – Lê Ngọc Thắng (1984), *Nhà sàn Thái*, nhà xuất bản văn hóa.
30. Lâm Bá Nam (1992), *Mối quan hệ Thái – Mường (lịch sử và hiện đại)*, Kỷ yếu hội thảo Thái học lần thứ nhất, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
31. PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh (2009), *Nghiên cứu biến đổi văn hóa truyền thống các Dân tộc thiểu số Quảng Bình – Các giải pháp bảo tồn và phát huy*, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế.
32. Hồ Chí Minh (1995): *Toàn tập* - NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 3,
33. Phạm Thị Mùi, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, *Biến đổi văn hóa vật chất của người Lào Lùm dưới tác động của toàn cầu hóa*.
34. Võng Xuân Tình, Trần Hồng Hạnh (2012), *Phát triển bền vững văn hóa tộc người trong quá trình hội nhập kinh tế vùng Đông Bắc*, nhà xuất bản khoa học xã hội.
35. Phạm Minh Phúc (2012), *nhà ở của người Dao áo dài ở tỉnh Hà Giang*, luận án Tiến sĩ Nhân học, Học Viện Khoa học Xã hội .
36. Nguyễn Khắc Tụng (1994), *Nhà ở cổ truyền các dân tộc ở Việt Nam* tập 1, Nxb Xây Dựng, Hà Nội.

37. Nguyễn Khắc Tụng (1994), *Nhà ở cổ truyền các dân tộc ở Việt Nam* tập 1, Nxb Xây Dựng, Hà Nội.

38. Đào Quang Tô (2011), *Tục dựng nhà mới và lễ mừng nhà mới của người Thái đen họ Mè, bản Tùm, xã Chiềng Khoi, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

39. Lê Ngọc Thắng (1988), *Trang phục Thái với những chức năng xã hội*, Tạp chí Dân tộc học, số 4.
40. Lê Ngọc Thắng (1990), *Nghệ thuật trang phục Thái*, Nxb văn hóa Dân tộc
41. Lê Ngọc Thắng (1991), *Trang phục cổ truyền của người Thái ở Tây*
42. Lê Ngọc Thắng (1998), *Trang phục Thái trong những quan hệ văn hóa*, tạp chí Dân tộc học số 2.
43. Phạm Văn Thắng (1982), *Những thay đổi về nhà cửa của người Cao Lan, ở huyện Sơn Động, tỉnh Hà Bắc*, luận văn tốt nghiệp chuyên ngành Dân tộc học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
44. Cẩm Trọng (1992), *Từ những tên gọi của từng dân tộc của từng dân tộc trong cộng đồng ngôn ngữ Tày – Thái chúng ta có thể nghiên cứu gì nguồn gốc của họ*, Tạp chí Dân tộc học, số 4
45. Trần Ngọc Thêm (2/4/2014), *Khái luận về văn hóa*, theo <http://www.vanhoahoc.vn/nghien-cuu/ly-luan-van-hoa-hoc/llvh-nhung-van-de-chung/2569-tran-ngoc-them-khai-luan-ve-van-hoa.html>
46. Tỉnh ủy- Hội đồng nhân dân – Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, *Địa chí Thanh Hóa, tập 1 – Địa lý và lịch sử* (12/2000), nhà xuất bản văn hóa Thông tin
47. Võng Trung (1997), *Nhà sàn cổ người Thái Việt Nam*, nhà xuất bản văn hóa dân tộc.
48. Cẩm Trọng, Phan Hữu Dật (1995), *Văn hóa Thái Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
49. Cẩm Trọng (2005), *Những hiểu biết về người Thái ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

50. Cầm Trọng (1978), *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

51. Trường Đại học quốc gia Hà Nội (1998), *Văn hóa và lịch sử của người Thái ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

52. Đặng Nghiêm Vạn (1965), *Sơ lược về sự thiên di của các bộ tộc Thái vào Tây Bắc Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 108.

53. Đặng Nghiêm Vạn, Cẩm Trọng, Khả Văn Tiến, Tông Kim Ân (1977), *Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

54. Đặng Nghiêm Vạn chủ biên (1977), *Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

55. Đặng Nghiêm Vạn (1965), *Sơ lược về sự thiên di của các bộ tộc Thái vào Tây Bắc Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 78

56. Đặng Nghiêm Vạn chủ biên (1977), *Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

57. Đặng Nghiêm Vạn (1974), *Bước đầu tìm hiểu tìm hiểu lịch sử phân bố dân cư ở miền núi tỉnh Nghệ An*, Tạp chí Dân tộc học, số 2.

58. M.o.Kosven, *Sơ yếu lịch sử văn hóa nguyên thủy* (Bản dịch tiếng Việt) Tr. 130 – 132

59. *Theory of Culture Change (1955)*,  
<http://www.indiana.edu/~wanthro/eco.htm>

60. 文化生态学学科起源 (Thuyết sinh thái học văn hóa),  
<http://baike.baidu.com>.



## PHỤ LỤC 1

### MỘT SỐ VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN VĂN



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ  
TRƯỞNG

\*\*\*\*\*

Số: 327-CT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\*\*\*\*\*

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 1992

## QUYẾT ĐỊNH

VỀ MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG,  
ĐỒI NÚI TRỌC, RỪNG, BÃI BỒI VEN BIỂN VÀ MẶT NƯỚC

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

*-Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;  
Để trong 10 - 15 năm tới, cơ bản phủ xanh đồi núi trọc, bảo vệ được rừng, và  
môi trường sinh thái, sử dụng tiềm năng đất trồng ở miền núi trung du, bãi  
bồi ven biển và mặt nước nhằm tăng thêm sản phẩm hàng hoá và nguyên liệu  
cho công nghiệp; hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư, gắn kinh tế  
với xã hội, từng bước ổn định cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh  
thần của đồng bào vùng kinh tế mới, đồng bào các dân tộc, góp phần tích lũy  
cho Nhà nước và củng cố quốc phòng, an ninh.*

### QUYẾT ĐỊNH:

#### I- CHỦ TRƯỞNG:

**Điều 1.** Theo phương hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, các cấp, các ngành động viên cao độ sức lực, trí tuệ, tiền của của mọi thành phần kinh tế dưới nhiều hình thức và mức độ khác nhau, tham gia các dự án về sử dụng đất trồng, đồi núi trọc, rừng, bãi bồi ven biển và mặt nước. Các tỉnh có đất trồng, đồi núi trọc xây dựng các dự án, sử dụng hết đất đai của tỉnh mình; những tỉnh không còn đất trồng, đồi trọc xây dựng dự án chuyển dân tham gia các dự án ở ngoài tỉnh.



**Điều 2.** Việc xây dựng các dự án phải phù hợp với khả năng đầu tư của nhân dân và Nhà nước; lấy các dự án ở các vùng biên giới, định canh, định cày làm trọng điểm; ưu tiên thực hiện các dự án mang lại hiệu quả nhanh. Dựa vào các nông lâm trường hiện có kể cả nông, lâm trường quân đội làm nòng cốt; nơi chưa có nông, lâm trường, thì xây dựng các dự án mới với quy mô một xã, một bản. Các dự án về lâm nghiệp, cây công nghiệp, chăn nuôi đều phải hình thành một cơ cấu sản xuất phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa các ngành lâm nghiệp, nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, phát triển sản xuất hàng hoá, gắn công nghiệp chế biến, gắn với thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước. Kết hợp chặt chẽ phát triển các cây, con chủ lực với cây, con hỗ trợ, cây dài ngày với cây ngắn ngày. Tăng thêm diện tích rừng cấm quốc gia, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn; quy định rõ các nơi cấm khai thác, nơi được khai thác gỗ, củi hoặc lâm sản khác.

**Điều 3.** Lấy hộ gia đình làm đơn vị sản xuất, lấy doanh nghiệp quốc doanh hoặc đơn vị kinh tế tập thể làm chỗ dựa; xây dựng kinh tế vườn đối với hộ gia đình. Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa các hộ với cộng đồng, với các thành phần kinh tế tập thể quốc doanh trên địa bàn nhằm phát triển mạnh sản xuất, bảo đảm lợi ích của mỗi hộ, đồng thời làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước và tập thể; gắn phát triển kinh tế với mở rộng các phúc lợi xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng nông thôn mới.

**Điều 4.** Ổn định các bản đã định canh, định cày; đồng thời xây dựng các dự án định canh định cày mới theo quy mô một bản; thực hiện dứt điểm, có hiệu quả việc chuyên đồng bào các bản còn du canh, du cày đốt phá rừng làm rẫy, sang định canh làm nghề rừng, trồng cây công nghiệp, cây lợng thực, làm kinh tế vườn và chăn nuôi tạo ra sản phẩm hàng hoá.

**Điều 5.** Việc xây dựng và thực hiện các dự án sản xuất phải kết hợp ngay từ đầu việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm và bảo vệ môi trường sinh thái.



## II- CHÍNH SÁCH

### A. chính sách giao đất và giao rừng:

**Điều 6.** Đối với các dự án về trồng các loại rừng: phòng hộ, đặc dụng sản xuất trên đồi núi trọc, bãi cát ven biển và các dự án về bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh rừng các loại, kể cả dự án bảo vệ rừng giàu, tùy theo thứ tự ưu tiên, quỹ đất đai, khả năng lao động từng hộ, điều kiện dân cư sinh sống tại chỗ hoặc mới đến và khả năng đầu tư của Nhà nước, khả năng vốn, lao động của các thành phần kinh tế, mỗi hộ (kể cả đồng bào định canh, định cư) được giao hoặc khoán một số diện tích để trồng mới rừng hoặc để bảo vệ, khoanh nuôi và tái sinh rừng. Quy mô mỗi dự án từ 5.000- 10. 000 ha tùy theo từng loại dự án, tương ứng một xã hoặc một bản đối với vùng cao để hình thành một đơn vị cơ sở về hành chính - kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, phù hợp khả năng đầu tư của Nhà nước và của nhân dân.

Đối với các dự án thuộc vùng rừng thông lấy nhựa (vừa là rừng, vừa là cây công nghiệp) cần xây dựng mỗi dự án có quy mô tối đa 3.500 ha; mỗi hộ được giao hoặc khoán một số diện tích phù hợp với khả năng lao động, vốn đầu tư để trồng mới hoặc quản lý, bảo vệ, chăm sóc và chuẩn bị khai thác.

Ngoài diện tích đất rừng được giao hoặc khoán nói trên, tùy theo quỹ đất nông nghiệp và khả năng lao động mà giao thêm cho mỗi hộ một diện tích đất có khả năng nông nghiệp để trồng cây công nghiệp ngắn ngày hoặc dài ngày, cây lơng thực..., trong đó mỗi hộ gia đình được sử dụng tối đa 5.000 m<sup>2</sup> đất để làm kinh tế vườn; và một diện tích bãi cỏ chăn nuôi.

**Điều 7.** Đối với các dự án trồng cây công nghiệp như cao su, dâu tằm, cà-phê, chè, mía, bông, cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày quy mô mỗi dự án theo mức dân số một xã mới. Giao cho mỗi hộ để trồng các loại cây nói trên một số diện tích đất phù hợp với khả năng lao động và vốn đầu tư và được sử dụng ổn định, lâu dài trong đó có 3.000 m<sup>2</sup> đất làm kinh tế vườn.

Trong những năm trước mắt, các dự án loại này cần dựa vào các nông, lâm trường theo hướng quốc doanh dịch vụ 2 đầu. Nơi đất trống còn nhiều, có thể xây dựng thêm dự án mới, nhưng phải chuẩn bị chu đáo.



**Điều 8.** Các dự án chuyên về chăn nuôi với quy mô dân số một xã, mỗi hộ được giao đất để trồng cây thức ăn gia súc hoặc bãi cỏ chăn nuôi. Đồng thời, mỗi hộ được giao một số đất sử dụng ổn định, lâu dài để trồng cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày, các loại cây lợng thực có hiệu quả và làm kinh tế vờn.

**Điều 9.** Đối với các dự án sử dụng bãi bồi, đất trống ven biển, mặt nước nuôi trồng thủy sản có quy mô khoảng 700 ha, ngang mức dân số một xã, mỗi hộ gia đình được giao một số đất để nuôi tôm, cua, rau câu và 700 m<sup>2</sup> đất để làm vờn. Nhà nước đầu tư hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng theo nguyên tắc hoàn vốn bằng khấu hao. Việc xây dựng công trình nội đồng, nuôi trồng thủy sản do hộ gia đình đầu tư bằng vốn tự có hoặc vay vốn ngân hàng. Các bãi bồi, mặt nước nhỏ dưới 700 ha do địa phương đầu tư hoặc giao các hộ tự làm.

### **B. chính sách đầu tư :**

**Điều 10.** Vốn đầu tư hỗ trợ của Nhà nước cho chương trình sử dụng đất trồng, đời trợ bao gồm: vốn ngân sách (đầu tư trồng rừng, bảo vệ rừng, quỹ định canh định cơ, xây dựng kinh tế mới), thuế tài nguyên rừng, vốn viện trợ, vốn vay và hợp tác với nước ngoài trong đó, khuyến khích thật mạnh nguồn vốn của các đơn vị kinh tế, của tư nhân... Riêng tiền thuế tài nguyên rừng dành hoàn toàn để hỗ trợ vào đầu tư cho chương trình rừng. Dành khoảng 60% tổng vốn đầu tư để hỗ trợ cho xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở khoa học kỹ thuật, phúc lợi công cộng, trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, vờn giống quốc gia, hỗ trợ di chuyển dân, khai hoang sản xuất trong 6 tháng đầu. Vốn này đầu tư trực tiếp cho các chủ dự án theo phương thức không hoàn vốn. Khoảng 40% vốn còn lại dành cho các hộ gia đình vay theo nguyên tắc không lấy lãi. Việc hoàn trả vốn vay này bắt đầu thực hiện từ khi có sản phẩm; thời gian hoàn trả xong vốn và lãi được quy định thích hợp đối với từng loại cây, con.

Các hộ di vùng kinh tế mới được phép chuyển quyền sử dụng đất canh tác, đất thổ cư ở nơi đi để có thêm vốn đầu tư mới đến.

Các xã có dân di vùng kinh tế mới có trách nhiệm tích cực hỗ trợ vật chất và sức lao động cho các hộ khi di chuyển đi kinh tế mới.



Các công trình thuộc các dự án kinh tế mới, không phải thực hiện chính sách tiết kiệm 10% vốn đầu tư. Các Bộ chuyên ngành quản lý dự án được trích từ 5 - 6% tổng số vốn đầu tư dự án để chi cho công tác khuyến nông, chuyển giao công nghệ và quản lý.

**Điều 11.** Nhà nước khuyến khích mạnh mẽ các doanh nghiệp, Công ty cổ phần, Công ty và các hộ tư nhân, kể cả liên doanh giữa Công ty hoặc tư nhân với nước ngoài đầu tư vào việc trồng trọt, chăn nuôi ở vùng đất mới; các đơn vị kinh tế này được xét cho sử dụng đất trống, đồi trọc, bãi bồi ven biển, mặt nước phù hợp với quỹ đất ở từng vùng và khả năng đầu tư của từng doanh nghiệp, dưới nhiều hình thức, như đồn điền, trang trại, v.v.. kể cả cho tư nhân liên doanh với nước ngoài.

### **III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 12.** Từ nay đến năm 2000, hàng năm Nhà nước dành một khoản vốn thỏa đáng cho chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Năm 1993 là năm vừa bắt đầu thực hiện, vừa chuẩn bị tích cực cho năm 1994, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cần khẩn trương sớm mức đầu tư dành cho chương trình này, trình Hội đồng Bộ trưởng và Quốc hội cuối năm 1992.

**Điều 13.** Giao Bộ Lao động - Thương binh và xã hội nghiên cứu và sớm trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về chính sách trợ cấp tiền di chuyển và lán trại, lượng thực để khai hoang 6 tháng đầu nhằm khuyến khích trực tiếp cho hộ di dân, xây dựng vùng kinh tế mới.

Về chính sách giảm, miễn thuế, thực hiện theo luật pháp hiện hành. Bộ Tài chính chuẩn bị những điểm cần sửa đổi, bổ sung để đưa vào dự thảo Luật thuế nông nghiệp sửa đổi trình Hội đồng Bộ trưởng và Quốc hội.

**Điều 14.** Các cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý trực tiếp thực hiện dự án, làm công tác khuyến nông, chuyển giao công nghệ, được hưởng mức lương có tác dụng khuyến khích rõ rệt, nhất là ở vùng cao; nếu các dự án có hiệu quả thì được thưởng thêm một khoản tiền thỏa đáng. Giao Bộ Lao động - Thương binh và xã hội chủ trì cùng các Bộ hữu quan trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về vấn đề này.



**Điều 15.** Các Bộ chuyên ngành chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, các địa phương có liên quan để hoàn thành vào cuối tháng 1 năm 1993 sơ đồ tổng quan đến năm 2000 của các chương trình nông, lâm, thủy sản làm căn cứ xây dựng các loại dự án trên. Đồng thời, trực tiếp giúp cho các tỉnh, huyện và nông, lâm trường xây dựng một số loại dự án trọng điểm về nông lâm trường xong vào cuối tháng 11 năm 1992 để kịp đầu tư năm 1993.

Việc xét duyệt các dự án phải chặt chẽ, tiết kiệm. Đối với các công trình đã có thiết kế chính thức, nay chỉ nâng cao cấp sửa chữa, công trình giản đơn, do cán bộ kỹ thuật thi công chịu trách nhiệm, không nhất thiết phải thiết kế lại.

**Điều 16.** Các Bộ: Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Lâm nghiệp, Thủy sản, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải sắp xếp, tuyển chọn Giám đốc, chọn chủ dự án, chuyển đổi một số nông, lâm trường hiện có sang doanh nghiệp quốc doanh dịch vụ theo Nghị định 388-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng xong trong quý I năm 1993 để làm chỗ dựa cho các hộ gia đình sản xuất.

**Điều 17.** Thẩm quyền xét duyệt các dự án:

- Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt các dự án quy mô lớn, có liên quan đến nhiều tỉnh.
- Các Bộ trưởng chuyên ngành xét duyệt các dự án thuộc phạm vi nông, lâm trường hiện có trực thuộc Bộ và dự án nuôi trồng thủy sản có quy mô 700 ha trở lên, thẩm tra có trọng điểm các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xét duyệt các dự án trong phạm vi tỉnh và các dự án thuộc phạm vi nông, lâm trường hiện có do tỉnh quản lý, đồng thời thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với tất cả các dự án trên địa bàn tỉnh.
- Hai trung tâm khoa học quốc gia, Ủy ban Khoa học Nhà nước có trách nhiệm thẩm tra phản biện các dự án về mặt khoa học.

**Điều 18.** Ủy ban Khoa học Nhà nước chủ trì cùng Bộ Tài chính thẩm tra các dự án do các Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố duyệt. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước tổng hợp quy hoạch, kế hoạch đầu tư của các dự án, trợ

mất trình Hội đồng Bộ trưởng kế hoạch đầu toạ năm 1993 và chuẩn bị kế hoạch năm 1994. Trên cơ sở kế hoạch đợc duyệt các Bộ chuyên ngành và địa phương phân bố vốn cho dự án, Bộ Tài chính thông báo cho kho bạc cấp trực tiếp vốn đầu toạ cho các chủ dự án và cho các hộ gia đình vay vốn theo kế hoạch của từng dự án.

**Điều 19.** Bộ Lao động - Thương binh và xã hội chịu trách nhiệm xây dựng chính sách điều động lao động, dân cợ chính sách đối với cán bộ, v.v...

và quản lý, phân bố vốn sự nghiệp kinh tế mới đáp ứng yêu cầu của các loại dự án trên.

**Điều 20.** Các Bộ, Ủy ban Nhà nước có liên quan theo trách nhiệm, quyền hạn đợc giao tuyển chọn cán bộ chuyên trách để phụ trách các dự án thuộc ngành mình, ban hành kịp thời các chính sách, các văn bản hướng dẫn; chỉ đạo cấp dưới và cơ sở thực hiện.

Đồng chí đặc phái viên của Hội đồng Bộ trưởng có trách nhiệm giúp Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng trong việc phối hợp giữa các ngành, các địa phương, kiểm tra, đôn đốc và đề xuất các biện pháp để thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành, các Quyết định trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

**Võ Văn Kiệt**

(Đã ký)



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Số: 134/2004/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2004

**QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ Về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và ý kiến các Bộ, ngành, cơ quan: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (công văn số 1409/BNN-HTX ngày 23 tháng 6 năm 2004); Ủy ban Dân tộc (công văn số 398/UBDT-CSĐT ngày 28 tháng 6 năm 2004); Lao động - Thương binh và Xã hội (công văn số 1986/LĐTBXH-BTXH ngày 21 tháng 6 năm 2004); Xây dựng (công văn số 934/BXD-QLN ngày 22 tháng 6 năm 2004); Tài nguyên và Môi trường (công văn số 2019/BTNMT-ĐKTKĐĐ ngày 22 tháng 6 năm 2004); Tư pháp (công văn số 975/TP-PLHS-HC ngày 22 tháng 6 năm 2004); Tài chính (công văn số 7184/TC-NSNN ngày 29 tháng 6 năm 2004), Hội đồng dân tộc của Quốc hội (công văn số 443/CV-HĐDT ngày 17 tháng 6 năm 2004),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thực hiện một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn nhằm mục đích cùng với việc thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội, Nhà



nhà nước trực tiếp hỗ trợ hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo để có điều kiện phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, sớm thoát nghèo.

### **1. Đối tượng:**

Hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, định cư thường trú tại địa phương; là hộ nghèo sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp chưa có hoặc chưa đủ đất sản xuất, đất ở và có khó khăn về nhà ở, nước sinh hoạt.

### **2. Nguyên tắc:**

a) Hỗ trợ đất sản xuất, đất ở và nhà ở, nước sinh hoạt trực tiếp đến hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo;

b) Bảo đảm công khai, công bằng đến từng hộ, buôn, làng trên cơ sở pháp luật và chính sách của Nhà nước;

c) Phù hợp với phong tục, tập quán của mỗi dân tộc, vùng, miền, bảo tồn bản sắc văn hoá của từng dân tộc; phù hợp với điều kiện thực tiễn và gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương;

d) Các hộ được hỗ trợ đất sản xuất, đất ở và nhà ở, nước sinh hoạt phải trực tiếp quản lý và sử dụng để phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, góp phần xoá đói giảm nghèo. Trường hợp đặc biệt, khi hộ được hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở có nhu cầu di chuyển đến nơi khác thì phải ưu tiên chuyển nhượng quyền sử dụng đất sản xuất và đất ở cho chính quyền địa phương để giao lại cho hộ đồng bào dân tộc nghèo khác.

Người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không theo quy định này, Nhà nước sẽ thu hồi không bồi hoàn để giao cho hộ đồng bào dân tộc chưa có đất hoặc thiếu đất.

### **Điều 2. Về chính sách:**

#### **1. Đối với đất sản xuất:**

Mức giao đất sản xuất tối thiểu một hộ là 0,5 ha đất nông, rẫy hoặc 0,25 ha đất ruộng lúa nước một vụ hoặc 0,15 ha đất ruộng lúa nước hai vụ. Căn cứ

quỹ đất cụ thể của từng địa phương, khả năng lao động và số nhân khẩu của từng hộ và khả năng của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể xem xét, quyết định giao đất sản xuất cho hộ đồng bào với mức cao hơn.

## **2. Đối với đất ở:**

Mức giao diện tích đất ở tối thiểu 200 m<sup>2</sup> cho mỗi hộ đồng bào sống ở nông thôn. Căn cứ quỹ đất ở và khả năng ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể xem xét quyết định giao đất ở cho hộ đồng bào với mức cao hơn.

Việc hỗ trợ đất sản xuất và đất ở đối với hộ đồng bào dân tộc Khmer nghèo do đặc thù của vùng đồng bằng sông Cửu Long, Nhà nước sẽ có chính sách riêng.

## **3. Về nhà ở:**

Đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo tại chỗ (kể cả đồng bào dân tộc Khmer) hiện chưa có nhà ở hoặc nhà ở quá tạm bợ và đã hư hỏng, dột nát thì thực hiện phương châm: Nhân dân tự làm, Nhà nước hỗ trợ và cộng đồng giúp đỡ.

a) Ngân sách Trung ương hỗ trợ với mức 5 triệu đồng/hộ để làm nhà ở. Căn cứ tình hình và khả năng ngân sách, các địa phương hỗ trợ thêm và huy động sự giúp đỡ của cộng đồng.

b) Đối với các địa phương có rừng, có quy hoạch, kế hoạch khai thác gỗ hàng năm được duyệt thì cho phép Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được khai thác gỗ theo quy định để hỗ trợ đồng bào làm nhà ở. Mức gỗ hỗ trợ cụ thể cho mỗi hộ làm nhà ở do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Nghiêm cấm việc lợi dụng khai thác gỗ hỗ trợ làm nhà ở để chặt phá rừng

## **4. Về hỗ trợ giải quyết nước sinh hoạt:**

a) Đối với các hộ đồng bào dân tộc ở phân tán vùng cao, núi đá, khu vực khó khăn về nguồn nước sinh hoạt thì ngân sách Trung ương hỗ trợ 0,5 tấn xi



mãng/hộ để xây dựng bể chứa nước mưa hoặc hỗ trợ 300.000 đồng/hộ để đào giếng hoặc tạo nguồn nước sinh hoạt.

b) Đối với công trình cấp nước sinh hoạt tập trung: Ngân sách Trung ương hỗ trợ 100% cho các thôn, bản có từ 50% số hộ là đồng bào dân tộc thiểu số trở lên; hỗ trợ 50% đối với các thôn, bản có từ 20% đến dưới 50% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Các địa phương khi xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung cho đồng bào phải bảo đảm tính bền vững và hiệu quả.

**Điều 3.** Quỹ đất để giao cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ chưa có hoặc chưa đủ đất sản xuất, đất ở, bao gồm:

1. Đất công Nhà nước thu hồi theo quy hoạch. Đất điều chỉnh giao khoán trong các nông trường, lâm trường;
2. Đất thu hồi từ các nông trường, lâm trường hiện đang quản lý nhưng sử dụng kém hiệu quả; đất cho thuê, mượn hoặc cho mượn;
3. Khai hoang đất trống đồi núi trọc, đất chưa sử dụng;
4. Đất thu hồi từ các doanh nghiệp sản xuất không hiệu quả, sử dụng sai mục đích hoặc giải thể; đất thu hồi từ các cá nhân chiếm dụng hoặc cấp đất trái phép.
5. Đất do nông trường, lâm trường đang quản lý và sử dụng mà trước đây đất này do đồng bào dân tộc tại chỗ sử dụng thì nay phải điều chỉnh giao khoán lại (kể cả diện tích đất có vườn cây công nghiệp, rừng trồng) cho hộ đồng bào chưa được giao đất sản xuất hoặc chưa đủ đất sản xuất để tiếp tục quản lý, sử dụng theo quy định chung. Mức giao khoán cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.
6. Đất điều chỉnh từ các hộ gia đình tặng, cho hoặc tự nguyện chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

7. Trường hợp không có đất sản xuất nông nghiệp thì giao đất sản xuất lâm nghiệp, hạn mức giao thực hiện theo Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày

16 tháng 11 năm 1999 của Chính phủ về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng lâu dài vào mục đích lâm nghiệp và các quy định của Luật Đất đai.

**Điều 4. Hỗ trợ để tạo quỹ đất sản xuất và đất ở.**

1. Ngân sách Trung ương hỗ trợ để tạo quỹ đất sản xuất và đất ở, bao gồm: Khai hoang, đền bù khi thu hồi đất, nhận chuyển nhượng lại của hộ có nhiều đất với mức bình quân 5 triệu đồng/ha. Các tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương mình mà có quy định cụ thể.

2. Các Nông trường, Lâm trường được giao nhiệm vụ tổ chức cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số sản xuất thì cũng được ngân sách Trung ương hỗ trợ khai hoang bình quân 5 triệu đồng/ha; đồng thời hỗ trợ vốn làm đường giao thông, đầu tư lưới điện và xây dựng công trình thủy lợi nhỏ.

**Điều 5. Nguồn vốn thực hiện**

1. Ngân sách Trung ương bảo đảm các khoản chi theo định mức hỗ trợ quy định tại Quyết định này.

2. Ngân sách địa phương bố trí kinh phí không dưới 20% so với số vốn Ngân sách Trung ương bảo đảm, đồng thời huy động thêm các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện mục tiêu, chính sách này.

3. Các địa phương chủ động bố trí kinh phí để thực hiện việc đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đồng bào.

**Điều 6. Tổ chức thực hiện:**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện trong việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho các hộ đồng bào dân tộc nghèo.

a) Công bố công khai các tiêu chuẩn, đối tượng và điều tra lập danh sách các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo tại chỗ chưa có hoặc chưa đủ đất sản xuất, đất ở và có khó khăn về nhà ở, nước sinh hoạt trên địa bàn.

b) Lập và phê duyệt đề án giải quyết đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo trên địa bàn tỉnh mình (kể cả việc ra quyết định điều chỉnh khoán và thu hồi đất của các nông, lâm trường do các Bộ và các cơ quan, đơn vị quản lý trên địa bàn), gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định kế hoạch hàng năm.

Các công việc trên phải hoàn thành trong quý 3 năm 2004. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan để xem xét, giải quyết.

c) Chỉ đạo các cơ quan có liên quan, các cấp chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn, tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số, đẩy nhanh việc xoá đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống đồng bào dân tộc.

d) Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện, đảm bảo các chính sách đến được từng hộ đồng bào dân tộc; không được để xảy ra thất thoát, tiêu cực.

đ) Đến cuối năm 2006 phải cơ bản thực hiện xong các chính sách quy định tại Quyết định này.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn và giúp đỡ các địa phương trong việc xây dựng, cải tạo các công trình thủy lợi nhỏ, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, giải quyết nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn theo hướng phát triển sản xuất xoá đói giảm nghèo.

3. Bộ Xây dựng hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Căn cứ đề án giải quyết đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

chủ trì thống nhất với Bộ Tài chính tổng hợp kế hoạch và bố trí vốn bổ sung có mục tiêu cho các địa phương trong kế hoạch và dự toán ngân sách nhà

nguồn năm 2005 và năm 2006, trình Thủ tướng Chính phủ.

5. Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chính sách cụ thể việc thu hồi đất sản xuất của các nông trường, lâm trường (kể cả vườn cây lâu năm, rừng trồng) để giao khoán cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo.

6. Ủy ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này; định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

7. Các Bộ, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm kiểm tra, hỗ trợ các địa phương thực hiện có hiệu quả các chính sách quy định tại Quyết định này.

**Điều 7.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Quyết định số 154/2002/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ và hộ dân thuộc diện chính sách ở các tỉnh Tây Nguyên mua trả chậm nhà ở.

**Điều 8.** Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**THỦ TƯỚNG**

*(Đã ký)*

**Phan Văn Khải**



THỦ TƯỚNG CHÍNH  
PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 167/2008/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2008

## QUYẾT ĐỊNH

### Về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;  
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở nhằm mục đích cùng với việc thực hiện các chính sách thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010, Nhà nước trực tiếp hỗ trợ các hộ nghèo để có nhà ở ổn định, an toàn, từng bước nâng cao mức sống, góp phần xoá đói, giảm nghèo bền vững.

### **Điều 2.** Đối tượng và phạm vi áp dụng

#### 1. Đối tượng:

Đối tượng được hỗ trợ về nhà ở theo quy định của Quyết định này phải có đủ ba điều kiện sau:

a) Là hộ nghèo (theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2006 - 2010), đang cư trú tại địa phương, có trong danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý tại thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành;

b) Hộ chọạ có nhà ở hoặc đã có nhà ở nhọng nhà ở quá tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở;

c) Hộ không thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn và theo các chính sách hỗ trợ nhà ở khác.

## 2. Xếp loại thứ tự ưu tiên hỗ trợ:

Thực hiện ưu tiên hỗ trợ trước cho các đối tượng theo thứ tự sau đây:

- a) Hộ gia đình có công với cách mạng;
- b) Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số;
- c) Hộ gia đình trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai;
- d) Hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật...);
- đ) Hộ gia đình đang sinh sống trong vùng đặc biệt khó khăn;
- e) Các hộ gia đình còn lại.

## 3. Phạm vi áp dụng:

Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở được áp dụng đối với các hộ thuộc diện đối tượng theo quy định của Quyết định này đang cư trú tại khu vực không phải là đô thị trên phạm vi cả nước.

## **Điều 3.** Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ trực tiếp đến hộ gia đình để xây dựng nhà ở theo đối tượng quy định.

2. Bảo đảm công khai, công bằng và minh bạch đến từng hộ gia đình trên cơ sở pháp luật và chính sách của Nhà nước; phù hợp với phong tục tập quán của mỗi dân tộc, vùng, miền, bảo tồn bản sắc văn hoá của từng dân tộc;

phù hợp với điều kiện thực tiễn và gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương.

3. Nhà nước hỗ trợ, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tham gia đóng góp để xây dựng được một căn nhà có diện tích sử dụng tối thiểu 24 m<sup>2</sup>; tuổi thọ căn nhà từ 10 năm trở lên.

**Điều 4.** Mức hỗ trợ, mức vay và phoạng thức cho vay

1. Mức hỗ trợ:

Ngân sách trung ương hỗ trợ 06 triệu đồng/hộ. Đối với những hộ dân thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở đang cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn quy định tại Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn thì ngân sách trung ương hỗ trợ 07 triệu đồng/hộ. Các địa phương có trách nhiệm hỗ trợ thêm ngoài phần ngân sách trung ương hỗ trợ và huy động cộng đồng giúp đỡ các hộ làm nhà ở.

2. Mức vay và phương thức cho vay:

a) Mức vay: hộ dân có nhu cầu, được vay tín dụng từ Ngân hàng Chính sách Xã hội để làm nhà ở. Mức vay tối đa 08 triệu đồng/hộ, lãi suất vay 3%/năm. Thời hạn vay là 10 năm, trong đó thời gian ân hạn là 5 năm. Thời gian trả nợ là 5 năm, mức trả nợ mỗi năm tối thiểu là 20% tổng số vốn đã vay;

b) Phương thức cho vay: Ngân hàng Chính sách Xã hội thực hiện phương thức uỷ thác cho vay từng phần qua các tổ chức chính trị - xã hội hoặc trực tiếp cho vay. Đối với phương thức cho vay uỷ thác qua các tổ chức chính trị - xã hội, việc quản lý vốn bằng tiền, ghi chép kế toán và tổ chức giải ngân đến người vay do Ngân hàng Chính sách Xã hội thực hiện.

**Điều 5. Số lượng hỗ trợ và nguồn vốn thực**

hiện 1. Số lượng hỗ trợ:

Dự kiến tổng số hộ được hỗ trợ về nhà ở theo quy định tại Quyết định này là 500.000 hộ.

2. Nguồn vốn thực hiện:

a) Ngân sách địa phương bố trí vốn đối ứng không dưới 20% so với số vốn ngân sách trung ương bảo đảm, đồng thời huy động thêm các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện mục tiêu, chính sách này. Đối với các địa phương có khó khăn về ngân sách (phải nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương) thì ngân

sách trung ợng hỗ trợ bổ sung phần vốn đối ứng cụ thể theo các mức sau: 20% cho các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung

ơng trên 70% dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2008; 15% cho các địa phương nhận bổ sung từ 50% - 70% dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2008; 10% cho các địa phương nhận bổ sung dưới 50% dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2008;

b) Ngân hàng Chính sách Xã hội bảo đảm kinh phí cho các hộ dân thuộc diện đối tượng vay theo mức quy định tại Quyết định này. Nguồn vốn cho vay do ngân sách trung ương cấp 50% trên tổng số vốn vay cho Ngân hàng Chính sách Xã hội, 50% còn lại do Ngân hàng Chính sách Xã hội huy động. Ngân sách trung ương cấp bù chênh lệch lãi suất cho Ngân hàng Chính sách Xã hội theo quy định;

c) Vốn huy động từ quỹ “Ngày vì người nghèo” do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động và từ các doanh nghiệp do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam vận động;

d) Vốn huy động của cộng đồng, dòng họ và của chính hộ gia đình được hỗ trợ;

đ) Đối với các địa phương có rừng, có quy hoạch, kế hoạch khai thác gỗ hàng năm được duyệt thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khai thác gỗ theo quy định để hỗ trợ hộ nghèo làm nhà ở. Khối lượng gỗ cụ thể cho mỗi hộ làm nhà do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Nghiêm cấm việc lợi dụng khai thác gỗ hỗ trợ làm nhà ở để chặt phá rừng sử dụng vào mục đích khác.

## **Điều 6. Cách thức thực hiện**

1. Bình xét và phê duyệt danh sách hỗ trợ nhà ở:

- Cơ sở thôn, bản tổ chức bình xét đối tượng và phân loại ưu tiên theo đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch;

- Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp danh sách số hộ được hỗ trợ, đồng thời lập danh sách các hộ có nhu cầu vay vốn báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

2. Cấp vốn làm nhà ở:

121

- Căn cứ số vốn được phân bổ từ ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương, vốn do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam huy động phân bổ cho địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân bổ cho cấp huyện, đồng thời gửi danh sách vay vốn cho Ngân hàng Chính sách Xã hội để thực hiện cho vay. Đối với những hộ dân được hỗ trợ từ nguồn vốn do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam huy động mà mức hỗ trợ chưa đủ so với mức vay theo quy định của Quyết định này thì được vay theo số còn thiếu.

- Căn cứ số vốn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân bổ, Ủy ban nhân dân cấp huyện phân bổ vốn hỗ trợ cho cấp xã.

Việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn vốn hỗ trợ áp dụng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Đối với vốn vay, hộ dân trực tiếp ký khế ước vay vốn theo quy định của Ngân hàng Chính sách Xã hội.

### 3. Thực hiện xây dựng nhà ở:

- Ủy ban nhân dân cấp xã giao Ban Giảm nghèo cấp xã hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các hộ dân xây dựng nhà ở đảm bảo yêu cầu về diện tích và chất lượng nhà ở theo quy định của Quyết định này và vận động các hộ dân tự xây dựng nhà ở. Đối với hộ dân có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật...) không thể tự xây dựng nhà ở thì Ban Giảm nghèo cấp xã tổ chức xây dựng nhà ở cho các đối tượng này.

### **Điều 7.** Thời gian và tiến độ thực hiện

1. Trong năm 2008 các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải cơ bản thực hiện xong việc bình xét, lập danh sách số hộ nghèo được hỗ trợ về nhà ở theo quy định của Quyết định này; đồng thời lập và phê duyệt Đề án

Hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Bộ Xây dựng và Bộ Tài chính.

2. Đến cuối năm 2011 cơ bản thực hiện xong chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở, trong đó hoàn thành việc hỗ trợ cho các đối tượng là hộ nghèo thuộc diện chính sách và hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo theo quy định.

3. Đến cuối năm 2012 hoàn thành thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo quy định của Quyết định này.

4. Năm 2013 tổng kết, đánh giá thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở.

### **Điều 8.** Tổ chức thực hiện

1. Đối với các Bộ, ngành Trung

ương a) Bộ Xây dựng:

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc, Ngân hàng Chính sách Xã hội hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập Đề án Hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở;

- Thành lập Ban Điều phối chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở với sự tham gia của đại diện các Bộ, ngành liên quan: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc, Ngân hàng Chính sách Xã hội;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo đúng mục tiêu và yêu cầu; tổng hợp kết quả thực hiện, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

- Lập dự toán chi phí hoạt động của Ban Điều phối chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở cho cả Chương trình và hàng năm gửi Bộ Tài chính để cân đối, bố trí kinh phí hoạt động của Ban Điều phối.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư căn cứ Đề án Hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt, phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp kế hoạch và bố trí vốn có mục

tiêu cho các địa phương trong kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2009 và các năm tiếp theo báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề trình Quốc hội phê duyệt;

c) Bộ Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí vốn từ ngân sách trung ương hỗ trợ cho các hộ thuộc diện đối tượng theo quy định và bố trí vốn cho Ngân hàng Chính sách Xã hội thực hiện cho vay theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí vốn ngân sách trung ương bảo đảm phương tiện và kinh phí hoạt động cho Ban Điều phối chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo dự toán kinh phí hoạt động hàng năm;

- Hướng dẫn các địa phương công tác lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn vốn hỗ trợ.

d) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc khai thác gỗ theo quy định để hỗ trợ hộ nghèo làm nhà ở đối với các địa phương có rừng, có quy hoạch, kế hoạch khai thác gỗ hàng năm được duyệt;

đ) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo Ngân hàng Chính sách Xã hội thực hiện cho vay, thu hồi nợ vay, hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, thủ tục vay vốn làm nhà ở theo quy định đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện.

2. Đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện trong việc lập, phê duyệt đề án và tổ chức

thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở;

b) Công bố công khai các tiêu chuẩn, đối tượng và chỉ đạo bình xét, lập danh sách các hộ nghèo có khó khăn về nhà ở trên địa bàn; phân loại ưu tiên thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định. Chỉ đạo việc lập và phê

duyệt danh sách hộ nghèo thuộc diện được vay vốn làm nhà ở theo quy định của Quyết định này;

c) Gửi Đề án Hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở trên địa bàn đã được phê duyệt về Bộ Xây dựng là cơ quan chủ trì, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Chính sách Xã hội và các Bộ, ngành liên quan để phối hợp đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

d) Chỉ đạo công tác lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn vốn hỗ trợ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

đ) Giao việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở cho Ban Chỉ đạo thực hiện các mục tiêu giảm nghèo các cấp của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; giao Sở Xây dựng là cơ quan thường trực chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo quy định tại Quyết định này;

e) Bố trí đủ vốn đối ứng theo quy định tại Quyết định này. Chỉ đạo các cơ quan liên quan, các cấp chính quyền địa phương phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn vận động cộng đồng giúp đỡ hộ nghèo làm nhà ở;

g) Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện, đảm bảo chính sách đến được từng hộ nghèo có khó khăn về nhà ở; không để xảy ra thất thoát, tiêu cực; đảm bảo các hộ nghèo có nhà ở sau khi được hỗ trợ theo quy định của Quyết định này;

h) Định kỳ 6 tháng một lần báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo nhà ở về Bộ Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục phát huy cuộc vận động „,„Ngày vì người nghèo“,“, phối hợp với Chính phủ và chính quyền các cấp trong việc vận động tạo thêm nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở.

Phối hợp với Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành liên quan trong việc phân bổ nguồn vốn do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Phòng

Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã huy động được (bao gồm vốn bằng tiền hoặc hiện vật như nhà ở, vật liệu xây dựng...) cho các địa phương đảm bảo hợp lý và công bằng. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt

Nam thực hiện chức năng giám sát quá trình triển khai thực hiện chính sách đảm bảo đúng mục tiêu và yêu cầu. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tích cực vận động các doanh nghiệp ủng hộ, giúp đỡ, hỗ trợ hộ nghèo cải thiện nhà ở.

**Điều 9.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 10.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

- BQL KKTCKQT Bờ Y;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;

**THỦ TƯỚNG**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Tấn Dũng**

## PHỤ LỤC 2

### MỘT SỐ HÌNH ẢNH MINH HỌA







## CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA NGƯỜI THÁI ĐEN Ở XÃ BÌNH SƠN, HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA



**H7.** Trồng cây lâm nghiệp (cây keo).

Ảnh: Vũ Diệu, ngày 20/10/2015

**H8.** Thu hoạch chè.

Ảnh: Vũ Diệu, ngày 20/10/2015



**H9.** Tới nước cho khoai vụ thu đông

**H10.** Trồng và chăm sóc ngô vụ đông

Ảnh: Vũ Diệu, ngày 22/11/2015

Ảnh: Vũ Diệu, ngày 18/11/2015



Ảnh: Vũ Diệu, ngày 22/2/2016

**H11.** Đánh bắt cá dưới ao, cải thiện bữa ăn hàng ngày. Ảnh: Vũ Diệu, ngày 25/2/2016



**H13.** Thương lái thu mua và vận chuyển chè

đi bán ở một số huyện vùng xuôi.



**H12.** Thợ sàng lá người Kinh thu mua chè khô của người Thái. Ảnh: Vũ Diệu, ngày 22/2/2016

**H14.** Trồng rau, cải thiện bữa ăn hàng ngày. Ảnh: Vũ Diệu, ngày 25/2/2016





H15. Kinh doanh buôn bán nhỏ. Ảnh: Vũ Diệu, ngày 20/10/2015

## NHÀ Ở TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI THÁI



H16. Nhà sàn – loại  
n thống  
hình nhà ở truyền



H17. Cầu thang và gầm nhà  
sàn

của người Thái. Nguồn: Báo tàng  
DTHVN

Nguồn: Bảo tàng DTHVN

131



**H18.** Bếp lửa trên nhà sàn

Nguồn: Bảo tàng DTHVN



**H19.** Mái phụ của ngôi nhà sàn

Nguồn: Bảo tàng DTHVN



**H20.** Ta leo. Nguồn: Bảo tàng DTHVN

132



H21. Chỗ thờ ma nhà. Nguồn: Bảo tàng DTHVN



H22. Uống rượu cần trong đám cưới của người Thái. Nguồn : Bảo tàng

DTHVN

133



**H23.** Phụ nữ Thái chuẩn bị xôi cho bữa ăn hàng ngày. Nguồn : Bảo tàng DTHV



**H24.** Phụ nữ Thái vo gạo, đồ xôi.

Nguồn : Bảo tàng DTHVN



**H25.** Ngồi phụ nữ Thái đang dệt vải. Nguồn : Bảo tàng DTHVN



H26. Đan lát. Nguồn : Bảo tàng DTHVN

## CÁC LOẠI HÌNH NHÀ Ở HIỆN NAY



**H27.** Nhà xây 3 gian lợp bằng mái ngói. Ảnh: Vũ Diệu, ngày 15/12/2015



**H.28.** Nhà ngói 5 gian và hệ thống các công trình phụ  
Ảnh: Vũ Diệu, ngày 15/12/2015



**H29.** Nhà đổ mái bằng. Ảnh: Vũ Diệu, ngày 17/12/2015





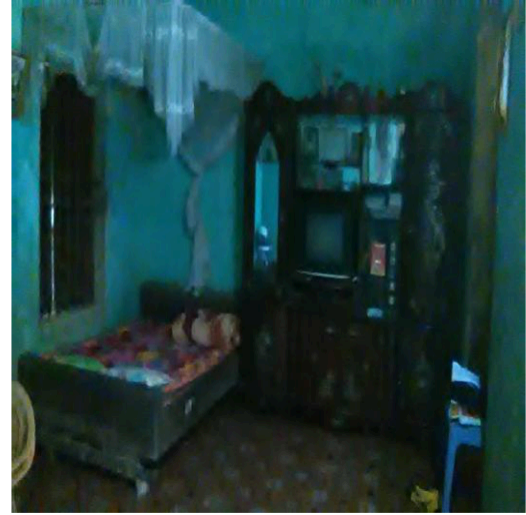
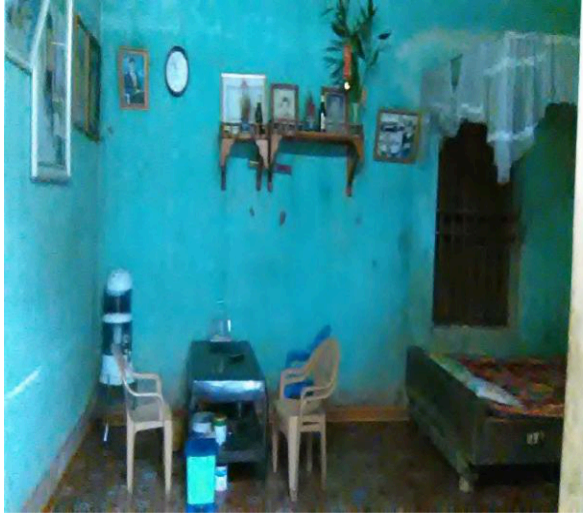
**H30.** Nhà biệt thự. Ảnh: Vũ Diệu, ngày 17/12/2015



**H31.** Nhà cao tầng, Ảnh: Vũ Diệu, ngày 18/12/2016



## **PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG KHÔNG GIAN TRONG NGÔI NHÀ HIỆN NAY**



**H33.** Không gian phòng khách. Ảnh: Vũ Diệu, ngày 15/2/2016

**H34.** Chỗ ngủ của nam giới và khách Ảnh: Vũ Diệu, ngày 15/2/2016



**H35.** Bàn thờ gia tiên trong dịp Tết Nguyên Đán của người Thái Đen ở xã Bình Sơn Ảnh: Vũ Diệu, ngày 31/1/2014 (Mùng 1 Tết)



H36. Nơi thờ thần thổ địa. Ảnh: Vũ Diệu, ngày 31/1/2014 (Mùng 1 Tết)



H37. Chủ nhà là dâu trồng rót rượu mời ma nhà trong ngày Tết

Ảnh Vũ Diệu, ngày 31/1/2014 (Mồng 1 Tết)



**H39.** Thầy mo làm lễ cúng Mồng 1 Tết cho gia chủ.

Ảnh Vũ Diệu, ngày 31/1/2014 (Mồng 1 Tết)

